

KỂ CHUYỆN

1

nuongmaitruongxua.v



KỂ CHUYỆN

LỚP 1

Biên soạn :

ĐỖ LÊ CHÂN – NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO

Với sự cộng tác của :

TRINH MẠNH – ĐÀO DUY MÃN
NGUYỄN CỎ – ĐỖ QUANG LƯU

thuongmaitruongxua.vn

Ngày 8/1981
H2



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC – 1981

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

I — MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÔN KỂ CHUYỆN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG CƠ SỞ

A — VỊ TRÍ MÔN KỂ CHUYỆN

Giờ kể chuyện ở trường phổ thông cơ sở là một trong những giờ hấp dẫn nhất đối với học sinh nếu nội dung câu chuyện lí thú và người giáo viên có phương pháp kể tốt. Trẻ em rất thích nghe kể chuyện. Từ lúc lên 3, lên 4 tuổi, các em đã đòi bà hoặc mẹ kể chuyện cho nghe. Cho nên ta có thể nói rằng: Ở lứa tuổi thiếu nhi, nghe kể chuyện là một nhu cầu không thể thiếu được.

Đọc hồi kí của các nhà văn lớn, các danh nhân, chúng ta đều thấy nhiều người nói đến tác dụng của các câu chuyện được nghe bà, mẹ hoặc người chăm sóc nuôi nấng mình kể từ lúc còn tằm bé (xem tiểu sử và hồi kí của Puskin, Máxim Goocki, v.v...). Trong gia đình Các Mác, chính Người cũng đã từng kể rất nhiều truyện cổ tích và thần thoại cho các con nghe. Và, những truyện đó đã để lại cho con cái Người những ấn tượng sâu sắc, tốt đẹp (xem cuốn *Jenny Mác*).

Biên soạn : ĐỖ LÊ CHÂN
NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO

Biên tập : ĐỖ QUANG LƯU

Trình bày bìa : PHẠM THỊ HÀ

Môn kể chuyện có tác dụng to lớn về nhiều mặt như bồi dưỡng tâm hồn, trau dồi vốn sống, vốn ngôn ngữ, vốn văn học, phát triển các năng lực trí tuệ của trẻ. Giáo viên cần nhận thức rõ tác dụng ấy và không nên cho giờ kể chuyện là một giờ « lấp chỗ trống », một giờ giải trí đơn thuần. Dĩ nhiên là kể chuyện có tác dụng giải trí một phần, nhưng đó không phải là yêu cầu chủ yếu, duy nhất.

Hiện nay ở nhiều nước trên thế giới, trong chương trình ngữ văn cấp phổ thông, môn kể chuyện rất được coi trọng. Nhiều nơi có những phòng thiết bị riêng chuyên dùng trong tiết kể chuyện. (Phòng này trang bị các phương tiện cần thiết như đèn chiếu, phòng màn, các thứ trang trí khác để tạo khung cảnh thích hợp. Ví dụ: Chuyện kể về một khu rừng, một động tiên, một con cá sấu... thì phòng đó có cách trang trí phù hợp với khung cảnh đó. Học sinh ngồi trong phòng nghe kể chuyện mà như đứng trước một khung cảnh đang diễn ra của câu chuyện chẳng khác gì đi xem kịch, xem phim...). Hiện nay điều kiện kinh tế ở nước ta chưa cho phép có những thiết bị như vậy, nhưng chúng ta cũng phải thấy hướng vươn tới trong tương lai để nâng tác dụng to lớn của môn kể chuyện lên ở những nơi có điều kiện. Nhưng dù có thiết bị hiện đại đến đâu nữa, người giáo viên vẫn đóng vai trò chủ yếu và quyết định. Các thiết bị chỉ có tác dụng hỗ trợ.

B — NHIỆM VỤ MÔN KỂ CHUYỆN

Môn kể chuyện ở trường phổ thông cơ sở có nhiệm vụ:

1. Bồi dưỡng tâm hồn cho trẻ, đem lại niềm vui cho trẻ.

Thông qua nội dung các chuyện kể, chúng ta đem lại niềm vui cho trẻ, bồi dưỡng cho trẻ nhiều tình tốt

của con người mới xã hội chủ nghĩa như thật thà, dũng cảm, yêu lao động, yêu người lao động, yêu chính nghĩa, ghét gian tà, ghét bất công, áp bức... Môn kể chuyện còn giúp chúng ta bồi dưỡng cho trẻ em nhiều phẩm chất tốt đẹp khác nhất là óc tưởng tượng. Óc tưởng tượng là một phẩm chất quý báu của con người. Nó giúp cho con người không ngừng vươn lên trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Lênin đã từng nói về óc tưởng tượng như sau: « Thật là bất công nếu nghĩ rằng óc tưởng tượng chỉ cần thiết đối với người làm thơ. Ngay cả trong toán học cũng cần có óc tưởng tượng, ngay cả việc phát minh ra phép tính vi phân và tích phân cũng sẽ không thể nào có được nếu thiếu óc tưởng tượng. Óc tưởng tượng là một phẩm chất quý giá vô cùng »⁽¹⁾.

Chính bởi vậy, nếu chúng ta gạt bỏ những câu chuyện thần thoại, cổ tích, ngụ ngôn... ra khỏi cuộc sống của trẻ thơ, chúng ta sẽ làm cho trẻ em trở thành những người khô khan, thực dụng, trí óc nghèo nàn, tâm hồn buồn tẻ.

2. Trau dồi vốn sống và vốn văn học cho trẻ.

Các câu chuyện kể đều phản ánh trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hiện thực của cuộc sống xưa và nay như đời sống khổ cực, bị áp bức của nhân dân lao động thuở xưa, bộ mặt ích kỷ, tham lam, gian tà của giai cấp bóc lột, các tập quán cổ truyền của dân tộc, các gương chiến đấu chống ngoại xâm, xây dựng đất nước... Vì vậy, môn kể chuyện làm giàu thêm kiến thức về cuộc sống cho các em. Trong những năm đầu của trường phổ thông cơ sở, mỗi năm học các em được giáo viên kể cho nghe hàng mấy chục chuyện có nội

(1) Lênin toàn tập — Tập 33 — trang 384.

dụng bổ ích và lí thú. Học xong trường phổ thông cơ sở, học sinh có thể đã được nghe kể và nhớ được hàng mấy trăm truyện thần thoại, cổ tích, ngụ ngôn, danh nhân... Như vậy, môn kể chuyện đã góp phần tích lũy cho các em một số vốn văn học đáng kể.

Mặt khác môn kể chuyện có quan hệ mật thiết với môn Tập làm văn. Chương trình Tập làm văn nói và viết đều có loại văn kể chuyện. Vì vậy dạy tốt môn Kể chuyện, chúng ta góp phần rèn luyện kĩ năng nói và viết cho học sinh.

3. Làm phát triển ngôn ngữ và tư duy của trẻ.

Các chuyện kể cho học sinh nghe, đặc biệt là các truyện dân gian, thường có ngôn ngữ giản dị trong sáng, giàu hình ảnh. Qua lời kể sinh động, truyền cảm, mẫu mực, chúng ta sẽ làm giàu thêm vốn từ, ngữ của học sinh, sẽ hình thành cho trẻ kĩ năng cảm thụ văn học, kĩ năng diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, sinh động. Theo chương trình cải cách giáo dục, môn Kể chuyện gắn chặt với môn Tập nói. Sau khi nghe giáo viên kể, học sinh tập kể lại từng phần hoặc toàn bộ câu chuyện bằng ngôn ngữ của mình. Như vậy môn Kể chuyện góp phần làm cho ngôn ngữ của trẻ được phát triển, đồng thời cũng có nghĩa là làm cho tư duy của các em phát triển (vì ngôn ngữ chính là cái vỏ của tư duy).

Ngoài ra, môn Kể chuyện còn có tác dụng rèn luyện trí nhớ, óc phán đoán, óc suy luận lô-gic... Trí nhớ rất cần thiết cho việc học tập và cho cuộc sống. Óc phán đoán, óc suy luận cũng không thể thiếu được trong học tập và trong cuộc sống hằng ngày. Nghe/kể chuyện rồi kể lại chuyện đã nghe, việc đó góp phần luyện trí nhớ cho học sinh. Nội dung các câu chuyện kể đặt ra cho học sinh nhiều vấn đề cần phải so sánh, phê phán, phán đoán, suy luận, rút ra kết luận, rút

ra bài học... Được nghe kể chuyện rồi kể lại chuyện đã nghe, dần dần nay một ít, mai một ít, việc đó giúp cho năng lực tư duy của học sinh không ngừng phát triển.

C – NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KỂ CHUYỆN

Theo chương trình cải cách giáo dục, ở 5 lớp đầu của trường phổ thông cơ sở (từ lớp 1 đến lớp 5), mỗi tuần có 1 tiết kể chuyện. Tùy theo trình độ nhận thức và lứa tuổi thấp hay cao mà nội dung chuyện ít hay nhiều phức tạp, ngắn hay dài...

Ở các lớp 1 và 2, vốn ngôn ngữ các em còn nghèo, tư duy chưa phát triển, vốn sống còn ít, nên chuyện kể ở hai lớp này phần lớn là những câu chuyện đơn giản, ít tình tiết; phần giáo dục, giáo dưỡng phải nhẹ nhàng; phần nhiều là truyện thần thoại, cổ tích.

Ở các lớp 3, 4, 5, tư duy các em phát triển hơn, óc phân tích, tổng hợp, khái quát, suy luận nảy nở nhiều hơn. Vì vậy nội dung chuyện ở ba lớp này cao hơn, nhiều tình tiết hơn, diễn biến sự việc và tâm lí nhân vật phức tạp hơn, chuyện có nhiều loại thể hơn.

Theo chương trình cải cách giáo dục, chuyện kể ở năm lớp đầu của trường phổ thông cơ sở bao gồm những loại như sau:

1. Truyện thần thoại và cổ tích.

Đó là những truyện nổi tiếng trong kho tàng truyện cổ nước ta mà em học sinh nào, người Việt Nam nào cũng rất thích và cũng cần phải biết (như: truyện *Âu Cơ và Lạc Long Quân*, *Thánh Gióng*, *Sơn Tinh Thủy Tinh*, *Nỏ thần*...).

Truyện thần thoại, cổ tích phản ánh nhiều phong tục và sự kiện xa xưa, làm cho học sinh biết được

cuộc sống sản xuất và chiến đấu của ông cha ngày trước. Các truyện này có tác dụng làm cho các em gần gũi với các thế hệ trước, bồi dưỡng ý thức dân tộc và tinh thần tự hào dân tộc cho các em. Các truyện thần thoại, cổ tích nói chung đều tươi sáng, đượm tính chất lạc quan, phân biệt rõ rệt chính tà, lại có sức hấp dẫn của những yếu tố thần kỳ, nên có tác dụng rất tốt đối với việc giáo dục thiếu nhi. Trong đời sống tinh thần của tuổi thơ, thiếu những truyện cổ tích và thần thoại là một thiệt thòi lớn đối với các em.

Phân biệt một cách khái quát và giản đơn thì truyện thần thoại phản ánh cuộc đấu tranh giữa người với thiên nhiên, còn truyện cổ tích phản ánh cuộc đấu tranh giữa người với người trong xã hội, đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Chúng ta không nên lẫn lộn truyện thần thoại, cổ tích với các chuyện mê tín, dị đoan. Trong các truyện thần thoại, cổ tích tuy có yếu tố hoang đường, có nhân vật thần tiên xuất hiện (nhằm giúp đỡ người lương thiện trừng trị kẻ ác), nhưng ý nghĩa bao quát của truyện là đề cao con người, ca ngợi con người, muốn giải phóng con người khỏi sự ràng buộc của tự nhiên và sự áp bức của giai cấp bóc lột, thống trị, muốn thực hiện những ước mơ táo bạo, cao đẹp của con người mà hoàn cảnh lịch sử chưa cho phép. Ngược lại, các chuyện ma quỷ, chuyện mê tín dị đoan chỉ nhằm hạ thấp vai trò con người, làm cho con người cảm thấy bé nhỏ, bất lực trước sức mạnh huyền bí nào đó, để phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị bóc lột.

2. Truyện ngụ ngôn, truyện cười.

Đó là những truyện mang ý nghĩa giáo dục nhất định về đạo lý làm người (như: *Rùa chạy thi với Thỏ*, *Đi tìm gan Cóc tí...*).

Các truyện này thường nêu ra các khuyết điểm, phê phán một cách hóm hỉnh các thói hư, tật xấu của con người. Truyện thường nặng về lý trí, không có yếu tố thần tiên. Khi xây dựng những truyện này người ta thường dùng lối cường điệu một cách dí dỏm những thói hư tật xấu, nhằm phê phán nó nhẹ nhàng mà sâu sắc. Kết thúc câu chuyện thường là bất ngờ, nhiều khi làm bật lên tiếng cười. Ý nghĩa răn đời, dạy người của loại truyện này khá rõ rệt, nhưng cũng rất tế nhị, dễ tiếp thu đối với cả người lớn lẫn trẻ em.

3. Chuyện lịch sử, chuyện về các danh nhân.

Đó là những mẩu chuyện về một thời kỳ lịch sử nào đó của dân tộc với những tấm gương sáng chói của các vị anh hùng tiêu biểu (Như chuyện Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Quốc Toản..., chiếc gươm thần của Lê Lợi..., những mẩu chuyện về Bác Hồ...). Những mẩu chuyện này có tác dụng làm nảy sinh và phát triển ý thức, tình cảm về giống nòi, về làng nước từ đó, khơi dậy trong học sinh lòng yêu nước, tự hào dân tộc chân chính. Những tấm gương sáng về các vị anh hùng dân tộc trong công cuộc dựng nước, giữ nước sẽ kêu gọi trong học sinh lòng khát khao phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, ý thức trách nhiệm đối với lịch sử, đối với hiện tại và tương lai.

Trong cuộc sống của loài người, mối quan hệ khăng khít, trực tiếp và gián tiếp giữa nước này với nước khác, giữa dân tộc này và dân tộc khác là không thể thiếu được và ngày càng được mở rộng. Cho nên không chỉ biết trân trọng lịch sử nước mình, quý mến danh nhân nước mình mà không biết đến, không trân trọng và quý mến lịch sử và danh nhân các nước khác trên thế giới. Vì vậy, trong chương trình môn kể chuyện, bên cạnh những danh nhân Việt Nam còn có cả một số danh nhân thế giới tiêu biểu.

4. Chuyện khoa học.

Đó là những chuyện viết về các hiện tượng tự nhiên, giải thích các quy luật của tự nhiên một cách khoa học bằng những hình tượng văn học. Nó nhằm thỏa mãn trí tò mò khoa học của trẻ, kích thích lòng ham hiểu biết khoa học, lòng say mê tìm tòi, nghiên cứu khoa học. Nó còn giúp cho tư duy, trí tưởng tượng và ước mơ của trẻ phát triển.

5. Chuyện Người thực, việc thực.

Chuyện *Người thực, việc thực* là loại chuyện viết về những con người tốt, những việc làm tốt *có thật* trong đời sống hằng ngày được các nhà văn ghi chép, xây dựng thành chuyện có kết cấu, có tình tiết hấp dẫn, có giá trị văn học, có tác dụng giáo dục và giáo dưỡng tốt, thích hợp với thể loại *chuyện kể* trong chương trình bộ môn Kể chuyện ở nhà trường phổ thông cơ sở.

Nội dung loại chuyện này nhằm biểu dương những con người, những việc làm đã nêu cao được phẩm chất, đạo đức xã hội chủ nghĩa của con người mới trong cuộc sống mới. Ví dụ: các gương học tập tốt, lao động tốt, sản xuất giỏi, khiêm tốn, thật thà, dũng cảm, vị tha, thông minh, sáng tạo; và nói chung là những tấm gương đáng ca ngợi về các mối quan hệ trong gia đình, ở nhà trường, cơ quan, ở cơ sở sản xuất và ngoài xã hội của con người mới biết sống theo cái lẽ cao cả «mình vì mọi người».

Để đảm bảo được tác dụng giáo dục và giáo dưỡng sâu sắc của loại chuyện này, cần tránh chọn những mẫu chuyện có tính chất ghi chép *khô khan, nhạt nhẽo*, thiếu linh chất văn học, do đó khó kể đối với giáo viên và khó cảm thụ đối với học sinh, nhất là lứa tuổi nhỏ.

D-PHƯƠNG PHÁP DẠY KỂ CHUYỆN

Muốn cho tiết kể chuyện có kết quả tốt, người giáo viên phải có phương pháp kể tốt, phải biết nghệ thuật *kể chuyện*. Nghệ thuật kể chuyện là sự tổng hòa của nhiều mặt: cảm xúc, ngôn ngữ, dáng điệu (nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ...), giọng kể (khi cao, khi thấp, lúc nhanh, lúc chậm, lúc hồi hộp, khi ung dung...), tư thế đứng kể, cách dùng tranh ảnh... Dưới đây, chúng tôi sẽ trình bày những việc cần làm cho một tiết Kể chuyện theo thứ tự thời gian: trước khi kể chuyện, trong khi kể chuyện, sau khi kể chuyện.

1. Trước khi kể chuyện.

a) Giáo viên phải *nắm vững cốt chuyện*, hiểu mọi chi tiết, phải *biết đặc điểm nội dung và hình thức câu chuyện và từng loại chuyện*, phải *nắm chắc ý nghĩa giáo dục* của câu chuyện, phải «*nhập vai*» vào chuyện. Có như vậy giáo viên mới biến chuyện kể thành chuyện của mình, không lệ thuộc vào sách. Có như vậy giọng kể mới hấp dẫn, lời kể mới lưu loát, có sức truyền cảm. Dĩ nhiên, để đảm bảo các yêu cầu trên đây, trước khi kể chuyện giáo viên cần tham khảo kỹ phần hướng dẫn giảng dạy cụ thể đối với từng chuyện (xem *Phần hai* ở dưới).

b) Giáo viên phải tạo cho lớp học không khí tự nhiên, thoải mái, chờ đợi, *ấm cúng*; phải chọn chỗ đứng cho thích hợp: Không nên ngồi ở bàn giáo viên, không nên đi đi lại lại, nên đứng gần bàn đầu của lớp. Nếu kể chuyện ở ngoài trời thì nên cho học sinh ngồi theo vòng cung, giáo viên có thể ngồi ở giữa quay mặt vào học sinh.

2. Trong khi kể chuyện.

Vai trò người kể chuyện rất gần vai trò người đóng kịch ở chỗ phải «nhập vai». Người đóng kịch phải diễn cảm bằng nghệ thuật ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ... thì người giáo viên cũng gần phải thế (mặc dù mức độ chỉ là *kể chuyện* chứ không phải là *đóng kịch*).

a) *Lời kể* của giáo viên phải rõ ràng, trong sáng, có hình ảnh. Tùy theo nội dung câu chuyện và từng đoạn chuyện mà lời kể nhanh hay chậm, giọng to hay nhỏ khác nhau; tùy từng nhân vật mà dùng phong cách đối thoại cho thích hợp. Thường thì những đoạn hấp dẫn nhất kể chuyện đấu tranh gay go nhất nên kể chậm để kích thích tính tò mò, sự hồi hộp, tâm lý chờ đợi của trẻ. thỉnh thoảng khi nội dung câu chuyện cho phép, giáo viên có thể nêu một vài câu hỏi bất ngờ, gây hồi hộp và kích thích óc suy đoán của trẻ, sau đó giáo viên lại kể tiếp. Ví dụ: kể đến đoạn Thánh Gióng bị gãy gãy sắt, giáo viên nêu câu hỏi: «Gãy mất gãy nhưng giặc còn đông, Thánh Gióng lấy gì mà đánh giặc? Thánh Gióng chịu thua sao?» Sau đó giáo viên kể tiếp: «Thánh Gióng lập tức nhổ bật từng bụi tre ở hai bên đường để quật vào đám giặc...».

b) *Nét mặt, điệu bộ* của giáo viên cũng cần phải thay đổi cho thích hợp tùy theo nội dung câu chuyện và diễn biến các tình tiết để làm tăng thêm sức truyền cảm cho lời nói; nhưng cần tránh những điệu bộ, cử chỉ, nét mặt cường điệu quá mức (hoặc giống hệt một vai kịch trên sân khấu), vì điều đó sẽ làm giảm tác dụng truyền cảm của lời kể chuyện hoặc trở thành hài hước đối với học sinh.

c) Khi cần phải miêu tả khung cảnh hoặc các nhân vật để gây ấn tượng, để kích thích óc tưởng tượng của học sinh, giáo viên cần chú ý miêu tả bằng lời nói,

bằng điệu bộ. Nếu cần, nên có tranh minh họa bổ sung cho lời kể của giáo viên thì càng tốt. Tranh ảnh phải đẹp, có tính sư phạm và được đưa ra đúng lúc.

d) Khi giáo viên kể, nói chung lớp học phải được yên lặng trật tự. học sinh không hỏi cắt ngang lời giáo viên kể. Nhưng có khi trẻ không tự kiềm chế được mà phản ứng bằng lời nói, tiếng cười không đúng lúc thì giáo viên phải bình tĩnh, tùy tình hình mà giải quyết cho thỏa đáng, không nên làm cho không khí lớp học căng thẳng, cũng không nên để dài bỏ qua. Có những lúc nào đó, đến đoạn kể nào đó hay quá, thích thú quá, làm bật lên tiếng cười lay tiếng vỗ tay, giáo viên cũng có thể cho phép học sinh tán thưởng như vậy và tự cho phép mình cùng cười với học sinh. Có như vậy mới thoải mái, mới có sự chan hòa giữa người kể và người nghe, làm cho tiết học sinh động, hấp dẫn. Nhưng những lúc như vậy chỉ là đặc biệt, không nên thường xuyên, và cũng không nên kéo dài. Khi giáo viên tiếp tục kể thì lớp phải được trở lại trật tự, yên lặng.

3. Sau khi kể chuyện.

a) Đối với học sinh ở những năm đầu của trường phổ thông cơ sở, các em có thể nắm được các sự việc, các tình tiết, nhưng chưa hiểu được ngay nội dung chuyện, ý nghĩa của chuyện, chưa rút được bài học bổ ích... Vì vậy, cuộc *đàm thoại* tiếp theo sau khi giáo viên kể đôi khi là cần thiết để giúp các em nhớ những tình tiết quan trọng, hiểu sâu hơn nội dung, nắm chắc hơn ý nghĩa của chuyện và bài học rút ra được. Giáo viên có thể đặt một số câu hỏi đại loại như: «Câu chuyện này có những nhân vật nào? Em yêu nhân vật nào? ghét nhân vật nào? Vì sao? Câu chuyện này có đoạn nào hay nhất? Câu chuyện nêu lên cho chúng ta bài học gì?...» Học sinh dựa vào câu hỏi gợi ý của giáo

viên mà suy nghĩ, bàn cãi, phát biểu cảm nghĩ. (Tùy theo mỗi chuyện, nhóm giáo viên soạn bài nên trao đổi thống nhất những câu hỏi gợi ý này để đưa vào bài soạn khi thấy cần thiết).

b) Sau khi đàm thoại, giáo viên dành thì giờ cho học sinh *tập kể lại chuyện*. Tùy theo từng lớp, từng học sinh mà giáo viên cho các em kể từng nhân vật, từng sự việc, từng đoạn hay cả câu chuyện. Đây là một yêu cầu cần thiết, bắt buộc mà chương trình cải cách giáo dục đã quy định.

c) Phần ngoại khóa, vận dụng, giáo viên có thể tùy từng chuyện cho học sinh diễn lại thành hoạt cảnh trong các buổi sinh hoạt tập thể, các buổi cắm trại... Việc đóng thành kịch, thành hoạt cảnh có tác dụng giúp học sinh củng cố lại bài học, tạo thêm hình thức vui chơi, kích thích hứng thú học tập, thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ và văn học cho học sinh.

Ngoài ra giáo viên có thể cho học sinh tập vẽ, tập cắt dán bằng giấy màu một nhân vật, một chi tiết nổi bật nào đó hoặc các em thấy thích thú nhất. Cũng có thể cho các em sưu tầm tranh ảnh về câu chuyện đã đăng trên sách, báo...

Tóm lại, môn Kể chuyện là một môn học gây nhiều hứng thú cho trẻ em. Đặc biệt môn này có tác dụng lớn trong việc bồi dưỡng tâm hồn trẻ, giáo dục cho trẻ những tính tốt của con người mới và tạo điều kiện phát triển ở trẻ em nhiều phẩm chất tốt đẹp khác như óc ghi nhớ, trí tưởng tượng... Môn kể chuyện cũng góp phần tích cực vào công việc làm giàu thêm vốn văn học, vốn ngôn ngữ của trẻ. Vì vậy người giáo viên phải tự bồi dưỡng cho mình năng lực kể chuyện, nghệ thuật kể chuyện để không ngừng nâng cao chất lượng các tiết lên lớp về bộ môn này.

II – MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý VỀ MÔN KỂ CHUYỆN CỦA LỚP 1

A – CHƯƠNG TRÌNH VÀ CẤU TRÚC SÁCH KỂ CHUYỆN LỚP 1

1. Chương trình.

Lớp 1 là lớp đầu cấp của trường phổ thông cơ sở. Căn cứ vào đặc điểm tâm lý và trình độ của các em học sinh (nhận thức cuộc sống chưa được mở rộng, tư duy chưa được phát triển, vốn ngôn ngữ còn ít) chuyện kể lớp 1 phải phù hợp với lứa trẻ em khoảng 6, 7 tuổi. Các chuyện kể này tình tiết phải đơn giản, hấp dẫn, ngôn ngữ dễ hiểu, nội dung chuyện phần lớn đề cập đến các sự vật, sự việc, nhân vật quen thuộc, gần gũi sinh hoạt hằng ngày của các em, giúp cho việc mở rộng hiểu biết của học sinh.

Nhìn chung, các chuyện được chọn chưa đi sâu vào cuộc sống xã hội và cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội, nhưng cũng bắt đầu gợi mở cho các em quen dần với những hiện thực ấy.

2. Cấu trúc sách.

Cả năm học có 35 tuần, sách tuyển chọn 35 chuyện. Như vậy là mỗi tuần có một chuyện để giáo viên kể cho học sinh nghe. Chuyện được sắp xếp vừa theo thứ tự từ dễ đến khó, từ tình tiết đơn giản đến tình tiết ngày càng phong phú, vừa kết hợp xen kẽ các chủ đề giáo dục và thể loại khác nhau cho các tiết kể chuyện luôn luôn được thay đổi không khí.

Về mặt thể loại chuyện, sách được tuyển chọn như sau:

— Thần thoại, truyền thuyết:	2	chuyện
— Cổ tích	14	—
— Ngụ ngôn	8	—
— Truyện cười	2	—
— Danh nhân	3	—
— Chuyện khoa học	2	—
— Người thực — việc thực	4	—

Trong các chuyện kể này có 27 chuyện trong nước và 8 chuyện của nước ngoài.

B — CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ MÔN KỂ CHUYỆN LỚP 1

Chuyện kể có tác dụng rất lớn trong việc giáo dục và giáo dưỡng đối với lớp trẻ mới được cấp sách đến trường.

1. Giáo dục tình cảm, đạo đức:

Các chuyện kể ở các lớp đầu cấp phổ thông cơ sở nói chung đều có nội dung giáo dục theo 5 điều Bác Hồ dạy. Riêng các chuyện kể được chọn lọc cho lớp 1 đã tập trung vào mấy nội dung giáo dục chính sau đây:

a) Giáo dục lòng yêu nước, niềm kính yêu Bác Hồ, tình yêu thương gia đình, bạn bè và lòng nhân ái:

— Các chuyện *Trăm trứng nở trăm con*, *Chuyện Ông Gióng*, *Tiểu trống Mê Linh*, *Chuyện Ông Yết Kiêu*, *Chuyện Ông Lương Thử Vinh*, *Chuyện anh lái đò ở kinh đô*, *Anh hùng đánh xe lạng...* có tác dụng giáo dục tinh thần tự hào và đoàn kết dân tộc, truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Trong cuộc đấu tranh anh dũng đó, nhân dân ta bao giờ cũng thắng lợi, kẻ đi xâm lược bao giờ cũng thất bại, phải rút về nước chúng.

— Chuyện *Ai ngoan sẽ được thưởng* và nhất là chuyện *Niềm vui bất ngờ* là những câu chuyện «Người thực, việc thực» rất quý giá có tác dụng giáo dục sâu sắc niềm kính yêu tha thiết của lứa tuổi học sinh ngày thơ nhất, hồn nhiên nhất đối với Bác Hồ vĩ đại sẽ sống mãi mãi trong tâm hồn các em.

— Các chuyện *Bông hoa cúc trắng*, *Bà cô tiên*, *Dê con vâng lời mẹ*, *Hai anh em*, *Núi cười...* có nội dung giáo dục lòng hiếu thảo đối với cha mẹ và tình yêu thương đùm bọc lẫn nhau giữa anh chị em cùng một cha mẹ sinh ra.

— Các chuyện *Đi tìm bạn*, *Quả táo*, *Sên chạy thi với Thỏ*, *Quả tim của Khỉ...* có tác dụng giáo dục tình bạn chung thủy, chân thật, tinh thần hòa thuận, nhường nhịn, gắn bó với nhau trong cuộc sống.

— Các chuyện *Miếng nói ra hoa ra ngọc*, *Công chúa tóc vàng*, *Trâu đoàn kết giết hổ...* có ý nghĩa giáo dục về tình yêu thương con người, nhất là đối với người nghèo khổ, và tinh thần đoàn kết cứu giúp nhau lúc khó khăn, hoạn nạn nhằm chống lại bọn gian ác.

Và qua tất cả những chuyện trên, các em học sinh còn được thấy rõ: chính nghĩa, lẽ phải bao giờ cũng thắng, phi nghĩa, gian tà bao giờ cũng thất bại hoặc bị trừng phạt.

b) Giáo dục lòng ham học, ham hiểu biết, ham lao động, trí thông minh và đức tính tháo vát trong cuộc sống:

— Các chuyện người xưa khắc phục khó khăn để học giỏi như Nguyễn Hiền (*Ông Trọng thả diều*), viết chữ đẹp như Cao Bá Quát (*Văn hay nhưng chữ phải đẹp*), học giỏi nhưng chơi cũng thông minh (*Lương Thử Vinh*)... hoặc những câu chuyện lí thú khác như *Núi cười*, *Món quà quý nhất*, *Hai viên ngọc quý...* có tác dụng nâng

cao ý thức học tập, ham hiểu biết, học chăm, học giỏi làm và chơi cũng giỏi cho các em.

— Các chuyện *Từ hai bàn tay, Thần sắt, Người nông dân và con quỷ, Cái thoi vàng, Ba cô tiên...*, giáo dục các em ý thức lao động, đức tính cần cù chịu khó, chăm làm để tự tạo ra cho mình và cho xã hội những thức ăn, đồ mặc, nhà ở cần thiết cho cuộc sống, nhằm làm cho cuộc sống ngày càng ấm no, sung sướng.

Ngoài ra, cũng cần thấy rằng: khá nhiều chuyện đã kể ra trên đây (cũng như một số chuyện khác nữa) còn có ý nghĩa tích cực đề cao óc thông minh, sáng tạo và đức tính tháo vát, nhanh trí, can đảm của con người trước mọi khó khăn, bất trắc trong cuộc sống hoặc trước những kẻ độc ác, gian tham muốn áp bức và gây tai họa cho mình: Từ những truyện dân gian trong nước, ngoài nước (như: *Em bé thông minh, Người nông dân và con quỷ, Chuyện anh lái đò ở kinh đô, Chuyện bác đánh cá và gã hung thần*), cho tới những câu chuyện danh nhân (như: *Ông Trạng thả diều, Lương Thế Vinh*) hoặc một vài truyện ngụ ngôn (như: *Quả tim của Khỉ, Thỏ rừng và Cá sấu*), và cả loại chuyện về «Người thực, việc thực» (như: *Anh hùng đánh xe tăng*)... cũng đều ít nhiều mang rõ ý nghĩa giáo dục như vậy.

Tóm lại, các em lớp 1, tuổi còn nhỏ, sống nhiều bằng tình cảm nên các em dễ thông cảm với khó khăn thiếu thốn, hoạn nạn của người nghèo, người lương thiện. Do đó, các em thường biết yêu mến người tốt việc tốt, nhân vật tiêu biểu cho chính nghĩa, căm ghét những nhân vật phi nghĩa. Qua các chuyện kể có nội dung giáo dục như trên các em sẽ hiểu sâu và làm tốt 5 điều Bác Hồ dạy, quan tâm giúp đỡ mọi người, học chăm làm giỏi để xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ.

2. Mở rộng tầm hiểu biết về cuộc sống, bước đầu bồi dưỡng vốn văn học và rèn luyện kĩ năng ngôn ngữ cho học sinh.

a) Được nghe các chuyện kể, các em được tiếp xúc với cuộc sống xã hội từ gần tới xa, đặc biệt là cuộc sống xa hơn, rộng hơn cuộc sống gần gũi hằng ngày. Các em sẽ hình dung ra khung cảnh, nhân vật trong chuyện, sống với người trong chuyện, tâm mắt của học sinh được mở rộng, trí tưởng tượng được phát triển, các em sẽ có nhiều ước mơ tốt đẹp đối với cuộc sống.

b) Môn Kể chuyện ở lớp 1 đòi hỏi học sinh kể lại được một đoạn chuyện, tiến tới kể cả câu chuyện đã được nghe giáo viên kể. Muốn vậy học sinh phải nhớ được cốt chuyện và các nhân vật trong chuyện.

Mặt khác, giáo viên cần cố gắng hướng dẫn cho học sinh biết thay đổi giọng kể (to, nhỏ, vui, buồn...) và thay đổi điệu bộ theo nội dung từng đoạn chuyện. Văn đề này tuy khó nhưng cần rèn luyện dần. Đặc biệt giáo viên cần đảm bảo cho tất cả các em học sinh trong lớp nhất là các em rụt rè, bẽn lẽn, có thể mạnh dạn, hồn nhiên đứng kể chuyện trước tập thể lớp. Như vậy, rõ ràng là ngoài chức năng giáo dục tình cảm, đạo đức, môn kể chuyện lớp 1 còn có những nhiệm vụ không kém phần quan trọng là: mở rộng tầm hiểu biết về cuộc sống và bước đầu bồi dưỡng vốn văn học và rèn luyện kĩ năng ngôn ngữ cho học sinh.

C – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý VỀ PHƯƠNG PHÁP KỂ CHUYỆN Ở LỚP 1

Mỗi chuyện kể trong sách này đều có phần hướng dẫn giảng dạy kèm theo. Phần hướng dẫn này giúp giáo viên nắm vững những điểm cơ bản nhất về yêu cầu,

nội dung, phương pháp của mỗi chuyện kể. Tuy vậy vai trò của giáo viên vẫn là quan trọng và là chủ yếu trong các tiết giảng dạy môn kể chuyện này. Nội dung phần hướng dẫn gồm có các mục sau:

1. Tìm hiểu chuyện.

Mục này giúp giáo viên nắm vững hơn nội dung, nghệ thuật của câu chuyện kể trên những cơ sở sau đây:

a) Giải nghĩa từ khó: đó là những từ cần được giải nghĩa hoặc những địa danh cần được chú thích cụ thể để nội dung câu chuyện được sáng rõ hơn. Những điều giải nghĩa này khi kể chuyện giáo viên nên kết hợp nói rõ ngay để học sinh hiểu rõ hơn tình tiết đang kể.

b) Xuất xứ — Thể loại — Ý nghĩa giáo dục và giáo dục. Những điều này giúp giáo viên xác định được chính xác nội dung ý nghĩa câu chuyện và cách kể chuyện thích hợp.

2. Hướng dẫn lên lớp.

a) Phần giáo viên kể:

— Cần nắm vững cốt chuyện, nội dung, ý nghĩa câu chuyện và trọng tâm của chuyện.

— Nắm vững thứ tự diễn biến của các sự việc và cách kể để kể lại cho học sinh nghe một cách rõ ràng, mạch lạc, đầy đủ, làm nổi bật những chi tiết xúc động có tác dụng sâu sắc tới tình cảm các em.

— Mỗi câu chuyện đã được phân đoạn và ghi thứ tự 1, 2, 3... để giáo viên nắm được dàn ý của chuyện. Trong phần hướng dẫn, bố cục chuyện và cách kể đã được kết hợp giới thiệu song song giúp giáo viên vừa nắm được ý chính từng đoạn vừa xác định ngay được cách kể phù hợp với nội dung từng đoạn đó.

b) Phần học sinh kể:

Học sinh lớp 1 còn nhỏ tuổi, nên việc hướng dẫn các em tập kể cần kết hợp với việc rèn luyện tác phong mạnh dạn nói năng trước tập thể. Giáo viên cần tạo không khí thích hợp: vui vẻ, cởi mở, chan hòa và cần luôn động viên khuyến khích các em đứng dậy kể cho các bạn nghe.

Trong các bài hướng dẫn đã có gợi ra những câu hỏi giúp học sinh kể lại được từng sự việc chính hoặc từng đoạn của câu chuyện (chú ý đây là *tập kể* chứ không phải *tập trả lời* câu hỏi). Trong quá trình hướng dẫn học sinh kể, giáo viên có thể nêu thêm một số câu hỏi suy luận, phát huy trí thông minh của các em nhằm đi sâu vào nội dung câu chuyện (những câu hỏi này nên thống nhất trong nhóm soạn bài).

Học sinh kể xong, giáo viên cho điểm cao đối với những em kể tốt (còn các em khác thì thôi).

Tóm lại, kể chuyện là môn học rất quan trọng. Nếu mỗi đồng chí giáo viên trong quá trình giảng dạy đều cố gắng nghiên cứu, thực hiện sáng tạo phần hướng dẫn chung và từng bài hướng dẫn cụ thể thì chất lượng bộ môn sẽ được nâng cao. Có như vậy mới làm cho các em học sinh say mê thích thú các tiết kể chuyện.⁽¹⁾

(1) Phần *Hướng dẫn chung* trên đây do: Trịnh Mạnh, Nguyễn Có, Đỗ Lê Chân và Đỗ Quang Lưu biên soạn.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

1. TRĂM TRÚNG NỮ TRĂM CON

1. Cách đây từ rất lâu đời, có Lạc Long Quân thuộc dòng dõi Rồng ở dưới biển, sức khỏe lạ kì. Lạc Long Quân đã từng trừ các loài thủy quái, hồ tinh hung dữ và dạy cho dân biết làm nhà, cấy cấy. Dân cảm ơn đức ấy, dựng cho Lạc Long Quân một tòa cung điện lộng lẫy dưới đáy biển.

Một hôm, nhân một chuyến đi chơi xa thăm phong cảnh đất nước, Lạc Long Quân gặp nàng Âu Cơ, thuộc dòng dõi Tiên ở trên trời, đẹp người đẹp nết. Âu Cơ cũng mến phục tài và đức của Lạc Long Quân. Thế là hai người kết duyên với nhau làm vợ chồng.

Chẳng bao lâu, Âu Cơ có mang, đẻ ra một bọc trứng. Bảy ngày sau, cái bọc ấy nở ra một trăm người con trai xinh đẹp.

2. Năm tháng trôi qua, cả nhà sống đầm ấm. Nhưng Lạc Long Quân vẫn nhớ biển, bèn hóa thành rồng bay lên mây xuôi về phía đông. Âu Cơ và đàn con ở lại. Vợ nhớ chồng, con nhớ bố, họ bèn trèo lên đỉnh núi cao gọi Lạc Long Quân trở về.

Lạc Long Quân lại từ biển lên núi, gặp Âu Cơ. Hai người bàn với nhau: «Rồng với Tiên là hai dòng dõi quen sống ở hai vùng khác nhau, ta nên chia đôi đàn con, một nửa theo mẹ lên núi, một nửa theo bố xuống biển. Khi nào gặp nguy biến thì báo cho nhau biết để cứu giúp nhau, chứ đừng quên nhau».

Thế là hai người cùng hai bảy con chia tay nhau. Kẻ lên rừng vỡ hoang trồng lúa. Kẻ xuống biển đóng thuyền đánh cá làm ăn. Cuộc sống mỗi ngày một ấm no hạnh phúc. Riêng người con trai cả ở lại đất Phong Châu, được tôn làm vua nước Văn Lang. Ấy là vua Hùng thứ nhất. Rồi mười tám đời vua Hùng kế tiếp nhau trị vì, mở mang bờ cõi, dân càng giàu, nước càng mạnh.

Đó là chuyện *Trăm trứng nở trăm con*. Do câu chuyện này mà dân tộc Việt Nam từ miền núi xuống miền xuôi, từ miền bắc vào miền nam đều tự cho mình là «Con Rồng cháu Tiên» cùng được sinh ra từ trong một bọc trứng.

Võ Văn Trực kể

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa, từ khó:

— *Thủy quái*: các giống vật hung dữ sống ở dưới nước (sông, hồ, biển).

— *Hồ tinh*: giống cáo lâu đời trở nên cực kì hung ác (đã trở thành yêu quái).

b) Ý nghĩa:

Đây là câu chuyện *truyền thuyết* về Lạc Long Quân và nàng Âu Cơ. Chuyện nhằm giải thích về nguồn gốc

dân tộc, đề cao lòng tự hào và tinh thần đoàn kết dân tộc.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

Câu chuyện truyền thuyết này mang nhiều yếu tố kì diệu (Rồng, Tiên, bọ trứng nở trăm con...), vì vậy cần thiết phải có tranh minh họa hỗ trợ cho lời kể của giáo viên và thu hút sự chú ý của học sinh.

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Giới thiệu Lạc Long Quân và Âu Cơ, Cần kể rõ ràng, thông thả, chú ý làm cho học sinh nhớ các chi tiết sau:

— Lạc Long Quân dòng dõi Rồng, ở dưới biển, có sức khỏe kì lạ, có công lao với nhân dân.

— Âu Cơ dòng dõi Tiên, ở trên núi cao, đẹp người đẹp nết.

— Âu Cơ đẻ ra một bọ trứng nở ra một trăm người con.

2. Đoạn 2: Câu chuyện trong gia đình Lạc Long Quân. Khi kể cần chú ý làm nổi rõ những chi tiết sau:

— Cảnh vợ chồng, cha con chia tay nhau: một nửa lên rừng, một nửa xuống biển.

— Người con trưởng ở lại đất Phong Châu mở mang nên đất nước Văn Lang.

— Dân tộc Việt Nam tự hào về dòng dõi « Con Rồng cháu Tiên » thống nhất trong cả nước của mình.

C — Học sinh kể:

— Giáo viên hướng dẫn học sinh tập kể lại câu chuyện, dựa theo một số câu gợi ý sau đây:

1. Em hãy kể lại đoạn đầu: Lạc Long Quân đã lấy Âu Cơ trong hoàn cảnh nào?

2. Lạc Long Quân và Âu Cơ sống với nhau như thế nào? Vì sao sau này họ phải chia tay nhau?

3. Gia đình Lạc Long Quân và Âu Cơ đã chia tay nhau đi xây dựng đất nước như thế nào?

D — Tổng kết:

Chuyện « Trăm trứng nở trăm con » kể lại câu chuyện Lạc Long Quân lấy bì Âu Cơ đẻ ra một bọ trứng nở thành một trăm người con. Sau đó gia đình chia tay nhau kẻ lên rừng, người xuống biển để xây dựng đất nước. Đó là tổ quốc Việt Nam ngày nay.

2. DÊ CON VÂNG LỜI MẸ

1. Dê mẹ có một đàn con. Sắp đi kiếm cỏ, Dê mẹ gọi con đến dặn rằng:

— Các con ơi, mẹ đi vắng, các con phải đóng cửa cho cẩn thận. Không phải mẹ về, nếu có ai lạ gọi cửa, các con không được mở nhé!

Dê mẹ đi rồi, Dê con đóng chặt cửa, đợi mẹ. Một lát Dê mẹ về, vừa gọi cửa vừa hát:

Các con ngoan ngoãn
Mau mở cửa ra,
Mẹ đã về nhà
Cho các con bú!

Dê con nghe tiếng mẹ, liền mở cửa để mẹ vào. Dê mẹ cho con bú xong, lại đi và dặn con đóng cửa chờ mẹ

2. Một con chó sói nghe tiếng Dê mẹ hát. Đợi Dê mẹ đi rồi, nó rón rén đến trước cửa rồi vừa gõ cửa vừa hát:

Các con ngoan ngoãn
Mau mở cửa ra,
Mẹ đã về nhà
Cho các con bú!

Dê con trả lời:

— Chúng ta nghe ra rồi, chúng ta nghe ra rồi, mày không phải là mẹ chúng ta. Mẹ chúng ta hát hay cơ, không ồm ồm như giọng mày đâu. Chúng ta không mở cửa đâu! Không mở cửa cho mày đâu!

Sói ta đợi một lúc, lại gõ cửa lần nữa, nhưng cũng chẳng ăn thua gì, đành cúp đuôi lui mất.

3. Dê mẹ lại về và hát:

Các con ngoan ngoãn
Mau mở cửa ra,
Mẹ đã về nhà
Cho các con bú!

Nghe đúng tiếng mẹ, Dê con tranh nhau mở cửa, rồi tíu ta tíu tít kể lại cho mẹ nghe:

— Mẹ ơi, lúc mẹ đi vắng, chó sói đến đây, nhưng chúng con không mở cửa.

Dê mẹ xoa đầu các con khen:

— Các con vâng lời mẹ, các con thật là những đứa trẻ ngoan. Nếu các con mở cửa thì chó sói vào ăn thịt các con rồi.

(Tập đọc lớp 1-1980)

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

Đây là một truyện ngụ ngôn nhắc nhở các em phải biết vâng lời cha mẹ. Cha mẹ thường khuyên bảo con

điều hay lẽ phải, mong cho con những điều tốt đẹp. Vì vậy, khi cha mẹ dặn bảo điều gì, các em cần phải vâng lời.

II — Hướng dẫn lên lớp

A — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Dê mẹ dặn bảo Dê con trước khi đi kiểm cỏ: Đoạn này kể cần rõ ràng, và thể hiện đúng giọng trêu mếu của Dê mẹ dặn bảo Dê con trước khi đi và khi về gọi cửa.

2. Đoạn 2: Vâng lời mẹ, Dê con không bị Sói lừa. Khi kể cần phân biệt giọng của Sói ồm ồm bắt chước tiếng của Dê mẹ. Còn giọng của Dê con thanh thanh nhẹ nhẹ nhưng kiên quyết.

3. Đoạn 3: Dê mẹ về khen các con.

Cần thể hiện giọng Dê mẹ âu yếm khen các con đã biết vâng lời, còn giọng của Dê con thì riu rít tranh nhau kể lại sự việc cho Dê mẹ nghe.

B — Học sinh kể:

Đoạn 1: — Trước khi đi kiểm cỏ, Dê mẹ dặn Dê con như thế nào?

— Dê mẹ đã về gọi cửa ra sao? Dê con đã làm gì?

Đoạn 2: Kể lại đoạn Sói đến gõ cửa nhà Dê con? Dê con đã trả lời Sói như thế nào?

Đoạn 3: Khi Dê mẹ về gọi cửa, Dê con đã làm gì? Dê mẹ đã khen Dê con ra sao?

C — Tổng kết: Dê con đã vâng lời Dê mẹ nên Sói không vào nhà được. Vì vậy Dê con không bị Sói ăn thịt. Các em còn nhớ cần vâng lời cha mẹ thì mới có được cuộc sống yên lành, sung sướng như đàn Dê con trong chuyện này.

3. TỪ HAI BÀN TAY

1. Xưa có một người tên là Mai An Tiêm làm ăn chăm chỉ, lại biết nhiều nghề. An Tiêm được nhà vua yêu mến nhận làm con nuôi.

Một hôm, trong bữa thết khách, An Tiêm chỉ vào các thứ trong nhà, vui vẻ nói:

— Tất cả những thứ này đều do tay tôi làm ra.

Một viên quan trong triều vốn ghen ghét An Tiêm bèn về tâu với vua. Vua dùng dùng nổi giận nói: « Do bàn tay nó làm ra cả, vậy để xem nó sống ra sao với hai bàn tay ấy! »

2. Sau đó, An Tiêm bị vua đày đến một đảo hoang. Thấy trước mặt là bãi cát mịn mù không một bóng người, núi rừng hoang vắng, vợ An Tiêm sợ hãi khóc ức nức bảo chồng:

— Thế này thì vợ chồng ta chết đói mất thôi!

An Tiêm bảo vợ:

— Còn hai bàn tay, ta còn sống được!

Nói rồi An Tiêm bắt tay làm ngay mọi việc.

An Tiêm uốn cung, vót tên để bắn chim làm thức ăn hằng ngày; làm nhà đã có tre, gỗ, cỏ gianh trong rừng. An Tiêm lấy gỗ đóng cho vợ một cái khung cửi. Vợ An Tiêm tước cỏ cói phơi héo để dệt thành vải may quần áo.

Một hôm nghe tiếng chim kêu ngoài bãi, hai vợ chồng ra xem thì thấy một đàn chim đang nhả những hạt đen đen trên mặt cát. An Tiêm lấy hạt đem trồng trong vườn, bụng nghĩ thầm: « Thứ quả này chắc là lành, chim ăn được ắt người cũng ăn được ».

Quả nhiên ít lâu sau, hạt mọc thành cây rồi đâm hoa kết quả. Những quả vỏ ngoài màu xanh thẫm nhưng

khi chín bỏ ra thấy ruột đỏ, cùi trắng, hạt đen nhánh. An thử thấy ngọt và mát. Đó là giống dưa đỏ ngày nay.

Một hôm nhân mùa hái quả, An Tiêm khắc tên mình vào quả dưa rồi thả xuống biển, nhờ sóng biển đưa vào đất liền. Một người dân nhặt được quả dưa đó đem dâng vua. Vua biết An Tiêm còn sống ung dung trên đảo vắng. Vua nghĩ thầm « An Tiêm đã nói đúng: tất cả mọi của cải đều do hai bàn tay lao động làm ra », Vua cho phép vợ chồng Mai An Tiêm trở về đất liền.

Theo *Bàn tay khối óc* – Nhà xuất bản phổ thông, 1974.

HƯỚNG DẪN

I – Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

— *Đầy*: đưa đi giam giữ ở một nơi xa xôi, vắng vẻ, cuộc sống có nhiều khó khăn, gian khổ.

— *Đảo hoang*: đảo không có người ở.

b) Ý nghĩa:

Đây là một truyện *cổ tích*, còn có tên là « Sự tích quả dưa hấu ». Câu chuyện ca ngợi lòng ngay thẳng, tinh thần can củ lao động của An Tiêm và gia đình ông và muốn chứng minh rằng: có lao động thì có mọi thứ cần thiết cho đời sống của con người.

II – Hướng dẫn lên lớp.

A – Chuẩn bị:

Tranh vẽ cả gia đình An Tiêm đang lao động: An Tiêm đang cuốc đất – vợ An Tiêm đang ngồi dệt vải.

Một tranh khác vẽ một bãi trồng dưa hấu và một quả dưa hấu bồ đôi (vỏ xanh, cùi trắng, ruột đỏ, hạt đen).

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: An Tiêm khi còn ở với vua. Lời kể cần rõ ràng, rành mạch, thể hiện được giọng nói của An Tiêm tự tin, khẳng định, giọng nói của vua thì tức giận, mỉa mai.

2. Đoạn 2: An Tiêm lúc bị đẩy ra đảo hoang. Trong quá trình kể đoạn này giáo viên cần nhấn mạnh các từ nói lên tinh thần lao động cần cù và sáng tạo của An Tiêm như: «Bắt tay làm ngay mọi việc, uốn cung... vót tên... đóng cho vợ một cái khung cửi...».

Giọng cần phấn khởi khi kể đến đoạn An Tiêm tìm ra và phát triển được giống dưa quý mà sau này ta gọi là dưa hấu.

Kết thúc câu chuyện cần thể hiện giọng của nhà vua vừa có vẻ hối hận nhưng lại vừa có tính chất khẳng định: «An Tiêm đã nói đúng: tất cả mọi của cải đều do hai bàn tay lao động làm ra».

C — Học sinh kể:

Đoạn 1: An Tiêm là người như thế nào?

— Vì sao nhà vua lại tức giận và trừng phạt An Tiêm?

Đoạn 2: Nhà vua đã trừng phạt An Tiêm như thế nào?

— Kể đoạn: An Tiêm và vợ sống ở trên đảo hoang.

— Vì sao An Tiêm và vợ lại được trở về đất liền?

D — Tổng kết:

Nhờ có lao động nên tuy bị đẩy ra đảo hoang, gia đình An Tiêm vẫn sống được, không những đủ ăn đủ

mặc mà còn tìm ra và phát triển được giống dưa quý. Vì vậy ngày nay nhắc đến An Tiêm là nhắc đến thứ dưa đỏ quý đó (còn gọi là dưa hấu) do lao động sáng tạo mà có.

4. NÚI CƯỜI

1. Ngày xưa, ở một bản nọ có hai anh em. Anh thì ham chơi. Em thì chăm học, chăm làm.

Khi bố mẹ chết đi, anh chia gia tài của bố mẹ cho em:

— Nhà cửa ruộng đất thuộc về anh. Còn quyền sách thuộc về em.

— Vâng ạ!

— Đàn trâu bò phải đi theo ruộng đất để cày bừa. Còn con chó và mèo thì thuộc về em.

— Vâng ạ!

2. Thế là em ra chân núi làm nhà ở, vỡ đất hoang thành ruộng. Làm việc rất vất vả nhưng sáng nào người em cũng vẫn chăm chỉ đọc sách. Tiếng đọc sách làm núi già ngủ quên mấy nghìn năm cũng phải tỉnh dậy lắng nghe. Không có trâu bò, em phải bắt chó và mèo kéo cày. Núi già thấy vậy bật cười và loé ra những thỏi vàng. Em thấy lạ bèn chạy lên nhặt vài thỏi. Từ đấy người em rất giàu.

3. Anh vội vàng tìm đến hỏi. Em kể lại chuyện núi cười. Anh bảo:

— Thôi, em lấy phần gia tài của anh, còn chó, mèo và quyền sách phần cho anh...

Anh không chịu đọc sách chỉ mang chó và mèo ra cày. Núi già lại bật cười. Anh vội vàng đem túi to đã

may sẵn leo lên núi xúc vàng, xúc mãi. Núi già lâu không nghe thấy tiếng đọc sách quen thuộc nữa buồn ngủ rũ rượi và bất thần ngậm miệng lại, ngậm luôn cả người anh ở trong đó. Còn người em đã dùng vàng nhặt được dựng bao nhiêu trường cho các em gần xa đến học.

(Truyện cổ tích miền núi)

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

— *Gia tài*: tài sản của bố mẹ để lại cho con cái.

— *Bất thần*: ý nói sự việc xảy ra rất nhanh chóng, người ta chưa kịp đề phòng.

b) Ý nghĩa:

Đây là câu chuyện cổ tích nói về hai anh em. Người em thì chăm học, chăm làm, còn người anh thì lười biếng, tham lam.

Câu chuyện có tác dụng giáo dục học sinh tính chăm học, chăm làm, biết nhường nhịn, giúp đỡ anh chị em trong gia đình.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

Tranh minh họa hình ảnh núi già đang cười để lóe ra những thỏi vàng óng ánh.

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Khi kể cần chú ý thể hiện tính cách các nhân vật: Em thì chăm học, chăm làm, lễ phép, vâng lời anh; Anh thì lười biếng, tham lam, chiếm hết gia tài.

2. Đoạn 2: Em chăm học chăm làm trở nên giàu có. Khi kể giáo viên cần chú ý nhấn mạnh các từ: rất vất vả, sưng nướu, mấy nghìn năm, lắng nghe, bật cười, lóe ra những thỏi vàng, rất giàu...

3. Đoạn 3: Anh lười biếng, tham lam bị núi già trừng phạt. Khi kể cần chú ý thể hiện tính cách của người anh qua các chi tiết: vội vàng, không chịu, túi to, may sẵn, xúc mãi, rũ rượi, bất thần...

C — Học sinh kể:

Kể theo từng đoạn:

1. Kể lại đoạn hai anh em chia nhau gia tài.
2. Vì sao người em trở nên giàu có?
3. Người anh lười biếng, tham lam, bị núi già trừng phạt như thế nào?

D — Tổng kết:

« Núi cười » kể lại chuyện hai anh em chia nhau gia tài:

Em thì thật thà, ngoan ngoãn, chăm học, chăm làm nên được núi già thưởng vàng. Người anh lười biếng, tham lam, không nhường nhịn giúp đỡ em nên bị núi già trừng phạt. Vì vậy, anh chị em trong một nhà phải thương yêu, nhường nhịn, giúp đỡ nhau.

5. ĐI TÌM BẠN

1. Thỏ xám và Nhím xù chơi với nhau rất thân. Những buổi sáng mùa hè, hai bạn thường rủ nhau ra bờ suối, hái hoa, đào củ. Những buổi tối mùa thu, hai bạn thường kéo ra bãi cỏ, nò đùa dưới ánh trăng.

Ngày lại ngày tình bạn càng thêm thắm thiết. Cho đến một hôm, gió lạnh từ phương bắc ù ù thổi về,

cây rừng xào xạc trút lá. Bỗng dưng Thỏ xám không thấy Nhím xù đâu nữa. Thỏ xám ra bãi cỏ, ven suối tìm cũng chẳng thấy Nhím xù đâu cả. Đường vắng vẻ im ắng, chỉ có gió thổi ào ào, lạnh thấu xương. Thiếu Nhím xù, Thỏ xám cảm thấy mình cô đơn, lẻ loi.

Thỏ xám đi tìm bạn suốt ngày này qua ngày khác. Mỗi đêm nằm trong «căn phòng» ấm áp của mình, Thỏ xám lại lo cho bạn. Biết đâu bạn ấy đã chẳng bị Sói bắt mất rồi. Nghĩ thế Thỏ xám lại vùng dậy đi khắp mọi nơi tìm bạn. Thế mà vẫn chẳng thấy Nhím xù đâu. Chao ôi! Nhớ Nhím xù, thương Nhím xù quá đi thôi!

2. Cho đến một ngày kia, mùa xuân đã tới. Mùa xuân xua tan đi cái giá rét của mùa đông. Cả khu rừng như bừng tỉnh dậy sau một giấc ngủ rất dài. Trên bãi cỏ xanh, mấy cô Bướm lại rập rờn trên cánh hoa. Các chị Họa mi, Sơn ca thi nhau hát. Thỏ xám dạo chơi quanh đó. Thỏ xám ước:

— Ước gì ta gặp lại Nhím xù ở đây!

Bỗng đôi mắt Thỏ xám mở tròn thao láo. Kia ai như bạn Nhím xù.

— A! Đúng rồi, chào bạn Nhím xù!

— A! Chào bạn Thỏ xám!

— Ôi! Mình tìm bạn, mong bạn mỗi cả mắt!

— Thỏ xám ơi! Tôi cũng nhớ bạn lắm lắm đi thôi.

Nhím xù thổ lộ tâm tình với Thỏ xám: «Chả là họ hàng nhà tôi yếu chịu rét lắm. Cứ mùa đông về là chúng tôi phải tìm nơi kín đáo ngủ suốt mùa đông».

— À! Ra thế, tôi cứ tưởng bạn...

Thỏ xám cười híp cả mắt, rung cả đôi tai dài ngất nghe. Đôi bạn lại nắm tay nhau đùa vui, múa hát trên bãi cỏ non.

Theo Lê Phi Hùng

Báo Phụ nữ Việt Nam-2-1978.

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

Đây là câu chuyện ngụ ngôn có ý nghĩa giáo dục tình cảm bạn bè gần bó, luôn luôn quan tâm lo lắng đến nhau. Mặt khác qua câu chuyện, ta còn được biết: Nhím là loài vật thường ngủ suốt mùa đông.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

— Tranh vẽ Nhím và Thỏ đang nô đùa dưới ánh trăng.

— Câu chuyện giàu tình cảm, giàu hình ảnh, giáo viên nên chú ý học thuộc đề lời kể được hấp dẫn.

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Thỏ xám đi tìm bạn. Kể đoạn này cần chú ý thể hiện sắc thái tình cảm: Khi được đi chơi với nhau thì cả hai bạn phần khởi, thân thiết, khi Thỏ xám không tìm thấy Nhím đâu nữa thì cảm thấy cô đơn, lo cho bạn, nhớ bạn và quyết tâm đi tìm bạn (chú ý tả cảnh giá rét mùa đông).

2. Đoạn 2: Thỏ xám gặp lại bạn. Khi kể đoạn này cần chú ý làm nổi rõ hai ý: Mùa xuân về, cảnh vật trở nên tươi tốt. Thỏ xám có nhiều bạn: Bướm, Họa mi, Sơn ca... Nhưng chính trong lúc vui nhất, Thỏ xám vẫn nhớ đến Nhím xù: «Ước gì ta gặp lại Nhím xù ở đây!» Sau đó, cần chú ý thể hiện sâu sắc nỗi vui mừng của Thỏ xám và Nhím xù khi gặp lại nhau. (Đôi mắt mở tròn thao láo... Ôi! Mình tìm bạn, mong bạn mỗi cả mắt... Nhớ bạn lắm lắm đi thôi... Thỏ xám cười híp cả mắt, rung cả đôi tai dài).

C — Học sinh kể:

Chuyện này ngắn, giáo viên nên cho nhiều học sinh kể và nhắc lại được những đoạn văn hay.

1. Thỏ xám và Nhím xù chơi với nhau như thế nào?
2. Thỏ xám đi tìm bạn ra sao?
3. Hãy kể lại đoạn Thỏ xám và Nhím xù gặp lại nhau.

D — Tổng kết :

Thỏ xám và Nhím xù là đôi bạn thân thiết. Vắng Nhím xù, Thỏ xám rất nhớ bạn, buồn lo cho bạn và cảm thấy cô đơn, lẻ loi. Được gặp lại nhau, cả hai bạn rất mừng rỡ, vui sướng — Thật là mối tình bạn đẹp đẽ của tuổi thơ!

6. CHUYỆN ÔNG GIÓNG

1. Ngày xưa ngày xưa, nước ta bị giặc tràn vào xâm chiếm. Chúng vô cùng tàn ác, đi đến đâu là đốt phá, chém giết đến đấy.

Vua phái người đi khắp đất nước tìm người tài giỏi ra đánh giặc cứu nước.

Thuở ấy, có một bà mẹ sinh được một con trai, trông rất thông minh, khẩu khỉnh. Bà đặt tên con là Gióng.

Nhưng lạ thay, em bé đã ba tuổi mà chẳng cười, chẳng nói, cứ đặt đâu nằm đấy trơ trơ.

Hôm sứ giả về đầu làng, bắc loa kêu gọi, Gióng bỗng ngồi dậy, gọi mẹ:

— Mẹ ơi! Mẹ ra mời sứ giả vào đây cho con!

Thấy con ngồi dậy được, nói được, mẹ Gióng mừng quá, chạy ngay ra đón người của nhà vua.

Gióng nói:

— Sứ giả hãy mau mau về xin nhà vua đúc cho ta một con ngựa sắt, một chiếc roi sắt, một áo giáp sắt, một nón sắt để ta đi đánh giặc.

2. Từ khi gặp sứ giả, Gióng lớn nhanh như thổi. Com ăn mấy cũng không no, áo may rộng bao nhiêu cũng chỉ mặc vài ngày đã chật. Mẹ Gióng vét hết thóc gạo trong nhà, hái hết cả ngoài vườn muối cho Gióng ăn cũng không đủ. Bà con xung quanh, rồi cả làng liền góp gạo nuôi Gióng.

Trong khi ấy vua truyền lệnh xẻ núi lấy sắt, chọn một nghìn thợ rèn giỏi, ngày đêm thổi bể, đúc ngựa, rèn roi, áo giáp. Chẳng bao lâu mọi thứ đã đúc xong. Hàng nghìn quân lính và thợ rèn hò nhau kéo ngựa sắt, khiêng roi, nón và áo giáp đến. Dân làng bày một bữa tiệc có bảy nong cơm, ba nong cà muối để tiễn Gióng ra trận. Gióng ăn loáng một cái đã xong, đứng dậy vươn vai, người bỗng cao lớn lạ thường.

3. Gióng mặc áo giáp, đội nón sắt, cầm roi sắt, nhảy phốc lên lưng ngựa. Ngựa sắt chồm lên, hí một tiếng dài phun lửa ra. Người và ngựa lao vút như bay ra mặt trận.

Gióng thúc ngựa xông vào giữa đám giặc. Roi sắt vung lên như ánh chớp đánh xuống, giặc chết như rạ. Bọn sống sót bỏ chạy tán loạn.

Gióng thúc ngựa đuổi theo, cầm roi sắt quật vào đám giặc. Chẳng may roi bị gãy, Gióng bèn nhổ luôn những bụi tre hai bên đường làm vũ khí. Bọn giặc sợ quá, giẫm đạp lên nhau mà chết. Giặc tan rã.

Phá xong giặc, Gióng phi ngựa đến chân núi Sóc Sơn. Gióng ghim cương, quay nhìn bốn phía quê hương đất nước, vái tạ mẹ già rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.

Nhân dân ta nhớ ơn Gióng có công đánh giặc giữ nước, lập đền thờ gọi là đền thờ Ông Gióng.

(Phỏng theo Tô hoai)

HƯỚNG DẪN

I – Tìm hiểu chuyện

a) Giải nghĩa từ khó:

— *Sứ giả*: người của nhà vua sai đi loan báo một mệnh lệnh gì trong nhân dân.

— *Lớn nhanh như thổi*: lớn nhanh một cách khác thường.

b) Ý nghĩa:

Đây là một truyện truyền thuyết, phản ánh ý chí, nguyện vọng đấu tranh chống ngoại xâm nảy nở rất sớm của nhân dân ta xưa kia, được biểu hiện bằng một hình ảnh kỳ diệu trong trí tưởng tượng của người xưa: hình ảnh Ông Gióng. Truyện có tác dụng giáo dục lòng tự hào dân tộc và truyền thống bất khuất của nhân dân ta.

II – Hướng dẫn lên lớp

A – Chuẩn bị:

Tranh vẽ hình ảnh Ông Gióng đang phi ngựa đánh giặc – Quân giặc sợ hãi bỏ chạy tán loạn.

B – Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Chú bé kì lạ.

Đoạn này giới thiệu hoàn cảnh ra đời khác thường của chú bé làng Gióng. Vì vậy người kể cần thể hiện rõ qua giọng kể cảm xúc vừa ngạc nhiên vừa thích thú, tự hào về cậu bé kì lạ này.

Chú ý: Khi nói với sứ giả, giọng của cậu bé dứt khoát và trang nghiêm, đường hoàng.

— «Hãy mau mau về xin nhà vua... để ta đi đánh giặc».

2. Đoạn 2: Cả làng chuẩn bị cho Gióng đi cứu nước. Giọng kể cần rõ ràng, nhấn mạnh các từ ngữ, hình ảnh khắc họa sự lớn mạnh phi thường của Ông Gióng

và sự chuẩn bị tích cực của nhân dân để Gióng đi cứu nước: lớn nhanh như thổi – ăn mấy cũng không no – áo may rộng... vài ngày đã chật – vét hết thóc gạo – hái hết cà ngoài vườn – ăn loảng một cái – người bỗng cao lớn lạ thường...

3. Đoạn 3: Gióng ra trận, quân giặc tan tác. Giọng kể cần hoạt bát, mạnh mẽ, làm nổi rõ hình ảnh người anh hùng xông pha nơi trận mạc: nhảy phốc lên lưng ngựa, ngựa sắt chồm lên, hí một tiếng dài, lao vút như bay ra mặt trận, xông vào giữa đám giặc, vang lên như ánh chớp...

Đoạn cuối cần kể chậm rãi, nhẹ nhàng, tỏ ý kính cẩn, trang nghiêm tưởng nhớ đến người anh hùng sau khi đánh giặc thắng lợi đã bay về trời.

C – Học sinh kể:

Đoạn 1: Ngày xưa khi giặc xâm lược nước ta, vua đã làm gì? Nghe thấy tiếng loa kêu gọi của sứ giả, cậu Gióng đã nói thế nào?

Đoạn 2: Để cậu Gióng có sức khỏe đi đánh giặc, dân làng đã nuôi cậu ấy như thế nào?

— Nhà vua đã làm những gì để chuẩn bị cho Ông Gióng đi đánh giặc?

Đoạn 3: Ông Gióng đã phá tan quân giặc như thế nào?

— Sau khi phá xong giặc, Ông Gióng đã làm gì?

D – Tổng kết:

Ông Gióng vốn là một cậu bé kì lạ, có sức mạnh phi thường, yêu nước tha thiết, chiến đấu dũng cảm, đã đánh tan giặc ngoại xâm, giành lại độc lập, tự do cho đất nước. Ngày nay, chúng ta nghe chuyện và nhắc lại tên Ông Gióng một cách tự hào về truyền thống anh hùng của nhân dân ta xưa kia (nhân dân ta còn gọi Ông là: *Thánh Gióng* hoặc *Phù Đổng thiên vương*).

7. SÊN CHẠY THI VỚI THỎ

1. Ở giữa một khu rừng già có một cái hồ rộng, mặt nước trong veo. Ven bờ cỏ mọc xanh tươi, hoa nở bốn mùa. Họ hàng nhà Sên đang ở gần yên vui thì một hôm Thỏ nâu đến quấy rối. Thỏ nghịch làm cho hoa cỏ nát nhừ. Lặn lội chân trên bờ, nó lại hất đất, sỏi xuống hồ làm nước đục ngầu.

Thấy động, Sên già lên tiếng trách móc Thỏ:

— Sao bác lại đến phá chỗ chúng tôi ở thế?

Thỏ nâu hách dịch quát tháo:

— Chú im ngay đi! Yếu như Sên mà còn đòi giữ hồ nước à? Liệu có đủ sức cùng ta chạy thi ba vòng quanh hồ này không? Thua thì đừng có hòng ở lại mảnh đất này nữa!

Bị Thỏ nâu coi thường, Sên già tức lắm. Chợt Sên nghĩ ra một mẹo, bèn thủng thỉnh đáp:

— Được, bác đã thách thì chúng tôi xin nhận vậy.

Thỏ tin chắc là mình sẽ thắng, vội vã giục luôn:

— Thế thì thi ngay đi!

— Khoan, bây giờ đã chiều rồi. Sáng mai, bác lại đây, chúng ta cùng thi.

2. Sáng hôm sau, sương đêm còn ướt đầm hoa cỏ ven hồ, Thỏ nâu đã đến gọi Sên để chạy thi. Nghe tin có cuộc thi kì lạ, muôn thú trong rừng tập nập rủ nhau đến xem. Gà rừng gáy lên một hồi dài, báo tin cuộc thi sắp bắt đầu. Chú Sóc chạy đi chạy lại để giữ trật tự. Chuẩn bị xong xuôi, chú nhẩy lên trên hòn đá cao ven đường vẫy đuôi ra hiệu cho Thỏ, Sên cùng chạy. Nhưng Thỏ nâu khinh thường không chịu chạy ngay. Thấy Sên già khom lưng cặm cụi leo dốc, Thỏ nâu bật cười khanh khách. Chơi đùa chán chê một lúc

rồi Thỏ nâu mới chạy một hơi vòng quanh hồ. Nhìn trước nhìn sau không thấy Sên đâu, Thỏ lên tiếng hỏi:

— Sên đâu rồi?

Thì ngay từ lùm cây trước mặt, chú Sên chạy ra, vẫy cái râu trả lời: «Sên đây rồi!».

Giật mình đánh thót một cái, Thỏ cup tai lại, chạy miết một hơi. Liệu đã xa, Thỏ chạy chậm lại, lên tiếng hỏi:

— Sên đâu rồi?

Ngay từ một bụi cây trước mặt, chú Sên chạy ra, vẫy cái râu trả lời: «Sên đây rồi!».

Thấy thế, Thỏ tức lắm, tuy đã mệt nhoài, nhưng Thỏ cũng gắng dồn hết sức chạy một hơi nữa. Thỏ mới ngừng lại, chân căng rã rời, vừa thở hồng hộc vừa cất tiếng hỏi:

— Sên... đâu... rồi...?

Ngay từ bụi cây trước mặt, một chú Sên vẫy vẫy cái râu trả lời: «Sên đây rồi!».

3. Vừa mệt, vừa xấu hổ, Thỏ nâu lủi thủi định rút khỏi khu rừng thì Sên già gọi lại:

— Này bác Thỏ ơi, chúng tôi tuy được bác thực đấy, nhưng mời bác cứ ở lại đây chơi với chúng tôi, miễn là bác đừng có phá phách như trước nữa là được!

Thỏ nâu bèn lên nhận lời:

— Thôi thế cũng được. Tôi chịu thua cuộc rồi. Thật không ngờ bác Sên lại chạy nhanh đến thế!

— Ồ có gì lạ đâu! Liệu dùng sức không thắng được bác nên chúng tôi chia nhau ra mỗi người đứng đợi sẵn ở một bụi cây ven đường đón đầu bác đấy thôi!

Nghe rõ mưu trí của Sên già, Thỏ nâu càng mến phục sự thông minh và đoàn kết của họ nhà Sên.

(Tập đọc lớp 1 — 1980)

I – Tìm hiểu chuyện.

Đây là một truyện ngụ ngôn rất có ý nghĩa. Người ta thường nói: Nhanh như thỏ – Chậm như rùa – Yếu như sên. Nếu chỉ nhìn bề ngoài thì Rùa và Sên không bao giờ thắng được Thỏ. Nhưng vì Thỏ chủ quan, coi thường mọi người, nên khi thi với Rùa đã thua Rùa, nay thi với Sên, con vật bé nhỏ hơn, Thỏ cũng vẫn thua. Bởi vậy, câu chuyện cho ta thấy: không nên kiêu ngạo, chủ quan, coi thường người khác, kể cả những người yếu kém hơn mình.

II – Hướng dẫn lên lớp.

A – Chuẩn bị:

Tranh vẽ: trên bờ hồ rộng, Sên đang bò đằng trước, Thỏ cầm đầu, cầm cổ chạy đằng sau.

B – Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Thỏ nâu coi thường Sên. Phân biệt thái độ và giọng nói của Thỏ nâu: kiêu ngạo, coi thường, hách dịch với Sên già. Trái lại, Sên già là người điềm đạm, khiêm tốn, nhưng có ý thức tự trọng, không để cho ai coi thường được mình.

2. Đoạn 2: Thỏ chạy thi với Sên.

Giọng kể cần thể hiện rõ: sự biến đổi nhanh chóng trong thái độ và tâm lí của Thỏ nâu qua ba chặng đường chạy thi: từ chủ quan, kiêu ngạo đến lo lắng, ngượng ngập, rồi hoảng hốt, xấu hổ.

3. Đoạn 3: Thỏ chịu thua Sên.

Giọng kể cần thể hiện thái độ bèn lên, hối hận của Thỏ và thái độ đại lượng, đoàn kết của bác Sên già.

C – Học sinh kể:

– Đoạn 1: Thỏ nâu đến chơi đùa, phá phách nơi Sên ở như thế nào?

Thỏ nâu còn thách bác Sên điều gì?

– Đoạn 2: Kể lại đoạn Thỏ chạy thi với Sên.

– Đoạn 3: Kết quả cuộc thi ra sao?

Cuối cùng Sên đã đối xử với Thỏ như thế nào?

D – Tổng kết:

Thỏ chủ quan, kiêu ngạo, coi thường Sên nên đã thua Sên. Bởi vậy, cần khiêm tốn, đoàn kết, giúp đỡ và học tập mọi người xung quanh, kể cả những người thua kém mình.

8. CHUYỆN BÔNG HOA CÚC TRẮNG

1. Ngày xưa, có hai mẹ con nhà nọ sống trong một cái lều nơi xóm vắng. Người chồng mất sớm, nên mẹ con làm lụng vất vả lắm mới đủ ăn. Hằng ngày gà chưa gáy sáng bà mẹ đã phải dậy làm việc cho đến đêm khuya.

Một hôm, gà gáy lâu lắm rồi mà bà mẹ vẫn chưa dậy. Cô bé thức giấc vội đến bên mẹ, cô biết là mẹ đã ốm rồi! Làm thế nào bây giờ, giữa nơi hoang vắng và cảnh nghèo túng này? Cô chỉ còn biết đắp chiếc áo ấm độc nhất của mình cho mẹ, rồi ngồi đấy chăm sóc mẹ. Mẹ cô thỉnh thoảng hé đôi mắt khô héo nhìn con.

Một buổi chiều khi ánh nắng chiếu qua khe liếp, bà mẹ chợt tỉnh lại.

– Con ơi! Con đi mời thầy thuốc về đây. Mẹ thấy trong người khó chịu lắm.

2. Cô bé vội vã ra đi. Vừa đi cô vừa lo cho mẹ. Được một cặm đường dài, cô gặp một cụ già tóc bạc phơ. Thấy cô bé đi một mình, cụ liền hỏi:

— Cháu đi đâu mà vội thế?

— Thưa cụ, cháu đi tìm thầy thuốc. Mẹ cháu ốm đã lâu, mà bệnh ngày một nặng thêm.

Tự nhận là thầy thuốc, cụ bảo em dẫn về nhà để xem bệnh giúp. Về đến nhà, xem mạch cho người ốm xong, cụ quay lại hỏi cô bé:

— Chỉ có cháu và mẹ cháu ở đây thôi ư?

— Thưa vâng!

— Từ hôm mẹ ốm, cháu săn sóc thế nào?

— Thưa cụ, cháu chỉ biết quanh quẩn bên giường làm vui lòng mẹ cháu.

— Mẹ cháu bị bệnh nặng lắm. Ta sẽ cố chữa cho mẹ cháu khỏi. Cháu hãy đi đến gốc đa đầu rừng, hái cho ta một bông hoa trắng thật đẹp về đây.

3. Bên ngoài trời rất lạnh. Cô bé chỉ có một chiếc áo mỏng trên mình. Cô lảo lảo bước đều trong gió rét. Vừa đi cô vừa lo cho mẹ. Cô đi đã mãi chân mới đến gốc đa đầu rừng. Quả nhiên cô thấy trên bụi cây trước mặt có một bông hoa trắng rất đẹp. Cô ngắt bông hoa, tay nâng niu với tất cả tấm lòng tha thiết cầu mong cho mẹ tai qua nạn khỏi. Bỗng cô nghe như văng vẳng bên tai tiếng cụ già tóc bạc ban nãy lại khuyên nhủ cô:

— Cháu hãy yên tâm, mỗi cánh hoa trên bông hoa sẽ là một ngày mẹ cháu được sống thêm.

Cô bé cúi xuống nhìn hoa, cô đếm: « Một, hai, ba, bốn... hai mươi. Trời ơi! Còn có hai mươi ngày nữa thôi ư?... ».

Suy nghĩ một lát, cô rón rén chạy ra phía sau cây đa. Cô nhẹ tay xé mỗi cánh hoa ra thành nhiều sợi.

Bông hoa trở nên kì lạ. Mỗi sợi nhỏ biến thành từng cánh nhỏ dài và mượt, trắng bong như tấm lòng ngây thơ trong trắng của cô. Những cánh hoa mọc thêm ra nhiều không sao đếm được! Cô bé nâng niu trên tay bông hoa lạ đó. Trời ơi! Sung sướng quá! Cô vùng chạy về. Đến nhà, cụ già tóc bạc Lước ra cửa tươi cười đón cô và nói:

— Mẹ cháu đã khỏi bệnh! Phần thưởng cho tấm lòng hiếu thảo của cháu đấy!

Từ đó hằng năm, về mùa thu, thường nở những bông hoa có nhiều cánh nhỏ dài mượt, trông rất đẹp.

Đó chính là bông hoa cúc trắng.

Phỏng theo Truyện cổ tích Nhật bản
(Sách Ngựa Gióng)

KHÔNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

— *Hoang vắng*: nơi không có người ở và ít có người qua lại.

— *Hiếu thảo*: có lòng kính yêu cha mẹ.

b) Ý nghĩa:

Phỏng theo một truyện cổ tích Nhật Bản, câu chuyện ca ngợi tấm lòng hiếu thảo của một cô bé đối với bà mẹ bị ốm nặng. Tấm lòng hiếu thảo của cô đã được đền bù xứng đáng. Câu chuyện còn có ý nghĩa giới thiệu hình ảnh bông hoa cúc trắng với vô vàn cánh nhỏ xinh đẹp và trắng trắng như tấm lòng hiếu thảo của cô bé đối với bà mẹ kính yêu.

II – Hướng dẫn lên lớp.

A – Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Gia đình có hai mẹ con nghèo khổ, mẹ ốm, con hết lòng chăm sóc mẹ.

Giọng kể cần thông thả, rành mạch. Kể đến đoạn người mẹ ốm, cần hạ giọng để tỏ sự thông cảm.

2. Đoạn 2: Cô bé đi mời thầy thuốc về chữa bệnh cho mẹ. Cách kể cần linh hoạt, phù hợp với một đoạn đối thoại: giọng nói băn khoăn, lo lắng của cô bé; giọng nói ôn tồn, dịu dàng của cụ già (chính là *bụt* hoặc *tiền* hiện hình).

3. Đoạn 3: Cô bé đi kiếm bông hoa đẹp về chữa bệnh cho mẹ: Giọng kể cần tha thiết, thể hiện tình cảm yêu thương sâu sắc của cô bé đối với bà mẹ đang ốm nặng, tính mạng chỉ còn tính từng ngày.

Cuối đoạn cần thể hiện rõ cảm xúc hồi hộp, vui sướng đột ngột của cô bé:

«Trời ơi! Sung sướng quá! cô vùng chạy về...».

Tiếp đến là giọng vui mừng báo tin của cụ già tóc bạc: «Mẹ cháu đã khỏi bệnh!...».

B – Học sinh kể:

Đoạn 1: Hai mẹ con cô bé sống trong cảnh nghèo khổ như thế nào? Mẹ ốm, cô bé đã chăm sóc mẹ ra sao?

Đoạn 2: Khi cô bé gặp cụ già tóc bạc, cụ đã bảo cô bé những gì?

Đoạn 3: — Cô bé đã làm theo lời cụ già như thế nào?

— Vì sao cô bé lại xé cánh hoa ra làm nhiều sợi nhỏ? Kết quả ra sao?

Cuối cùng cho một vài em kể lại toàn bộ câu chuyện.

C – Tổng kết:

Cô bé rất thương yêu mẹ, không những hết lòng chăm sóc mẹ để mẹ chóng khỏi bệnh, mà còn mong muốn

mẹ sống lâu. Cô bé đã không quản ngại rét mướt, khó khăn, quyết đi tìm người về chữa bệnh cho mẹ, rồi đi kiếm bằng được bông hoa quý về để cứu mẹ. Thật là một cô bé hiếu thảo đáng mến!

9. NGƯỜI NÔNG DÂN VÀ CON QUỶ

1. Ngày xưa đất đai đều bị loài quỷ chiếm mất cả. Một hôm, có người nông dân vào rừng trồng củ cải. Anh đang cuốc đất thì có một con quỷ chạy lại và quát lên:

— Anh kia, ai cho anh vào rừng của ta?... Anh muốn chết à?

Người nông dân bình tĩnh nói:

— Quỷ ơi, đừng ăn thịt tôi. Quỷ để tôi gieo cải. Khi cây lớn lên, tôi chỉ lấy gốc thôi, còn ngọn xin nhường quỷ. Thấy không phải làm gì mà lại được ăn, quỷ bằng lòng, bèn nói:

— Thế cũng được, nhưng anh phải giữ đúng lời hứa đấy. Nếu không đúng, đừng có hòng vào rừng này nữa.

Củ cải lớn, người nông dân dỡ lấy củ, để lại ngọn cho quỷ. Quỷ ăn thấy đắng, tức lắm không làm gì người được.

2. Sang mùa sau, người nông dân lại vào rừng tiếp tục trồng. Thấy vậy, quỷ lại đòi chia. Người nông dân hỏi:

— Thế quỷ định lấy gốc hay lấy ngọn?

Bực tức vì lần trước đã không được ăn, nên lần này quỷ đòi lấy gốc. Thấy vậy, người trồng lúa. Lúa chín vàng, người nông dân gặt lấy ngọn gánh về, còn để lại gốc cho quỷ.

3. Gốc ra không ăn được, quý tức giận, sùi bọt mép, đòi mùa sau ăn cả ngọn lẫn gốc. Quý nghĩ: «Cho người trồng gì đi nữa, kết quả thu hoạch lần này cũng về ta cả». Nhưng không chịu thua quý, người nông dân đem ngô ra gieo. Vì ra sức chăm bón nên bắp ngô rất to. Mỗi cây có đến hai, ba bắp. Đến mùa, người mang quang gánh, hỡi hỡi trảy ngô bắp, gánh về nhà, để lại cả ngọn lẫn gốc ngô cho quý.

Nhìn những thân cây ngô khô đét, không ăn được, quý đành hậm hực chạy về rừng mà không làm gì người được.

Thế là cả ba lần, nhờ trí thông minh, người nông dân đã thắng quý tham lam và ngu xuẩn.

Phỏng theo Truyện cổ tích Việt Nam

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

Đây là câu chuyện phỏng theo truyện cổ tích Việt Nam nhằm ca ngợi người nông dân lao động cần cù, đã dùng trí thông minh để đối phó với loài quý ác, và cả ba lần họ đã thắng con quý tham lam và ngu xuẩn.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

Tranh vẽ: con quý tham lam, ngu ngốc đang ngán ngẫm nhìn ruộng ngô chỉ còn những thân cây ngô khô đét — Xa xa người nông dân đang gánh ngô nặng trĩu về nhà.

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Quý đòi ăn ngọn. Đoạn này cần thể hiện: giọng quý ồm ồm quát tháo dữ tợn đe uy hiếp người

nông dân; còn người nông dân giọng ôn tồn nhưng lự tin.

2. Đoạn 2: Quý tranh ăn gốc.

Quý đã bị thua lần trước nên vụ mùa này quý rất căm tức người. Vì thế, khi kể đoạn này cần thể hiện thái độ vội vã, hấp tấp của quý khi hăn đòi lấy gốc. Nhấn mạnh những ý như: «... lại vào rừng... lại đòi chia». Khi kể đến câu người nông dân hỏi: «Thế quý định lấy gốc hay lấy ngọn?» thì giáo viên có thể ngừng lại cho học sinh suy nghĩ và trả lời. Sau đó giáo viên mới kể tiếp.

3. Đoạn 3: Quý đòi ăn cả ngọn lẫn gốc. Đoạn này cần thể hiện giọng vui sướng, phấn khởi vì người có trí thông minh nên đã thắng quý. Chú ý nhấn mạnh các ý: «hỡi hỡi... gánh về nhà, thắng quý tham lam và ngu xuẩn...».

C — Học sinh kể:

Kể đoạn 1: Người nông dân làm gì? Quý đã đòi gì?

— Người nông dân đã đối phó ra sao?

Kể đoạn 2: Vụ mùa sau, quý đòi chia ra sao?

— Quý đã thất bại như thế nào?

Kể đoạn 3: Lần này, quý tham lam đòi lấy những gì?

— Cuối cùng người đã thắng quý như thế nào?

— Qua câu chuyện kể, em thấy vì sao quý thất bại và người thắng lợi?

D — Tổng kết:

Người nông dân cày cấy, làm lụng vất vả mới có cái ăn; trong khi đó có những kẻ lười biếng, tham lam như giống quý đã không làm cũng đòi chia ăn. Nhưng

giống quý tham lam lại không biết cày cấy thường ngu xuẩn, nên đã bị thua người nông dân cần cù và thông minh.

10. MÓN QUÀ QUÝ NHẤT

1. Ngày xưa, ở một gia đình kia, có ba anh em trai. Một hôm người cha gọi đàn con lại bảo:

— Các con, cha mẹ tuy chưa già nhưng cũng không thể sống mãi mà nuôi các con. Vậy, kể từ ngày mai, cha muốn các con hãy tự mình lo liệu trong một thời gian. Cũng ngày này sang năm, mỗi con sẽ trở về và mang theo một món quà mà mình cho là quý nhất.

Ba anh em vâng lời và hăng hái ra đi.

2. Một năm sau, họ trở về.

Người em út dâng cha mẹ một cái hộp bằng vàng trong đựng rất nhiều ngọc ngà, châu báu.

Người em thứ hai chở hẳn một xe toàn những thức ăn quý, nào chim rừng, cá biển, bánh trái thơm ngon, xưa nay không mấy ai có.

Còn người anh cả khoác về một tay nải nặng chưa ai biết ở trong có những thứ gì.

Cái hộp vàng của người em út được mở ra cho mọi người xem, ai nấy đều trầm trồ khen đẹp. Được một lúc sau, người em đành phải cất chiếc hộp đi, vì đã đến lúc ai cũng đói bụng, chả nhẽ cứ ngồi ngắm cái hộp mãi.

Người em thứ hai mang số quà bánh, thức ngon vật lạ ra mời cha mẹ và mọi người cùng ăn. Ai cũng khen ngon. Ăn xong mọi người đoán chỉ độ mười hôm, số thức ăn này rồi sẽ hết.

3. Sau bữa cơm, ai cũng muốn xem món quà của người anh cả. Nhưng, anh không vội mở cái tay nải đã cũ và bạc màu vì sương gió. Anh ngồi kể chuyện cho mọi người nghe. Anh nói đến những điều mà xưa nay chưa mấy ai biết. Nào tại sao trời lại mưa, tại sao cây lúa trồng một bông có thể cho tới hàng mấy trăm hạt thóc. Anh còn nói là đã học được cách gieo trồng, chăm bón giống lúa tốt đó.

Chuyện anh kể hay quá, thú vị quá, khiến người họ truyền người kia, cả xóm cùng đến nghe. Cuối cùng, người cha hỏi:

— Thế lâu nay con đi đâu, làm gì?

Người con cả ngoan ngoãn trả lời:

— Thưa cha, con đi tìm thầy để học những điều hay, lẽ phải và đem áp dụng những điều đó trong công việc làm ăn hằng ngày.

Nói rồi, anh xin phép mở tay nải. Mọi người sững sốt và ngơ ngác nhìn. Ở trong đó toàn sách là sách.

Người cha sung sướng khen con:

— Con đã làm đúng. Con người ta ai cũng cần phải học. Đừng vội lo tới chuyện ăn chơi hoang phí. Quà của con mang về đúng là món quà quý nhất.

(Theo báo *Thiếu niên tiền phong*)

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

— *Sững sốt*: hết sức ngạc nhiên.

— *Trầm trồ*: khen ngợi một cách thích thú, vui sướng

b) Ý nghĩa:

Trong cuộc sống hằng ngày, có nhiều người băn khoăn: cái gì quý nhất? Vàng bạc, châu báu hay của ngon vật lạ? Câu chuyện này cho ta biết: sách vở, kiến thức là cái quý nhất. Qua câu chuyện, giáo dục học sinh ý thức: chăm học chăm làm, ham đọc sách và làm theo sách.

II – Hướng dẫn lên lớp

A – Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Người cha căn dặn ba anh em.

Kể rõ ràng, thể hiện lời căn dặn ân cần, thân thiết của người cha đối với các con.

2. Đoạn 2: Những món quà của người em út và người em thứ hai. Đoạn này cần kể rành mạch để giới thiệu những món quà quý của từng người đem dâng cha mẹ.

3. Đoạn 3: Món quà của người anh cả. Giọng kể đoạn này (trọng tâm) cần thay đổi linh hoạt, kêu gọi được óc tò mò, suy đoán và sự chờ đợi của mọi người về món quà quý nhất của người anh cả. Sau hết, cần thể hiện rõ sự sung sướng của mọi người và nổi sung sướng của người cha.

B – Học sinh kể:

Đoạn 1: Gia đình này có những ai? Người cha đã căn dặn các con điều gì?

Đoạn 2: Người em út đem về được món quà gì quý nhất?

— Người em thứ hai đem về món quà gì cho là quý nhất?

— Vì sao những món quà của cả hai người em đem về chưa phải là những cái quý nhất?

Đoạn 3: Kể lại đoạn người anh cả giới thiệu món quà quý nhất của mình.

C – Tổng kết:

Sách vở, kiến thức là cái rất quý vì sách vở giúp cho con người mở mang trí óc, nhờ đó con người biết cách trồng trọt, sản xuất ra được nhiều thức ăn, đồ dùng làm cho đời sống ngày càng ấm no, sung sướng.

Vì vậy, nhiệm vụ của các em học sinh là phải chăm học, chăm làm, ham đọc sách và làm theo sách theo sự chỉ bảo của cô giáo.

II. QUẠ VÀ CÔNG

1. Ngày xưa ngày xưa, Quạ và Công lông đều trắng cả. Một hôm hai bạn gặp nhau, Công bảo Quạ: «Bạn Quạ ạ, họ nhà chim chúng ta, nhiều người có áo đẹp. Chị Vàng Anh có chiếc áo vàng rực rỡ. Chú Vẹt có chiếc áo màu xanh tươi mát. Chú Trĩ có chiếc áo xanh lam. Có áo đẹp mà mùa thì thích lắm. Chúng mình chỉ có chiếc áo trắng thành ra mùa không hay. Tôi và bạn đi tìm thuốc vẽ đi». Quạ bằng lòng.

2. Hôm sau hai bạn lại gặp nhau. Chúng tìm được đủ màu: son đỏ, nghệ vàng, chàm xanh, phẩm lam tím.

Quạ bảo Công: «Bạn ngồi xuống đây, tôi vẽ cho bạn trước». Quạ vẽ khéo lắm. Mỗi chiếc lông của Công, Quạ đều vẽ một cái mắt trắng có tia sáng vàng. Trên mình, trên cổ Công, Quạ tô màu xanh óng ánh. Bộ áo của Công tuyệt đẹp, chú chim nào trông thấy cũng phải khen: «Chao ôi! Công có chiếc áo đẹp tuyệt vời!». Công thích lắm, chú xòe đôi cánh ra như để khoe với các bạn bộ áo xinh đẹp của mình.

3. Đến lượt Công vẽ cho Quạ. Công định vẽ cổ Quạ màu đen có khoang trắng, hai cánh màu vàng,

minh và lưng màu tía và thanh thiên. Công mới về cái cổ đen có khoang trắng thì nghe thấy có tiếng lợn kêu eng éc. Qua nghĩ bụng: «Chắc có đình đám chi đây, mau mau ta sang kiểm khúc ruột lợn». Nó bèn bảo Công: «Thôi bạn về mau lên, không cần cầu kì lắm đâu!». Công vẫn bình tĩnh về. Tiếng lợn kêu lại càng to. Qua càng sốt ruột bảo Công: «Mau lên! Mau lên! Bạn đồ tất cả các màu lên mình tôi cũng được!». Công nói: «Bạn chịu khó đứng im, chiều nay tôi về xong. Ngày mai chúng ta cùng có những chiếc áo hoa rực rỡ, cùng nhau dạo chơi múa vui mừng đêm trăng đẹp».

«Nhanh lên! Nhanh lên!», Qua vừa nói, vừa nhảy vào chậu phẩm đen. Thế là từ đó trở đi Qua đành khoác trên mình bộ áo đen thui.

Trình Mạnh kể

(Theo truyện cổ Việt Nam)

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

— *Màu tía*: màu tím đỏ.

— *Thanh thiên*: xanh da trời.

— *Đình đám*: hội hè, giỗ tết (ở nông thôn ngày xưa thường mổ lợn làm cỗ bàn để ăn uống).

b) Ý nghĩa:

Đây là câu chuyện ngụ ngôn có ý nghĩa giáo dục đức tính kiên nhẫn, chịu khó, chế giễu những kẻ tham ăn tham uống. Câu chuyện còn ngụ ý giới thiệu lai lịch

của bộ lông công và bộ lông quạ (theo trí tưởng tượng của người xưa).

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

Tranh con Công và con Quạ với những bộ lông trái ngược nhau: lông Công rực rỡ màu sắc, lông Quạ đen thui.

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Vì sao Quạ và Công tìm cách vẽ lại bộ lông của mình. Cần thể hiện được lời lẽ giàu sức gợi tả của Công.

2. Đoạn 2: Quạ vẽ áo cho Công. Khi kể chú ý làm nổi bật: sự khéo léo của Quạ; sự phấn khởi của Công. Cần nhấn mạnh đoạn tả màu sắc đẹp của bộ lông Công (Mỗi chiếc lông của Công... óng ánh tuyệt vời... Công thích lắm... của mình).

3. Đoạn 3: Công vẽ áo cho Quạ. Khi kể chú ý làm nổi bật tình cách của Công và Quạ. Công kiên nhẫn, chịu khó. Quạ nóng ruột, vội vàng, tham ăn. Chú ý diễn cảm qua những lời lẽ đầy vẽ sốt ruột của Quạ.

C — Học sinh kể:

1. Quạ và Công bàn nhau vẽ áo ra sao?

2. Quạ đã vẽ áo cho Công đẹp như thế nào?

3. Hãy kể lại đoạn Công vẽ áo cho Quạ.

4. Một hai em kể lại cả câu chuyện.

D — Tổng kết:

Công kiên nhẫn, chịu khó ngồi cho bạn vẽ thì được bộ áo màu đẹp. Còn Quạ vội vàng, háu ăn nên chỉ có bộ áo đen thui. Chúng ta học tập đức tính kiên nhẫn của Công và chớ có hấp tấp, vội vàng vì háu ăn như Quạ để hỏng việc.

12. CHUYỆN ÔNG YẾT KIỀU

1. Ngày xưa ngày xưa, có một người tên là Yết Kiêu làm nghề đánh cá. Yết Kiêu có sức khỏe hơn hẳn mọi người, không một ai địch nổi. Đặc biệt Yết Kiêu có tài lội nước. Mỗi lần ông lặn xuống biển bắt cá, người ta cứ tưởng như đi trên đất liền. Ông có thể bơi lặn ở dưới nước luôn sáu, bảy ngày mới lên.

2. Hồi ấy quân giặc ở nước ngoài mang 100 thuyền lớn đi theo đường biển vào cướp nước ta. Nhà vua rất lo sợ, cho sứ giả đi rao trong thiên hạ xem ai có tài đánh lui quân giặc, nhà vua sẽ ban thưởng cho.

Yết Kiêu đến tâu vua rằng:

— Tôi tuy tài hèn sức yếu nhưng xin quyết tâm đánh giặc cứu nước.

Vua mừng quá hỏi:

— Nhà ngươi cần bao nhiêu người? Bao nhiêu thuyền bè?

— Tàu bè hạ chỉ mình tôi cũng có thể đương đầu với chúng.

3. Nhà vua liền cho một đội quân cùng đi với ông để đánh giặc. Ông bảo quân lính sắm cho mình một cái khoan, một cái búa rồi một mình lặn xuống đáy biển, tiến đến chỗ thuyền giặc, tìm đúng đáy thuyền vừa khoan vừa đục. Ông làm rất nhanh, rất nhẹ nhàng kín đáo, thuyền giặc đắm hết chiếc này đến chiếc khác. Thấy thế, quân giặc sợ lắm, chúng đành vội vã phải quay thuyền về, không dám sang cướp nước ta nữa.

Nhà vua mừng quá khen ngợi Yết Kiêu và phong ông làm Đại vương. Sau khi ông mất, mọi người nhớ ơn lập đền thờ ở cửa biển Vạn Ninh nơi ông đã đánh giặc, và ở nhiều cửa biển khác nữa.

Theo Nguyễn Đồng Chi

Văn học dân gian Việt Nam (Tập 1) — XB VH, 1977

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

— Thiên hạ: ý nói nhân dân.

— Đại vương: một chức quan to trong triều thời phong kiến.

— Tàu bè hạ: lời xưng hô của quan và dân đối với vua thời xưa.

b) Ý nghĩa:

«Chuyện ông Yết Kiêu» là câu chuyện kể lại theo truyền cổ tích được lưu truyền trong nhân dân ta xưa kia. Chuyện ca ngợi tấm gương dũng cảm, mưu trí, quyết tâm diệt giặc cứu nước của ông Yết Kiêu ngày xưa.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

Tranh vẽ Yết Kiêu đang lặn dưới biển đục thuyền giặc và có nhiều thuyền giặc đang chìm dần xuống đáy biển.

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Giới thiệu Yết Kiêu. Khi kể giáo viên cần làm nổi bật đặc điểm của nhân vật: có sức khỏe hơn hẳn mọi người, có tài bơi lội ở dưới nước sáu, bảy ngày mới lên.

2. Đoạn 2: Yết Kiêu xin đi đánh giặc. Giọng kể cần rõ ràng, diễn cảm. Chú ý thể hiện được nỗi lo sợ cũng như nỗi mừng rỡ của nhà vua, và giọng nói bình tĩnh, quyết tâm, đầy tự tin của Yết Kiêu.

3. Đoạn 3: Yết Kiêu đánh thắng giặc. Giọng kể cần linh hoạt khi miêu tả cảnh Yết Kiêu đánh giặc, thể hiện được hành động của Yết Kiêu bình tĩnh, tháo vát,

nhẹ nhàng, mà thuyền giặc cứ đâm hết chiếc này đến chiếc khác.

C — Học sinh kể:

Cho 3 học sinh kể lại 3 đoạn, sau đó cho một vài học sinh khác kể lại cả chuyện.

1. Yết Kiêu là người như thế nào?
2. Em hãy kể đoạn Yết Kiêu xin vua đi đánh giặc.
3. Kể lại đoạn chuyện Yết Kiêu đánh thắng giặc.

D — Tổng kết:

Yết Kiêu là người yêu nước, lại có sức khỏe tuyệt vời, có tài lợi nước không ai bì kịp, nên chỉ một mình ông đã dũng cảm, mưu trí đánh chìm được nhiều thuyền giặc, khiến quân giặc phải hoảng sợ và rút quân về nước. Đó là tấm gương yêu nước rất quý báu cho chúng ta ngày nay.

13. TỰ NHẬN LỖI

1. Hồi ấy Lenin còn là cậu bé mới lên tám tuổi, hay đùa nghịch nhưng tính rất thật thà.

Có một hôm, Lenin theo mẹ đến chơi nhà cô. Ở nhà bà cô có rất nhiều anh chị cùng Lenin chơi đùa vui vẻ.

Hôm đó, bọn trẻ chơi ú tim, trốn nhau để đi tìm và đuổi bắt nhau trong nhà. Lenin cũng chạy đuổi bắt như các anh chị, vô ý xô phải cái ghế dài, ghế va vào cái bàn con. Thế là lọ hoa thủy tinh để trên bàn rơi xuống đất.

Trong lúc đó, trẻ con mãi đuổi bắt chẳng ai để ý đến cái lọ hoa ấy. Khi nghe tiếng «choang», chúng mới đứng sững lại. Bà cô nghe tiếng đổ vỡ chạy vào xem sao. Thấy lọ đã vỡ, bà hỏi các em:

— Ai đánh vỡ lọ hoa?

Các em đều nói:

— Cháu không đánh vỡ! Cháu không đánh vỡ!

Bà cô thấy thế nói:

— Các cháu không đánh vỡ, tại sao lọ hoa lại tan ra từng mảnh, nhất định phải có cháu làm rơi lọ hoa xuống đất chứ?

Các em trả lời:

— Có lẽ nó thích chạy chơi với chúng cháu cho nên nó từ trên ghế nhảy xuống đất, nhưng nó quên rằng chính nó là thủy tinh, nên mới bị vỡ tan tành.

Tất cả các em lại cười rúc rích...

2. Chỉ có Lenin là không cười, Lenin sang phòng bên ngồi suy nghĩ, trong lòng rất buồn vì mình đã không dám nhận lỗi.

Khi về nhà, Lenin hối hận và khóc. Mẹ thấy thế mới hỏi Lenin:

— Tại sao con khóc?

Lenin đem chuyện vừa xảy ra kể cho mẹ nghe. Mẹ bảo Lenin:

— Không sao cả, ngày mai con viết thư nhận lỗi với cô. Cô sẽ sẵn sàng tha lỗi cho.

Lenin mới yên lòng không khóc nữa.

Mấy ngày sau, bác giao thông bưu điện đem đến cho Lenin một phong thư. Lenin vội mở ra xem. Trong thư bà cô viết:

— Làm lỗi biết tự mình nhận lỗi, cháu là một em bé ngoan.

Lenin mừng quá cầm thư của cô đọc lại cho mẹ nghe. Mẹ Lenin cũng khen:

— Con thật thà như vậy là tốt!

Theo Kể chuyện Lenin

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

Đây là mẩu chuyện nhỏ về Lenin khi còn bé.
Câu chuyện có tác dụng giáo dục học sinh tính thật thà và dũng cảm nhận lỗi khi mắc phải thiếu sót.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Lenin vô ý đánh vỡ lọ hoa. Khi kẻ cần thay đổi giọng ở đoạn đối thoại:

- Câu hỏi sừng sốt của bà cô: «Ai đánh vỡ lọ hoa?»
- Câu trả lời bột phát, tự nhiên của lũ trẻ: «Cháu không đánh vỡ, cháu không đánh vỡ!».
- Câu nói đùa hồn nhiên, vô tư của các em: «Có lẽ nó thích chạy chơi... bị vỡ tan tành».

2. Đoạn 2: Lenin hối hận, tự nhận lỗi với mẹ và với cô.

Giọng kể phần đầu trầm trầm thể hiện tâm trạng Lenin ân hận vì mình đã đánh vỡ lọ hoa nhưng lại chưa dám nhận.

Sau đó giọng kể ở phần cuối cần sôi nổi dần lên thể hiện nỗi vui sướng của Lenin khi được bà cô tha lỗi và khen: «Cháu là một em bé ngoan».

B — Học sinh kể:

Đoạn 1:

- Lenin và các bạn chơi ú tim ở đâu?
- Đang chơi vui, xảy ra việc gì đáng tiếc?
- Các em nhỏ trả lời bà cô ra sao?

Đoạn 2:

- Sau đó thái độ của Lenin thế nào?
- Lenin đã nhận lỗi bằng cách nào?

Kết quả ra sao?

C — Tổng kết:

Tuy còn ít tuổi, Lenin đã biết ăn hận, đau khổ khi trót giấu giếm không dám nhận lỗi. Nhưng sau đó Lenin đã thật thà nhận lỗi với mẹ và với cô và được cả cô và mẹ đều khen. Như vậy Lenin là một em bé ngoan.

14. EM BÉ THÔNG MINH

1. Ngày xưa, có một ông vua sai ban cho làng nọ ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực, ra lệnh phải nuôi làm sao cho ba con trâu ấy đẻ thành sáu trâu con, hẹn hai năm sau phải nộp đủ, nếu không thì cả làng chịu tội.

Dân làng nhận được lệnh vua, ai cũng sợ hãi lo lắng. Việc đó đến tai một em bé. Em liền báo cha:

— Chả mấy khi được lộc vua ban, bố cứ thừa với làng giết hai con trâu, đồ xôi hai thúng gạo nếp ăn. Còn một trâu và một thúng gạo nếp, bố con ta xin làng làm tiền phí tổn đi lên kinh đô lo liệu việc ấy.

Bố nghe nói vậy thì bảo:

- Con đừng có dại mà mất đầu đấy con ạ!
- Cha cứ mặc con lo liệu thế nào cũng xong mọi việc.

Người cha vội vàng ra trình cho làng biết. Cả làng không ai tin, bèn bắt người cha phải làm giấy cam đoan.

2. Hôm sau, hai cha con khăn gói lên đường. Đến kinh đô, con bảo cha đứng đợi ở ngoài, còn mình thì nhè lúc mấy anh lính canh vô ý, chạy thẳng vào trong cung kêu khóc om sòm. Vua hỏi:

- Thằng bé kia có việc gì? Sao lại đến đây mà khóc?
- Tâu đức vua — em bé vợ vĩnh đáp — mẹ con chết sớm mà cha con không chịu để em bé cho con bé...

Vua bật cười phán:

— Bớ mày là đàn ông làm sao để được em!

Em bé bỗng tươi tỉnh đáp:

— Thế sao làng chúng con lại có lệnh trên bắt nuôi ba con trâu đực cho nó đẻ thành sáu nghé con để nộp đức vua?

Vua cười bảo:

— Ta thử thách thôi mà!

3. Vua cho em bé là thông minh, nhưng muốn thử lần nữa.

Hôm sau, khi hai cha con đang ăn cơm, bỗng nhà vua cho mang một con chim sẻ đến và ra lệnh bắt dọn thành ba cỗ thức ăn. Em bé bảo cha lấy cho mình một cái kim khâu rồi đưa cho sứ giả bảo:

— Ông cầm cái này về tâu đức vua xin rèn cho tôi thành một con dao thật sắc để xẻ thịt con chim.

Vua nghe nói, phục tài em bé lắm.

Theo Nguyễn Đồng Chi
(Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam)

HƯỚNG DẪN

I – Tìm hiểu chuyện.

Đây là một truyện cổ tích Việt Nam.

Câu chuyện ca ngợi tài ứng biến và trí thông minh của một em bé con nhà thường dân trước uy quyền của vua chúa xưa kia.

II – Hướng dẫn lên lớp.

A – Giáo viên kể:

Giọng kể cần linh hoạt, luôn luôn thay đổi theo từng đoạn, thể hiện rõ tâm lý và cách nói năng của từng nhân vật:

— Dân làng và ông bố: sợ hãi, lo lắng.

— Em bé: bình tĩnh, chủ động, đối đáp tự nhiên.

— Vua: lúng túng, bị động trước tài ứng phó của em bé.

B – Học sinh kể:

Đoạn 1: Em bé bày cách cho dân làng chống lại lệnh vua như thế nào?

Đoạn 2: Em bé vào trong cung đấu trí với nhà vua ra sao?

Đoạn 3: Nhà vua thử tài em bé bằng cách nào? Kết quả ra sao?

Cho một vài học sinh khá kể lại cả câu chuyện.

C – Tổng kết:

Câu chuyện kể lại việc một em bé con nhà thường dân đã dùng mưu trí thông minh giúp dân làng chống lại những cái lệnh hết sức vô lý của một ông vua. Kết quả là: mưu trí của vua cũng phải thua tài trí của một em nhỏ.

15. VĂN HAY NHỮNG CHỮ PHẢI ĐẸP

Xưa kia, ở huyện Gia Lâm ngoại thành Hà Nội, có ông Cao Bá Quát. Ông là người nổi tiếng « Văn hay chữ tốt ».

Không phải từ khi mới đi học chữ Cao Bá Quát đã đẹp ngay. Trái lại chữ của ông rất xấu, « xấu như gà bới ». Chữ đã xấu, nhưng ông lại hay viết ngoáy, vì vậy về sau chính đoạn văn ông viết ra, ông cũng không đọc được nữa. Có nhiều bài văn của ông rất hay nhưng

vẫn bị điềm kềm. Thầy dạy đã nhiều lần khuyên nhưng ông vẫn chưa sửa được. Một hôm, có bà cụ hàng xóm sang khăn khoản nói với Cao Bá Quát:

— Chẳng dám giấu gì thầy, gia đình già có một việc oan uổng, muốn kêu quan, nhờ thầy viết giúp cho lá đơn...

Cao Bá Quát vui vẻ trả lời:

— Ngờ việc gì, chứ viết lá đơn đưa lên cửa công, tôi xin sẵn lòng ngay.

Lời lẽ trong đơn rõ ràng, Cao Bá Quát yên trí quan sẽ xét oan cho bà cụ. Nào ngờ chữ ông xấu quá, quan đọc không ra nên thét lính đuổi bà cụ ra khỏi huyện đường. Về nhà, bà cụ kể lại, Cao Bá Quát rất buồn và ân hận. Ông thấy rằng dù văn hay đến đâu mà chữ xấu không ai đọc được thì cũng chẳng ích gì. Từ đấy ông ra sức luyện cách viết chữ cho đẹp.

2. Sáng sảng, ngay khi ngủ dậy, ông cầm chiếc que vạch, thẳng lên cột một nét từ trên xuống dưới để luyện nét « sỏ thẳng » cho thật cứng cáp. Mỗi một buổi tối, ông cũng có thói quen viết xong mười trang vở mới chịu đi ngủ. Chữ viết đã tiến bộ, ông còn mượn những cuốn sách viết chữ đẹp về làm mẫu để tập viết nhiều kiểu chữ khác nhau.

Kiên nhẫn luyện tập như thế hàng mấy năm liền, nên dần dần chữ ông đẹp lên và ông trở thành người có tài viết đủ các kiểu chữ, kiểu chữ nào cũng đẹp đẽ, rõ ràng.

Thế là do quyết tâm rèn luyện nên Cao Bá Quát đã nổi danh khắp cả nước là một người « Văn hay chữ đẹp ».

Phỏng theo Trang sách và Cuộc đời

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện:

a) Giải nghĩa từ khó:

Cửa công: nơi quan lại phong kiến xét xử mọi việc.

Huyện đường: nơi làm việc hằng ngày của quan huyện.

Khăn khoản: nói một cách thiết tha, cố nài ai giúp mình một việc gì.

b) Ý nghĩa:

Đây là loại chuyện kể về danh nhân. Cao Bá Quát khi còn ít tuổi chữ rất xấu. Nhưng do quyết tâm tập luyện nên chữ viết ngày một tiến bộ, sau nổi tiếng là người văn hay chữ đẹp.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Cao Bá Quát viết chữ rất xấu. Đoạn này cần kể thông thả, rõ ràng. Khi kể đến đoạn đối thoại cần thể hiện được giọng bà cụ nói khăn khoản:

— Chẳng dám giấu gì thầy...

Còn giọng của Cao Bá Quát thì vui vẻ, sôi sảng:

— Ngờ việc gì,...

Chú ý nhấn mạnh các chi tiết: « Chữ ông xấu quá, quan đọc không ra... thét lính đuổi bà cụ ra khỏi huyện đường... Cao Bá Quát rất buồn và ân hận... »

2. Đoạn 2: Cao Bá Quát quyết tâm luyện chữ cho đẹp.

Đoạn này cần kể với giọng phấn khởi, tin tưởng, thể hiện rõ quyết tâm của Cao Bá Quát.

B — Học sinh kể:

Đoạn 1: Cao Bá Quát là người ở đâu?

— Thưa bé Cao Bá Quát viết chữ xấu như thế nào?

— Chữ xấu có hại cho ông như thế nào? Cho bà cụ hàng xóm ra sao?

Đoạn 2: Cao Bá Quát đã luyện chữ như thế nào?

— Kết quả luyện chữ ra sao?

C — Tổng kết:

Văn hay nhưng chữ phải rõ ràng và đẹp để thì người khác mới đọc và hiểu được. Ngày nay, các em còn nhỏ bắt đầu tập đọc và tập viết. Các em cần kiên nhẫn rèn luyện chữ viết cho rõ ràng, đúng nét đúng chữ, thì học hành mới chóng tiến bộ và có ích lợi cho bản thân mình cũng như cho người khác.

16. TRÂU ĐOÀN KẾT GIẾT HỒ

1. Đàn trâu đang ăn cỏ bên cánh rừng, bỗng thấy một con ngựa cắm cổ chạy đến, trông nó có vẻ sợ hãi lắm. Con trâu đầu đàn đang ăn cỏ ngẩng đầu lên hỏi:

— Chú Ngựa ơi, có việc gì thế?

Con ngựa vừa thở vừa trả lời:

— Nguy quá, nguy quá... Hồ ăn thịt mất chú Dê rồi. Các bạn chạy đi, không thì chết cả đấy!

Nói xong, Ngựa lại co cẳng định chạy. Trâu đầu đàn ngăn lại:

— Đừng chạy nữa, ở lại đây ăn cỏ với chúng tôi. Chúng ta đông như thế này, việc gì mà sợ!

Chú Trâu sứt cũng hăng hái nói:

— Nó mà đến, em sẽ húc cho nó lòi ruột để báo thù cho chú Dê!

Chạy một mình cũng sợ, Ngựa đành ở lại để cùng về với các bạn cho đỡ sợ.

2. Chẳng mấy chốc, mặt trời đã lặn sau núi. Đàn trâu ngừng ăn, rủ nhau ra về. Bỗng nhiên con trâu đầu đàn đang đi dừng lại, nghếch mõm lên đánh hơi và kêu:

— Nghe ọ! Nghe ọ! Anh em ơi, Hồ!

Trâu đầu đàn vừa kêu xong, các con nghe còn vội lẫn vào giữa những trâu lớn đứng thành vòng ở ngoài, sừng chĩa ra, mắt đỏ ngầu, đợi Hồ đến là đánh. Ngựa thấy đàn trâu hăng quá cũng mạnh dạn đứng vào vòng.

«Soạt!» Một con hồ xám rất to ở trong bụi rậm nhảy vọt ra định vồ Ngựa. Nhanh như cắt, Trâu đầu đàn xông lên húc trúng Hồ làm nó bật lại đằng sau mấy bước. Bị đánh bất ngờ, tức sùi bọt mép, Hồ nhảy xỏ lại giò chân định tát Trâu đầu đàn.

— «Nghe ọ! Nghe ọ! Xung phong! Xung phong!».

Đàn trâu ồ ạt xông lên. Chúng vây chặt lấy Hồ và húc túi bụi, con húc vào đầu, con húc vào sườn, vào bụng, làm Hồ tối tăm mặt mũi, chẳng biết đằng nào mà đỡ. Nó đang luống cuống thì bị Ngựa đá đánh bốp một cái vào giữa mặt làm nó choáng váng. Thấy yếu thế, Hồ quay mình định chạy. Trâu sứt liền lao mình tới, lấy sừng ghim nó xuống đất. Hăng tiết, Hồ chồm lên và gầm lên một tiếng dữ dội:

— Ra... oa... oa!

Trong lúc cuống cuồng, nó bị Trâu đầu đàn húc trúng tim. Nó ngã bở ngửa ra đất, một lúc sau thì chết.

Đàn trâu thắng trận vui vẻ lên đường về. Ngựa chạy trước hí vang báo tin cho xóm làng: Hồ xám đã bị húc chết.

Nguyễn văn Triệu kể

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

— Nhanh như cắt: rất nhanh (như chim cắt chớp mắt).

– *Ồ ạt*: ý nói cả đám đông cùng xông lên mạnh mẽ.

b) Ý nghĩa:

Hồ là giống vật hung ác thường ăn thịt các loài vật khác như trâu, bò, dê, ngựa... Đặc biệt ngựa rất sợ hồ. Nhưng do tinh thần đoàn kết cùng đánh hồ—trâu, ngựa đã thắng được hồ.

Câu chuyện ngụ ngôn này có tác dụng giáo dục tinh thần đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Trâu rủ Ngựa nhập bọn để cùng chống lại Hồ. Kể đoạn này cần chú ý phân biệt giọng nói của các nhân vật: Giọng hồn hồn sợ hãi của Ngựa:

– Nguy quá, nguy quá... chết cả đấy!

Giọng điềm tĩnh tự tin của Trâu đầu đàn:

– Đừng chạy nữa... việc gì mà sợ!

Giọng căm giận và hăng hái của Trâu sứt:

– Nó mà đến... húc cho lòi ruột...

2. Đoạn 2: Trâu và Ngựa đoàn kết diệt được Hồ.

Kể rõ ràng, rành mạch, thể hiện được tư thế chủ động của đàn trâu tìm cách chống lại Hồ. Còn tư thế của Hồ thì hung hăng lúc đầu, sau đó lúng túng, bị động và đi tới tuyệt vọng.

B — Học sinh kể:

Đoạn 1: Đàn trâu đã rủ Ngựa nhập bọn để chống lại Hồ như thế nào?

Đoạn 2: Gặp Hồ, đàn trâu đã bố trí hàng ngũ ra sao?

– Khi Hồ xông vào, Trâu và Ngựa đã đánh lại Hồ như thế nào?

– Kết quả của tinh thần đoàn kết chiến đấu giữa Trâu và Ngựa?

C — Tổng kết:

Do tinh thần đoàn kết của đàn trâu dũng cảm, Ngựa đã nhập bọn với Trâu để đánh lại Hồ và giết chết được Hồ. Do đó, ta thấy dù kẻ thù lớn mạnh và hung ác đến đâu, nhưng nếu đoàn kết nhau lại, dám đánh và biết cách đánh, nhất định kẻ thù sẽ bị đánh bại.

17. TIẾNG TRỐNG MÊ LINH

1. Trưng Trắc và Trưng Nhị là hai chị em đứng đầu đất Mê Linh. Đã từ lâu, Mê Linh rộn rã tiếng trống. Đó là những chiếc trống lớn đúc toàn bằng đồng, rực rỡ sắc vàng, rền vang những âm thanh hùng tráng. Đó cũng là vật quý có từ thời các vua Hùng bắt đầu dựng nước.

Bỗng giặc Hán tràn sang xâm lược nước ta. Đám quân mạnh nhất của chúng đóng ngay trên đất Mê Linh. Giáo sắt, gươm thép của giặc tua tủa khắp nơi. Tướng giặc tên là Tô Định, rất tham lam, tàn bạo. Quân lính của nó cầm gươm giáo lăm lăm trong tay để vơ vét sản vật của đất Mê Linh, lừa ép dân Mê Linh vào rừng săn tê giác, đào núi tìm mỏ quý, khiến bao người chết mất xác. Thế là trên đất Mê Linh tắt lịm tiếng trống đồng.

2. Trưng Trắc đau lòng trước cảnh đất nước bị giày xéo, muôn dân bị lầm than. Bà bàn với chồng là Thi Sách mưu việc khởi nghĩa, đuổi giặc ra khỏi đất nước. Trưng Nhị cũng hăm hở cùng chị ngày đêm lo việc luyện rèn dân binh. Trống đồng Mê Linh sắp sửa rung lên những hiệu lệnh ra quân.

Giữa lúc ấy tướng giặc Tô Định đồng tai nghe ngóng tình hình. Nó rắp tâm dập tắt cuộc nổi dậy ngay từ khi mới nhen nhóm. Lập tức nó cho người mời Thi Sách đến rồi trở mặt thét quân lính bắt trói ông về tội chống lại chúng. Nó ra lệnh chém đầu ngay để đe dọa những người khác.

Không ngờ vừa nghe tin dữ, lòng người trên khắp nước Việt bùng bùng căm giận. Hai chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị lại đã từ lâu nung nấu hận thù, quyết định ra lệnh khởi nghĩa. Trống đồng gầm lên như sấm. Những tiếng trống ầm ầm giục giã mọi người cầm vũ khí đứng lên giết giặc.

Dân Mê Linh và cả nước ùn ùn kéo theo hai chị em Bà Trưng. Giáo đồng, riu đồng vung lên sáng lóa. Giặc Hán cuống cuống tháo chạy khắp nơi. Tướng giặc Tô Định vô cùng hoảng sợ phải cắt râu thay áo giả làm người dân thường để lẩn trốn. Tiếng trống đồng vang vang đuổi theo bọn giặc. Chẳng mấy chốc, đất nước sạch bóng quân thù. Thế là hai Bà Trưng đã giành lại non sông, trả xong thù nhà. Quê hương xanh tươi trở lại. Tiếng trống đồng lại đồng dục rền vang trên đất Mê Linh và trên khắp non sông hùng vĩ của nước Việt ta.

An Ly kể

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện:

a) Giải nghĩa từ khó:

Mê Linh: nay thuộc ngoại thành, phía bắc thủ đô Hà nội, xưa kia là kinh đô của nước Việt (thời Hai Bà Trưng).

Hùng tráng: mạnh mẽ và oai nghiêm.

Nhen nhóm: bắt đầu nảy sinh ra.

b) Ý nghĩa:

Dưới hiệu lệnh của tiếng trống Mê Linh rền rền vang, nhân dân Mê Linh cùng với nhân dân cả nước ta đã đoàn kết vùng lên khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của hai Bà Trưng chống bọn xâm lược và thống trị nhà Hán để giải phóng đất nước.

«Tiếng trống Mê Linh» chính là biểu hiện truyền thống bất khuất của nhân dân ta đã đoàn kết, anh dũng chiến đấu để bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc.

II — Hướng dẫn lên lớp:

A — Chuẩn bị:

Tranh minh họa: hình vẽ người thanh niên trai tráng đất Mê Linh đánh trống đồng, xa xa là hình ảnh hai Bà Trưng đang cưỡi voi cùng nhân dân đuổi giặc Hán.

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Giặc Hán lần bạo đã chà đạp lên cuộc sống của nhân dân ta, làm tắt lịm tiếng trống Mê Linh rền rã.

— Đoạn giới thiệu trống đồng Mê Linh cần được kể với giọng mạnh mẽ, phấn chấn.

— Đoạn vạch tội ác của phong kiến Trung Quốc cần được kể với giọng sục sôi căm giận.

2. Đoạn 2 Trong tiếng trống Mê Linh rền vang như sấm nổ, hai Bà Trưng đã lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành lại độc lập cho Tổ quốc. Mở đầu đoạn này, giọng kể cần thể hiện được nỗi đau xót và căm thù của Trưng Trắc trước mối nợ nước thù nhà. Tiếp đến hình ảnh hai Bà Trưng lãnh đạo nhân dân anh dũng chiến đấu giải phóng đất nước cần được kể với giọng

hùng tráng, có sức lôi cuốn như tiếng trống đồng rộn rã thôi thúc.

Đoạn cuối chuyện lại trở lại giọng kể phần khởi, thanh thoát như tiếng trống đồng ngân vang trên quê hương sạch bóng quân thù.

C — Học sinh kể:

Cho học sinh tập kể dựa theo những câu hỏi sau:

Đoạn 1: Đất Mê Linh có trống quý như thế nào?

— Giặc Hán đã gây tội ác đối với nhân dân ta ra sao?

Đoạn 2: — Hai Bà Trưng đã chuẩn bị khởi nghĩa như thế nào?

— Đề đốc phò, giặc đã gây thêm tội ác gì?

— Cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng đã bùng nổ và thắng lợi ra sao?

D — Tổng kết:

Cầm thù giặc Hán tàn bạo, hai Bà Trưng đã cùng nhân dân khởi nghĩa đuổi giặc ra khỏi nước, giành lại độc lập cho Tổ quốc, làm cho tiếng trống đồng Mê Linh lại ngân vang hùng tráng trên quê hương sạch bóng quân thù.

18. ĐÁ VỤNG VỀ CÒN THÍCH KHOE KHOANG

1. Ngày xưa, có một anh chàng đi săn, bắn rất tồi, nhưng tính lại hay khoe khoang.

Một hôm anh chàng vác súng ra đi từ tảng sáng. Vào rừng anh thấy rất nhiều giống vật. Đàn gà rừng gáy te te trên ngọn cây. Đàn chim gáy gù bên bờ suối. Anh nghĩ bụng: « Chưa cần bắn vội, những con ấy nhỏ quá

không được bao nhiêu thịt ». Chợt anh thấy một con dê rừng đang ăn trên sườn đồi. Anh rón rén lại gần, giơ súng bắn nhưng không trúng. Con dê chạy mất. Anh tiếc quá lại đi tiếp. Chợt thấy một đàn khỉ đang nhẩy nhót trên một cây cổ thụ. Anh chắc thế nào cũng bắn được một con để về lấy xương nấu cao. Nhưng khi nổ súng, một cành cây gãy, rơi xuống suýt nữa va vào đầu anh, còn đàn khỉ thì chạy mất. Anh tức quá. Đã tới trưa, bụng đã đói, mồ hôi vã ra mà chả bắn được con nào. Bao nhiêu chim chóc nghe tiếng súng đều bay đi hết. Đàn công vẫn kêu vang bên phía rừng xa xa « Xấu hổ! Xấu hổ! » như chọc tức anh.

2. Chợt có một người đi chợ phiên về. Người ấy mua được bốn con thỏ. Anh chàng nghĩ bụng: « Chả lẽ lại vác súng không mà về, người ta cười chết! » Thế là anh nản nì mua lại cho được một con thỏ, bỏ vào túi dết cho căng.

Đi đường anh chợt nghĩ: « Con thỏ này không bị thương thì mọi người chẳng tin là mình bắn được ». Anh bắn khoản một lúc rồi quyết định bắn cho con thỏ bị thương. Anh lấy dây cột con thỏ vào một gốc cây, và đứng xa vài mét để bóp cò. Đoàng! Con thỏ nhẩy vọt lên và chạy mất. Thì ra anh đã bắn đứt mất sợi dây.

Trịnh Mạnh kê
(theo truyện vui dân gian)

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

— *Vụng về*: làm tồi, không có khả năng làm tốt.

— *Khoe khoang*: thích nói ra cái tài, cái giỏi của mình cho người khác biết.

— *Năn nỉ*: Đòi hoặc xin một cách tha thiết.

b) Ý nghĩa:

Đây là một *truyện vui dân gian* có ý nghĩa chế giễu, phê phán những người đã vụng về lại hay khoe khoang. Truyện có tác dụng giáo dục các em đức tính khiêm tốn, thật thà trong học tập cũng như trong sinh hoạt hằng ngày.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Anh chàng đi săn bắn rất vụng. Cần kể đoạn này với giọng vui có vẻ chế giễu, nhấn mạnh các chi tiết sau để khắc họa tính cách của anh chàng đi săn: ra đi từ tảng sáng, chưa cần bắn vội, không được bao nhiêu thịt, rón rén lại gần, con dê chạy mất một cành cây gãy, suýt nữa va vào đầu anh, đàn khi thì chạy mất, bụng đã đói, mồ hôi vã ra, đều bay đi hết, « Xấu hổ! Xấu hổ! »....

2. Đoạn 2: Anh chàng đi săn thích khoe khoang nhưng vụng vẫn hoàn vụng. Giọng kể ở đoạn này cần linh hoạt, khi cao khi thấp, thể hiện rõ *tính kịch* hấp dẫn của câu chuyện. Chú ý hạ thấp giọng khi nhắc lại những suy nghĩ tính toán về sĩ diện cá nhân của anh chàng đi săn. Câu cuối thể hiện *đỉnh cao* của tính kịch cần được kể với giọng hoạt bát, dí dỏm: « Đoàng! Con thỏ nhảy vọt lên và chạy mất. Thì ra anh đã bắn đứt mất sợi dây! ».

B — Học sinh kể:

1. Kể lại đoạn anh chàng đi săn vụng về, chẳng bắn được gì cả.

2. Kể lại đoạn anh chàng đi săn đã vụng lại thích khoe khoang, nhưng vụng vẫn hoàn vụng.

3. Kể lại cả câu chuyện cho các bạn nghe.

C — Tổng kết:

Chúng ta không nên như anh chàng đi săn, đã vụng về, kém cỏi lại thích khoe khoang nên không thật thà, nhưng kém vẫn hoàn kém, vụng vẫn hoàn vụng.

Các em còn nhỏ tuổi lại càng cần phải luôn luôn khiêm tốn, thật thà, chịu khó học hỏi như lời Bác Hồ dạy mới chóng tiến bộ và thật sự trở thành con người có tài năng được.

19. QUẢ TÁO

1. Trời về cuối thu. Từ lâu cây đã rụng lá. Cây táo giữa rừng chỉ còn mỗi một quả.

Vào một buổi sáng, chú Thỏ chạy chơi, chợt trông thấy quả táo treo lơ lửng trên cành.

Nhưng làm sao hái được? Táo ở tít trên cành cao Thỏ nhảy mãi không tới được.

Vừa lúc ấy, một chú Quạ đang đậu trên cây thông gần đấy kêu lên mấy tiếng: « Quạ... quạ... quạ... »,

Thỏ nhìn lên gọi Quạ:

— Anh Quạ ơi! Hái hộ tôi quả táo!

Quạ rời cành thông, bay sang cây táo và vặt quả. Nhưng mỏ Quạ không giữ nổi quả táo. Quả táo rơi xuống trúng vào Nhím đang ngủ dưới gốc cây và cắm ngay vào lông Nhím,

Nhím ù té chạy.

Thỏ vội kêu lên:

— Anh Nhím! Đứng lại! Đứng lại! Anh mang táo của tớ đi đâu thế?

Nhím dừng lại cãi:

— Táo của tôi chứ! Quả táo rụng, tôi bắt được kia mà.

Liền lúc đó, Quạ cũng bay đến bảo:

— Cãi nhau làm gì? Quả táo của tôi. Chính tôi hái kia mà!

Cả ba cứ tranh nhau quả táo. Chẳng ai chịu ai.

2. Vừa lúc đó, Gấu đi tới. Giọng bác ồm ồm:

— Có chuyện gì mà làm ầm ĩ lên thế?

Cả ba cùng tranh nhau kể đầu đuôi câu chuyện và nhờ bác Gấu phân xử hộ.

Bác Gấu suy nghĩ một lát rồi hỏi:

— Ai trông thấy táo?

— Cháu, cháu thấy! — Thỏ nhanh nhẩu đáp.

— Ai hái táo?

— Cháu, cháu hái ạ! — Quạ vội kêu lên.

— Được rồi? Thế ai bắt được táo?

— Cháu, chính cháu bắt được! — Nhím nói.

Bác Gấu gật gật đầu, phân xử:

— Cả ba đều đúng. Cả ba đều có công. Vậy thì cháu nào cũng được ăn táo.

— Nhưng chỉ có một quả thôi kia mà, vậy ai ăn, ai dùng? — Nhím, Thỏ, Quạ đều nói.

— Có gì khó đâu! — Bác Gấu nói — Bỏ quả táo ra làm nhiều phần bằng nhau, mỗi cháu lấy một phần

Tất cả đều thốt lên:

— A, ra thế! Vậy mà trước đây bọn cháu không nghĩ ra được!

3. Nhím nhanh nhẩu đem quả táo bỏ ra làm tư.

Nhím đưa một miếng cho Thỏ:

— Này, phần cậu. Cậu trông thấy táo trước tiên.

Miếng thứ hai Nhím đưa cho Quạ:

— Đây, phần cậu. Công cậu hái táo.

Miếng thứ ba Nhím giữ cho mình:

— Phần này của Nhím vì Nhím nhặt được.

Còn miếng thứ tư, Nhím đưa bác Gấu:

— Còn phần này dành để biếu bác.

— Bác có công gì đâu? — Gấu ngạc nhiên hỏi.

Quạ nhanh nhẩu đáp:

— Bác phân xử công bằng và còn làm cho chúng cháu sáng dạ ra nữa.

Thế là cả bốn đều vui vẻ ăn phần táo của mình.

Theo truyện « Quả táo »
của V. Suteev (V. Xutép) (Liên xô)

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

— *Phân xử*: giải quyết một việc tranh giành cãi cọ nhau.

— *Công bằng*: đối xử với mọi người ai cũng như ai, không thiên lệch về ai.

b) Ý nghĩa:

Thỏ, Quạ, Nhím tranh nhau một quả táo. Không ai chịu nhường ai. Sau nhờ bác Gấu phân xử công bằng nên mọi con vật mới vui vẻ, hòa thuận với nhau.

Qua câu chuyện giáo dục học sinh tinh thần đoàn kết, nhường nhịn và cách đối xử công bằng, hòa thuận với nhau.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

Tranh vẽ: Bốn con Nhím — Quạ — Thỏ và Gấu đang vui vẻ chia nhau quả táo. Quạ đang cắn trong mồm 1/4 quả táo — Thỏ đang cầm 1/4 quả, còn Nhím đang một tay đưa 1/4 quả táo cho bác Gấu, một tay giữ 1/4 quả táo cho mình.

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Thỏ, Quạ, Nhím đang tranh nhau quả táo. Khi kể cố gắng phân biệt được giọng của ba con vật. Cả ba con đều đòi quả táo cho mình.

2. Đoạn 2: Gấu đã phân xử công bằng hợp lý.

Khi kể cần phân biệt giọng bác Gấu ồm ồm nhưng rõ ràng, rành mạch đầu ra đuôi.

3. Đoạn 3: Nhím chia phần cho mọi người kể cả bác Gấu.

Đoạn này kể với giọng phấn khởi, tươi tắn thể hiện không khí vui vẻ, hòa thuận giữa bốn con vật với nhau.

C — Học sinh kể:

Đoạn 1: — Câu chuyện thoát đầu xảy ra như thế nào?

— Thỏ trông thấy quả táo đã làm gì?

— Vì sao Thỏ — Quạ — Nhím lại cãi nhau?

Đoạn 2: — Thấy vậy, Bác Gấu đã phân xử ra sao?

Đoạn 3: Nhím đã chia phần táo cho mọi người như thế nào?

D — Tổng kết:

Bạn bè chơi với nhau cần nhường nhịn, đoàn kết và đối xử công bằng, hòa thuận với nhau.

20. THẦN SẮT

1. Xưa có anh nông dân sống một mình ở ven rừng. Anh làm ăn rất vất vả. Anh chặt củi, đẽo cây bằng dao đá, đào hố tra bấp bằng đầu gậy. Anh khổ quá nên người đen đui, xấu xí.

Một đêm anh nằm mơ thấy Bụt hiện lên bảo:

— Ngày mai con ra cửa, thấy ba người cưỡi ba con ngựa xin vào ngủ trọ thì chọn lấy một người mà con ưng ý và mời vào, con đừng lo chuyện nhà chật chội.

2. Quả nhiên, chiều hôm sau, anh thấy một người cưỡi ngựa đi qua. Người đó mặc áo quần trắng tinh, con ngựa cũng trắng. Hơi bạc ở người đó tỏa ra lạnh toát. Người đó đứng trước lều hoành hộc:

— Nhà người có chỗ thì cho ta trọ. Hãy thu xếp chóng đi!

Anh ngược nhìn khách và trả lời:

— Lều rách của tôi không có chỗ xứng đáng để tiếp khách. Vậy xin mời ông đi nơi khác.

Lát sau anh lại thấy một người toàn thân giắt vàng chói lọi, cưỡi một con ngựa vàng, dáng bệ vệ. Hơi vàng ở người đó cũng tỏa ra lạnh buốt. Anh nông dân sợ quá, từ chối không cho vào.

Đến lúc trăng gần lên, anh thấy một người toàn thân đen đũi, xấu xí nhưng khỏe mạnh, cưỡi con ngựa cũng đen, đến xin trợ. Người này trông cũng hiền lành như anh. Anh nông dân tự dưng thấy vui trong lòng bèn đồng ý cho trợ.

3. Nhưng lạ quá, sáng hôm sau ngủ dậy, anh không thấy người đó và con ngựa đâu cả. Ở chỗ ngủ chỉ thấy có một cục gì đen xì và cứng.

Anh liền đem cục ấy ra rèn cày, cuốc và dao để đồn rừn, khai phá ruộng nương. Từ đó đời sống của anh khá dần, anh hết khổ và sống cuộc đời ngày càng no ấm đầy đủ. Thân hình anh trở nên vạm vỡ, da dẻ hồng hào. Sau này anh mới biết người khách mà anh bằng lòng cho ngủ trọ đó chính là Thần Sắt.

(Truyện cổ dân tộc Thái)

thuongmaitrucvua.vn

HƯỚNG DẪN

I – Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

Ung ý: vừa ý, đúng ý muốn của mình.

Hoạch hơ: lên mặt bắt bẻ, đòi hỏi điều này, điều khác.

b) Ý nghĩa:

Đây là truyện cổ tích của dân tộc Thái phản ánh mơ ước của người nông dân thời xưa về những công cụ sản xuất bằng sắt giúp họ sản xuất được nhanh hơn, nhiều hơn, đỡ vất vả hơn, làm cho đời sống của họ ngày một no ấm, đầy đủ hơn.

II – Hướng dẫn lên lớp.

A – Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Anh nông dân nằm mơ thấy Bụt. Giọng kể ở đoạn này cần thể hiện niềm thông cảm với nỗi khó khăn, vất vả của anh nông dân khi chưa có công cụ sản xuất bằng sắt.

2. Đoạn 2: Anh nông dân gặp ba vị thần. Hình ảnh cả ba vị thần đến nhà anh nông dân là do trí tưởng tượng của người xưa sáng tạo ra nhằm phản ánh tâm lí người nông dân coi trọng sắt hơn vàng bạc, vì sắt dùng để làm ra được cày cuốc giúp họ sản xuất được nhanh hơn, đỡ vất vả hơn.

Vì vậy, khi kể đoạn này, giáo viên cần phân biệt thái độ và giọng nói của ba vị thần và của anh nông dân đối với từng vị thần đó, đặc biệt là đối với Thần Sắt.

3. Đoạn 3: Nhờ Thần Sắt giúp đỡ, anh nông dân có cày bừa bằng sắt để cày cấy.

Giọng kể ở đoạn này cần thể hiện được niềm phấn khởi, thông cảm với niềm vui của anh nông dân sau khi đã được Thần Sắt giúp đỡ.

B – Học sinh kể:

Đoạn 1: Anh nông dân sống ở đâu? Anh làm ăn như thế nào?

– Bụt hiện lên bảo anh điều gì?

Đoạn 2: Kể lại đoạn các vị thần đến nhà anh nông dân xin ngủ trọ: thái độ của anh đối với từng vị thần ra sao?

Đoạn 3:

– Sáng hôm sau ngủ dậy anh nông dân thấy gì?

– Sau đó anh đã làm gì và kết quả ra sao?

C — Tổng kết :

Đối với người nông dân lao động, sắt còn quý hơn vàng, bạc, vì sắt có thể làm ra được dao, cuốc, cày, bừa,... để sản xuất ra lúa gạo nuôi sống con người, làm cho đời sống con người được ấm no, hạnh phúc, mặc dù sắt trông đen dũi, xấu xí hơn vàng, bạc.

21. ÔNG TRẠNG THẢ ĐIỀU

1. Ngày xưa, có một gia đình nghèo sinh ra một chú bé tên là Nguyễn Hiền.

Từ bé, chú đã biết tự dán lấy điều để chơi. Chú bé thích chơi điều đến nỗi người làng bảo chú là sinh ra với cánh điều.

Năm lên sáu tuổi, chú được bố mẹ cho theo học một ông thầy ở trong làng.

Chú có một trí nhớ khác thường. Nghe giảng bài đến đâu, chú nhớ và thuộc ngay đến đấy. Một hôm, thầy kinh ngạc thấy chú học thuộc mỗi ngày những hai mươi trang sách mà chú vẫn có thì giờ thả điều.

2. Được ít lâu, gia đình quá túng thiếu, chú đành phải thôi học, ở nhà giúp đỡ bố mẹ.

Từ đó, ngày nào chú cũng dậy sớm, làm hết công việc trong nhà rồi tranh thủ đi cắt cỏ cho trâu ăn no, để kịp giờ đến lớp học ở trường làng nghe nhờ. Cũng từ đó bất cứ trời mưa nắng thế nào, thầy giáo cũng thấy một chú bé chăn trâu đứng ngoài cửa lớp chăm chú nghe giảng sách.

Ban ngày thì thế, tối đến dọn dẹp xong việc nhà, chú tìm đến nhà bạn, đợi bạn học thuộc bài rồi mượn

sách để học. Những đêm không trăng, người ta thấy chú bé cầm đèn lồng soi từng dòng chữ. Đèn của chú tự làm lấy bằng chiếc vỏ trứng gà và mấy con đom đóm.

Ngoài cuốn vở học bằng mảnh lá chuối phơi khô, chú còn rất nhiều vở tập viết khác. Lúc là lưng trâu, lúc là nền tro, nền cát san bằng. Bút chú cũng chỉ là ngón tay, chiếc que hay mảnh gạch vỡ...

Mỗi lần có kì thi ở trường chú cũng làm bài và nhờ bạn nộp xin thầy chấm. Bài của chú viết trên lá chuối khô, xem xong thầy rất sửng sốt thấy chữ chú viết đã đẹp, văn chú lại hay quá, vượt xa tất cả những học trò của thầy.

Bạn làm bạn học như thế, nhưng trên bầu trời quê hương chú luôn có cánh điều của chú thả. Chú tìm nhựa cây, nhựa sung phết cánh điều rất khéo, luộc tre nối dây rất chắc, cho nên chiếc điều của chú vừa to, vừa bay cao. Đặc biệt chú khoét sáo rất khéo nên tiếng sáo điều của chú vừa trong trẻo vừa véo von trầm bổng.

3. Tiếng tăm chú bé học giỏi đã được đồn đại ngày một xa. Tuy thế mọi người vẫn rất ngạc nhiên khi được tin trong một khoa thi hội ấy chú được đỗ Trạng nguyên.

Năm đó, ông Trạng Nguyễn Hiền — chú bé nổi tiếng ham học và mê thả điều của chúng ta, mới vừa mười ba tuổi!

Trịnh Đường kể

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện

a) Giải nghĩa từ khó:

— *Trạng*: (Trạng nguyên) người đỗ đầu khoa thi cao nhất tổ chức ở sân châu nhà vua dưới chế độ phong kiến.

— *Kính ngạc*: Thấy rất lạ, đến mức không tưởng tượng được.

Đồn đại: ý nói được lan truyền rộng rãi, khắp mọi nơi đều biết.

b) *Ý nghĩa*:

Đây là chuyện kể về danh nhân của nước ta: Ông Trạng Hiền học rất giỏi, chơi cũng rất giỏi, mới mười ba tuổi đã đỗ Trạng nguyên (đời Trần Nhân Tông).

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — *Giáo viên kể*:

1. Đoạn 1: Chú bé ham chơi điều và học giỏi.

Giọng kể cần rõ ràng, nhấn mạnh các nhóm từ: sinh ra với cánh điều, chú nhỏ và thuộc ngay đến đây, kính ngạc, những hai mươi trang sách, vẫn có thì giờ thả điều.

2. Đoạn 2: Nhà nghèo vẫn vượt khó khăn để học giỏi và vẫn mê thả điều.

Đoạn này giọng kể cần rành mạch, nhấn mạnh các chi tiết nói lên tinh thần khắc phục mọi khó khăn để học giỏi và đặc biệt là trí thông minh sáng tạo của cậu bé trong cả việc học và việc chơi điều.

3. Đoạn 3: Đỗ đạt thành tài.

Giọng kể vừa phấn khởi vừa tỏ ý khâm phục người có học vấn cao nhất trong nước hồi đó mới có mười ba tuổi.

B — *Học sinh kể*:

Đoạn 1: Nguyễn Hiền từ bé đã ham chơi và học giỏi như thế nào?

Đoạn 2: — Sau khi phải thôi học để làm lụng giúp đỡ bố mẹ, cậu bé đã làm thế nào để ban ngày cũng như ban đêm vẫn tiếp tục học được?

— Vừa học Hiền còn chơi điều ra sao?

Đoạn 3: Nguyễn Hiền đỗ đạt thành tài như thế nào?

— Vì sao mọi người lại ngạc nhiên?

C — *Tổng kết*:

Tuy còn bé nhưng Nguyễn Hiền đã chăm học. Nhà nghèo, tuy phải làm lụng vất vả nhưng Hiền rất ham học và say mê chơi điều. Vì vậy nên ông làm giỏi, học giỏi và chơi điều cũng giỏi, mới mười ba tuổi đã đỗ Trạng nguyên.

22. AI NGOAN SẼ ĐƯỢC THƯỞNG

1. Một buổi sáng, Bác Hồ tới thăm trại nhi đồng. Vừa thấy Bác, các em nhỏ chạy ù ra đón Bác. Em nào cũng muốn xô lại thật gần để nhìn Bác cho rõ. Có em cứ đi giạt lùi ở đằng trước Bác để luôn luôn được nhìn thấy Bác. Những em nhỏ nhất cũng cố chen các em chị lớn để vào gần Bác hơn. Nhiều em đi hên hái, tuy đã nhìn thấy Bác nhưng vẫn cứ kiễng kiễng chân lên để nhìn cho rõ thêm tí nữa.

2. Bác dắt tay hai em nhỏ đi giữa đám trẻ, mắt Bác sáng hơn, vẻ mặt Bác như hồng hào hơn, Bác dắt các em vào phòng họp rồi đi xem phòng ăn, phòng ngủ, nhà bếp, chỗ tắm rửa... Khi trở lại phòng họp, Bác bảo các em ngồi xuống, Bác ngồi giữa các em.

Bác hỏi:

— Các cháu chơi có vui không?

Những tiếng trả lời non nớt đầy tình thân mến vang lên: Thưa Bác, vui lắm ạ!

Bác lại hỏi:

— Ăn có no không?

— No ạ!

— Các cô có mắng phạt các cháu không?

— Không ạ!

Bác khen:

— Thế thì tốt lắm! Bây giờ Bác chia kẹo cho các cháu. Các cháu có thích kẹo không?

Từng ấy cánh tay giơ lên:

— Có ạ! Có ạ!

Một em bé giơ tay xin nói:

— Thưa Bác, ai ngoan thì được ăn kẹo, ai không ngoan thì không được ăn.

— Các cháu có đồng ý không?

— Đồng ý ạ! Đồng ý ạ!

3. Các cháu đứng lên thành vòng tròn. Bác cầm gói kẹo đi chia khắp lượt, tự tay đưa kẹo cho mỗi em. Đến lượt em Tộ, khi Bác đưa kẹo thì Tộ không đưa tay ra nhận. Tộ khẽ nói với Bác:

— Thưa Bác, hôm nay cháu không vâng lời cô. Cháu không ngoan, không được ăn kẹo của Bác!

Một nụ cười triu mến nở trên môi Bác Hồ. Bác xoa đầu đứa cháu nhỏ dũng cảm.

Bác khen:

— Cháu biết nhận lỗi thế là ngoan lắm đấy! Cháu vẫn được phần kẹo như các cháu khác.

Tộ mừng rơn, vui vẻ cầm lấy kẹo của Bác cho.

Tuy Phương và Thanh Tộ kể

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

Đây là mẩu chuyện « người thực, việc thực » kể lại việc một cháu bé đã biết thật thà nhận lỗi với Bác Hồ.

— Bác Hồ rất yêu thương và luôn chăm sóc các cháu thiếu nhi. Tuy rất bận nhưng thỉnh thoảng Bác vẫn đến thăm nơi các cháu ở. Được biết các cháu ngoan, Bác rất vui. Còn các cháu rất kính yêu Bác, luôn mong được gặp Bác và có ý thức tự giác thực hiện lời Bác dạy: thật thà, dũng cảm nhận lỗi khi đã trót mắc lỗi.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

— Tranh vẽ: Bác Hồ đang cầm gói kẹo chia cho các cháu, tại làng nghe một cháu nhỏ (Tộ) đứng lễ phép nhận lỗi với Bác. Quây xung quanh là các bạn nhỏ khác đang ngồi vòng tròn, mắt nhìn Bác và bạn như hồi hộp chờ đợi.

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Bác Hồ đến thăm các cháu.

Đoạn này cần kể thông thả rõ ràng, nhấn mạnh các từ nói lên tình cảm của các em đối với Bác như: ủa ra, xô lại, đi giật lùi, cố chen các anh các chị lớn kiểng kiểng chân lên để nhìn cho rõ ...

2. Đoạn 2: Bác Hồ hỏi han và thưởng kẹo cho các cháu.

Khi kể đoạn này cần chú ý đến những câu đối thoại, và phân biệt rõ giọng triu mến ân cần của Bác, giọng phấn khởi ngây thơ của các cháu nhỏ.

3. Đoạn 3: Bác Hồ chia kẹo cho các cháu.

Khi kể đến câu nhận lỗi của em Tộ, giáo viên có thể chỉ tranh vẽ cho học sinh xem và hỏi: «Đố các em biết: sau khi nghe ý kiến của Tộ, Bác đã trả lời ra sao?»

Khi học sinh đã phát biểu một số ý kiến, giáo viên kể tiếp để giải đáp ý kiến của các em: Biết nhận lỗi cũng là ngoan.

C — Học sinh kể:

Đoạn 1:

— Khi thấy Bác Hồ đến thăm, các cháu đã làm gì?

Đoạn 2:

— Bác đã dắt các cháu đi thăm những nơi nào?

— Bác hỏi các cháu những gì và các cháu đã trả lời các ra sao?

Đoạn 3:

— Khi Bác chia kẹo cho Tộ, Tộ đã nói gì với Bác?

— Bác có thưởng kẹo cho Tộ không?

Cuối cùng cho một hai em kể lại toàn bộ câu chuyện.

D — Tổng kết:

Em Tộ đã thật thà nhận lỗi nên đã được Bác Hồ khen là ngoan và thưởng kẹo. Đối với các em cũng vậy: Khi đã trót mắc lỗi mà biết thật thà, dũng cảm nhận lỗi và sửa lỗi thì cũng là ngoan.

23. HAI ANH EM

1. Ngày xưa ngày xưa, có hai anh em mồ côi cha mẹ, nhà rất nghèo. Hai anh em rất thương yêu nhau. Hằng ngày anh lên rừng kiếm củi bán lấy tiền nuôi

em. Cô em gái ở nhà chăm sóc một mảnh vườn rau. Cô vui tươi như chú chim non, tuy làm lưng vất vả nhưng miệng luôn luôn ca hát. Ngày ngày một bầy chim nhỏ đến giúp cô bắt sâu, nhặt cỏ và nhổ dũa, ca hát với cô. Cô bé yêu chim lắm, cô lấy thóc, gạo thưởng cho chim. Chim ăn rào rào rồi lại hót riu rít. Thường thường, sau khi chăm sóc vườn rau, cô bé và bầy chim cùng nhau ca hát. Giọng của cô bé hòa vào tiếng chim hót làm cho xóm làng thêm vui vẻ. Người người khoan khoái lắng nghe... Ai cũng yêu quý cô bé và đàn chim.

2. Tiếng hát của cô được gió mang đi khắp nơi. Một hôm tiếng hát thanh tao ấy lọt vào tai một con quỷ dữ. Nó sục sạo khắp nơi và tìm bắt được bầy chim và cô bé. Quỷ ác mang lên núi cao, nhốt cô bé và bầy chim vào chiếc lồng sắt. Nó hí hửng chờ nghe tiếng hát của cô. Cô bé nhớ anh, nhớ xóm làng ngồi ủ rũ trong chiếc lồng không buồn cất tiếng hát. Bầy chim cũng lặng im. Quỷ ác thấy vậy tức lắm, nó làm phép lấy nước giải của nó bôi vào từng chiếc nan lồng. Lập tức những chiếc nan lồng trở thành cứng như sắt, xù xì, gai đâm tua tủa. Quỷ ác ngấm chiếc lồng có vẻ hài lòng lắm. Nó đem lồng treo lên một cành cây rất cao rồi bỏ đi. Nó tin rằng cô bé và bầy chim sẽ chết đói trong lồng.

3. Người anh đi kiếm củi về, không thấy em đâu. Anh ta gọi khản cả cổ suốt ngày đêm mà không thấy tiếng em gái đáp lại. Tìm khắp nơi mà không thấy em đâu, anh bồn chồn, thương em vô hạn.

Trong lúc đó, cô bé đã tìm ra được chiếc nan lồng yếu nhất. Cô lấy hết sức mình uốn cong chiếc nan đó, cố nói rộng khe hở. Khe chỉ đủ cho một chú chim bé nhất chui ra ngoài. Cô bé nhờ chim bay về, báo tin cho anh cô biết. Chú chim bé nhỏ lượn quanh một vòng chào tạm biệt cô và các bạn rồi bay vút về nhà.

Được tin em bị quỷ ác bắt, người anh vội vã lên đường đi cứu. Anh cùng chim vượt không biết bao nhiêu núi cao, băng qua không biết bao nhiêu suối sâu, rừng rậm. Cuối cùng người anh đến nơi em gái bị quỷ ác nhốt. Không một phút nghỉ ngơi, anh bám dây leo lên cành cây cao, mặc cho gai đâm, gió quật. Minh anh ướt đầm mồ hôi, tay chân anh bị gai cào rướm máu. Cô bé thấy anh đến cứu vừa mừng, vừa thương anh. Nước mắt cô giàn giụa. Những giọt nước mắt trong như những hạt sương mai rơi xuống đến đâu, xoa dịu đến đó những vết gai đâm toạc máu và tăng thêm sức mạnh cho người anh. Người anh đã leo lên đến nơi. Anh rút dao, chặt đứt nan lồng, giải thoát cho bầy chim và em gái...

Mùa xuân lại đến. Núi rừng, thôn xóm lại rộn ràng tiếng hát lời ca của cô gái và bầy chim.

Theo Hoàng Anh Đường
(Sách Ngựa Gióng - 2/16)

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện :

a) Giải nghĩa từ khó :

— Thanh tao : trong sáng, đẹp đẽ.

— Hài lòng : vui vẻ vì vừa ý mình.

b) Ý nghĩa :

« Hai anh em » là câu chuyện cổ tích ca ngợi tấm gương hai anh em mồ côi sống với nhau đã thương yêu, đùm bọc nhau hết lòng, không quản ngại gian nan, nguy hiểm đến tính mạng.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị :

Một bức tranh vẽ quỷ ác đang nhốt cô bé và đàn chim vào lồng. Một bức tranh vẽ người anh đang trèo lên cành cây trên núi cao để cứu em gái...

B — Giáo viên kể :

1. Đoạn 1 : Hai anh em mồ côi sống với nhau.

Giọng kể vui tươi sôi nổi, thể hiện mối tình đùm bọc, thương yêu nhau giữa hai anh em, giữa cô gái với bầy chim và xóm làng.

2. Đoạn 2 : Em bị quỷ ác bắt.

— Giọng kể dồn dập khi nói về những hành vi độc ác của con quỷ dữ.

— Giọng kể trầm xuống và chậm rãi khi nói về tâm trạng cô bé và đàn chim.

3. Đoạn 3 : Anh đi cứu em.

— Giọng kể thiết tha, bồi chôn thể hiện tâm trạng xót xa thương nhớ của cả hai anh em.

— Giọng trở lại tươi vui, thanh thản khi kết thúc câu chuyện.

C — Học sinh kể :

1. Hai anh em mồ côi sống với nhau ra sao ?

2. Con quỷ dữ đã đến bắt cô bé và bầy chim đi như thế nào ?

3. Khi đi kiếm củi về, người anh đã làm gì ?

4. Nhờ đâu mà người anh biết đường đi cứu em và đã cứu được em như thế nào ?

D — Tổng kết :

Hai anh em mồ côi đã sống với nhau rất hòa thuận và thương yêu, đùm bọc nhau hết lòng. Khi em gặp

nạn, anh đã không quản ngại gian nan, nguy hiểm đi cứu em bằng được. Đó là một tấm gương tốt về tình cảm anh em ruột thịt trong gia đình để chúng ta học tập.

24. QUẢ TIM CỦA KHỈ

1. Trên bờ biển xanh kia, có một hàng dừa sai trĩu quả. Cành lá rậm rạp, một nửa trùm lên mặt đất, nửa kia lòa xòa trên mặt biển. Một tàu lá dừa dài nhất vươn ra quét xuống mặt nước. Nơi đó cũng là nhà ở của một chú Khỉ con.

Hằng ngày, Khỉ con vào rừng kiếm trái cây đem về. Ngồi du đưa trên cành dừa, vừa ăn, Khỉ con vừa nghe tiếng sóng biển rì rào, những cành lá dừa lao xao trong gió. Khỉ con bỏ những quả dừa to chưa đầy nước thơm mát ra uống. Cuộc sống thú vị biết bao! Nhưng rồi Khỉ con thấy cũng buồn vì không có bạn.

Một ngày thu nắng ấm, Khỉ con đang ăn chuối, bỗng nghe thấy tiếng quẫy dưới nước. Chú nhìn xuống nước: một con vật to, da đen sì nhùng vẩy, mình dài thượt, cái đuôi to tướng nhô lên cao khỏi mặt nước. Cái mồm há rộng trông như một cái cang cua khổng lồ giờ lên. Một hàm răng trắng nhọn hoắt như một lưỡi cưa sắc. Khỉ con nghĩ bụng: «Chà! Con gì thế nhỉ? Trông chẳng giống cá, chẳng giống cua». Con đó bơi đến chỗ Khỉ con ở, trườn lên một bãi cát nhỏ, nằm phơi mình dưới nắng. Nó nhìn Khỉ con bằng cặp mắt ti hí với hai hàng nước mắt chảy dài, chảy dài. Khỉ con ngạc nhiên hỏi:

— Bạn là ai? Sao bạn lại khóc?

— Tôi là Cá sấu.

— À! thì ra bạn là Cá sấu. Nhưng sao bạn lại khóc?
— Tôi buồn, buồn lắm bạn ạ!
— Vì sao bạn buồn?
— Tôi buồn vì chẳng có ai chơi với tôi cả.

Khỉ con vui vẻ nói:

—Ồ! Thế bạn đến đây chơi với tôi nhé!

Khỉ con và Cá sấu nhận nhau là bạn. Hằng ngày, Cá sấu bơi đến chỗ Khỉ con. Khỉ con cho Cá sấu ăn bao nhiêu là hoa quả. Cá sấu há miệng đớp ngay. Nó ăn rất ngon lành và quên cả việc cảm ơn bạn. Khỉ con ngồi vắt vẻo trên cây nói chuyện với Cá sấu dưới nước.

2. Một hôm Cá sấu bảo Khỉ con:

— Tôi muốn mời bạn về thăm nhà tôi.

— Cảm ơn bạn đã mời tôi! Nhưng tôi không muốn đi, tôi sợ nước lạnh và không biết bơi.

—Ồ! Không không! Bạn đừng sợ. Bạn cứ đi với tôi. Tôi để bạn ngồi trên lưng rồi tôi sẽ đưa bạn về nhà.

Khỉ con liền vúi một tàu lá dừa du xuống, loáng một cái, Khỉ con đã ngồi trên lưng Cá sấu. Hai bạn bắt đầu ra đi. Đi được một lúc, Cá sấu bảo Khỉ con:

— Bây giờ tôi phải nói với bạn điều này. Ông vua của chúng tôi là ngài Cá sấu to nhất biển ấy, bị ốm nặng. Thầy thuốc bảo phải ăn một quả tim khỉ mới khỏi bệnh. Tôi đưa bạn đến gặp vua chúng tôi, bạn phải cho chúng tôi quả tim của bạn đây!

Khỉ con nghĩ thầm: «À! thì ra Cá sấu lừa dối mình. Còn mình thì lại tin những lời nói ngọt ngào của nó». Khỉ con nghĩ đến dòng nước mắt giả dối của Cá sấu, rồi lại nghĩ đến quả tim của mình sắp bị mất. Mất tim sẽ chết; Khỉ con lo sợ, muốn khóc to lên nhưng nó lại thôi. Nó nghĩ cách tự cứu mình. Nó bèn giả vờ đập vào lưng Cá sấu kêu lên:

— Chán quá! Sao bạn không bảo tôi trước. Tôi có đem quả tim trong mình đâu. Tôi để tim ở nhà, trong đám cành dừa rậm rạp ấy. Hãy đưa tôi trở lại, tôi sẽ lấy quả tim của tôi đưa cho ông vua của bạn.

Cá sấu tưởng thật, bơi trở về rất nhanh đến chỗ cây dừa Khỉ con ở. Khỉ con đu vút lên cành cây cao nhất rồi quay xuống mắng cho Cá sấu một trận:

— Này Cá sấu ơi! Mày tưởng tao ngu ngốc à! Tao lại đưa tim cho lão vua độc ác của mày ăn à? Đồ Cá sấu giả dối kia, cút đi, cút đi, không ai làm bạn với mày cả!

Nói rồi Khỉ con thông minh vút bao nhiêu vỏ dừa xuống trúng đầu Cá sấu. Cá sấu vội lặn sâu xuống biển lủi mất.

(Văn nghệ thiếu nhi — Đài TNVN)

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

— Cá sấu: Một loài bò sát lớn và dữ sống ở biển hoặc sông lớn.

— Khổng lồ: to lớn lạ thường, khó có thể thấy trong thực tế.

b) Ý nghĩa:

Đây là câu chuyện ngụ ngôn về tình bạn giữa Khỉ con và Cá sấu.

Câu chuyện ngụ ý giáo dục tình bạn bè chung thủy và khuyên các em cần chọn bạn tốt mà chơi.

II — Hướng dẫn lên lớp

A — Chuẩn bị:

— Tranh vẽ: Khỉ con ngồi vắt vẻo trên cây dừa triu quả đang nói chuyện với Cá sấu dưới nước).

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Khỉ con và Cá sấu kết bạn với nhau.

Khi kể đoạn này giáo viên cần chú ý qua giọng kể làm nổi bật đặc điểm tính cách của từng nhân vật: Khỉ con hồn nhiên, tốt bụng—Cá sấu giả dối, lợi dụng người khác.

2. Đoạn 2: Cá sấu lừa dối Khỉ con.

Kể đoạn này giáo viên cần chú ý thể hiện rõ thêm một số đặc điểm khác nữa về tính cách của từng nhân vật: Cá sấu dối trá, tráo trở ra mặt — Khỉ con thật thà nhưng nhanh trí khôn.

C — Học sinh kể:

Câu chuyện tương đối dài, lại có nhiều chi tiết miêu tả, nhiều câu đối thoại ở từng đoạn khác nhau. Vì vậy, giáo viên cần hướng dẫn học sinh kể theo từng đoạn nhỏ như sau:

1. Kể lại cuộc sống thú vị của Khỉ con trên bờ biển.

2. Kể lại đoạn Khỉ con trông thấy thân hình to lớn, xấu xí của Cá sấu.

3. Cá sấu và Khỉ con đã kết bạn với nhau như thế nào?

4. Kể lại đoạn Cá sấu lừa dối định làm hại Khỉ con.

5. Khỉ con đã nhanh trí khôn và thoát được tai nạn ra sao?

D — Tổng kết:

« Quả tim của Khỉ » kể lại câu chuyện Khỉ con và Cá sấu kết bạn với nhau. Khỉ thì thật thà, tốt bụng,

sẵn sàng giúp đỡ bạn.; Cá sấu thì giả dối và lừa lọc, rắp tâm làm hại bạn. Câu chuyện ngụ ý khuyên chúng ta nên chọn bạn tốt mà chơi và phải giữ trọn lòng chung thủy với bạn bè.

25. MIỆNG NÓI RA HOA RA NGỌC

1. Ngày xưa có một cô gái bố mẹ chết sớm, phải đi ở cho hai mẹ con nhà giàu nọ. Mẹ con nhà chủ tính tình hờm hĩnh, khắc nghiệt không ai chịu được. Còn cô gái nhà nghèo hiền lành, xinh đẹp thì chăm chỉ làm việc quần quật từ mờ sáng đến tối mịt, nhưng vẫn bị chủ ghét bỏ, chửi mắng tàn tệ.

Mỗi ngày cô gái phải hai buổi đi gánh nước xa chừng một dặm đường. Một hôm ra đến suối, cô gặp một bà già rách rưới xin ngậm nước. Cô vội rửa sạch thùng, ra tận chỗ xa múc nước trong, rồi hai tay nâng thùng cho bà cụ uống.

Uống xong bà bảo:

— Con vừa xinh đẹp, vừa tốt bụng. Con thật đáng khen. Ta ban phép lành cho con; từ rày hễ con mở miệng nói thì ra hoa, ra ngọc.

Cô gái cúi đầu cảm ơn, lúc ngẩng lên thì bà cụ đã biến đâu mất.

Cô gánh nước trở về. Chủ nhà thét mắng, hỏi vì sao về muộn, cô vội chắp tay xin:

— Con xin bà, bà tha lỗi cho con!

Vừa nói bấy nhiêu tiếng, thì hai đóa hoa thơm nức và hai viên ngọc sáng ngời từ trong miệng cô bay ra.

2. Mẹ con chủ nhà vô cùng kinh ngạc. Khi nghe cô kể lại sự việc, mẹ chủ vội giục con gái ra suối. Cô ta mang bình bạc đi xách nước. Đến nơi bỗng có một em bé rách rưới, ghẻ lở xin nước uống. Cô ta bèn nói:

— Khéo cái con bé này! Để tao đến đây đề múc nước hầu mày à? Muốn uống thì xuống suối mà uống!

Em bé lúc đó mới vụt hiện nguyên hình thành một bà tiên và bảo:

— Mày xấu bụng lắm! Đã thế ta sẽ truyền cho mày hễ mở miệng nói thì nhả ra rắn ra cóc.

Thấy con gái về, mẹ mẹ don dả sẵn đón từ ngoài cổng:

— Thế nào con?

Cô ta vừa đáp: « Mẹ ạ... » thì hai con rắn và hai con cóc từ miệng cô chồm ra! Mẹ mẹ hốt hoảng, hét lên:

— Trời ơi! Cái gì thế này? Lại con rắn kia tai ác đặt điều làm hại mẹ con ta đây thôi!

Mẹ ta bèn vác gậy đuổi đánh cô gái đi ở.

3. Cô gái chạy trốn vào rừng. Oan ức và buồn tủi, cô đứng dưới một gốc cây to khóc ròng. Giữa lúc đó thì hoàng tử đi săn về qua đấy. Hoàng tử thấy cô gái đẹp, dừng ngựa hỏi han vì sao mà khóc. Cô gái thỏ thẻ trả lời: « Bà chủ đuổi đánh... ». Hoàng tử thấy từ miệng cô gái bay ra hoa và ngọc, rất lấy làm lạ. Nghe rõ câu chuyện, hoàng tử đưa cô gái về cung, xin vua cha cho cưới nàng làm vợ.

Còn ả con gái mẹ chủ ngày càng khiếp sợ về mình. ả lang thang khắp nơi, cuối cùng đi mất tích. Mẹ chủ độc ác thui thủi sống một mình, chẳng bao lâu thì chết.

Phỏng theo

Truyện cổ tích Perrault (Pe-rôn)

HƯỚNG DẪN

I – Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

Dặm: Quãng đường dài độ già nửa cây số (540m).

Hoàng tử: Con trai của vua.

b) Ý nghĩa:

Đây là câu chuyện phỏng theo truyền cổ tích nước ngoài ca ngợi một cô gái nghèo khổ chăm chỉ, tốt bụng, lên án bọn nhà giàu lười biếng, tham lam, độc ác. Câu chuyện nhằm giáo dục tình yêu thương đối với người lao động nghèo khổ và lòng nhân ái đối với mọi người nói chung.

II – Hướng dẫn lên lớp.

A – Chuẩn bị:

Cần có tranh minh họa cho câu chuyện kể được sinh động (ví dụ: cô chị nói chuyện với mẹ, miệng phun ra rắn ra cóc; cô em nói chuyện với hoàng tử, miệng bay ra hoa ra ngọc).

B – Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Cô gái tốt bụng được bà tiên ban thưởng. Giọng kể ở đoạn này cần thể hiện được rõ tính tình của cô gái nhà nghèo: Hiền lành, chăm chỉ, tốt bụng.

Chú ý nhấn mạnh các chi tiết: làm việc quần quật từ mờ sáng đến tối mịt, mỗi ngày hai buổi đi gánh nước, vội rửa sạch thùng, ra tận chỗ xa mức nước trong, hai tay nâng thùng cho bà cụ uống...

2. Đoạn 2: Con gái mù chủ độc ác, khinh người bị bà tiên trừng phạt.

— Giọng kể ở đoạn này cần thể hiện rõ: thói tham lam, háms lợi và độc ác của mù chủ, và thói hống hách

khinh người của con mù chủ. Mặt khác, cũng cần thể hiện rõ thái độ nghiêm khắc, dứt khoát của bà tiên.

3. Đoạn 3: Kết quả: ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác!

Cần có giọng kể dịu dàng, thông cảm khi kể đến bước đường may mắn, hạnh phúc của cô gái nghèo khổ tốt bụng, và giọng kể lạnh lùng nghiêm khắc khi nói đến số phận thảm hại của mẹ con mù chủ độc ác.

C – Học sinh kể:

Cho 3 học sinh kể 3 đoạn, 1 học sinh khá kể toàn chuyện.

1. Kể đoạn cô gái nhà nghèo được bà tiên ban thưởng.

2. Hãy kể đoạn con gái mù chủ đi gánh nước gặp bà tiên và bị trừng phạt.

3. Kể lại đoạn cuối chuyện.

D – Tổng kết:

« Miệng nói ra hoa ra ngọc » kể lại chuyện một cô gái nghèo khổ chăm chỉ lao động, sẵn sàng giúp đỡ mọi người nên được bà tiên ban thưởng. Còn cô gái con nhà giàu lười biếng, tham lam, độc ác, thì bị bà tiên trừng phạt. Cô gái con nhà nghèo thật đáng yêu, còn cô gái con nhà giàu kia thực là đáng ghét!

26. CHUYỆN ÔNG LƯƠNG THỂ VINH

1. Thừa nhỏ Lương Thể Vinh trọ học ở phía nam kinh thành. Vinh rất thông minh, học hành chóng giỏi. Trong khi chơi đùa với các bạn, Vinh cũng tìm được nhiều trò chơi lí thú.

Một hôm Vinh và các bạn thi nhau nặn voi xem ai khéo. Khi đem voi ra đo, các bạn đều phải chịu con voi

của Vinh thích hơn cả. Nó uốn được vòi, nó bỏ được, mà đôi tai lại biết phe phẩy như voi thật. Có gì đâu, Vinh đã lấy con đĩa làm vòi voi, lấy bướm bướm làm tai voi, và cậu bé thông minh đã gắn bốn chân ông voi đất lên mai bốn con cua kền. Thế là voi cử động được.

Một lần khác, các trẻ nhỏ chơi đánh cù. Quả cù làm bằng trái bưởi xanh nướng dẻo. Lũ trẻ chơi rất hăng. Bông cù lăn tọt xuống một cái hố sâu cạnh bãi, với tay không tới. Thò chân khoảng cũng không lấy lên được. Bọn trẻ tui nguyễn định bỏ ra về thì Lương Thế Vinh gọi chúng lại. Cậu bé bảo các bạn dùng chậu múc nước hồ đổ vào hố. Nước lên đến đâu, bưởi nổi lên đến đấy. Mọi được cù lên, trò chơi lại tiếp diễn rất hăng.

2. Lớn lên Lương Thế Vinh học rất giỏi, thi đỗ Trạng nguyên, đem tài năng của mình ra giúp nước.

Có một lần sứ thần của vua Minh bên Trung Quốc sang thăm dò người giỏi ở nước ta. Vua Lê giao cho Lương Thế Vinh tiếp. Trong một buổi đi chơi dọc sông Tô Lịch, sứ Minh thấy một con voi lớn. Đề thử tài Vinh, sứ nhà Minh cho lấy cái cân và nhờ Vinh cân xem voi nặng bao nhiêu. Tuy biết Lương Thế Vinh là người giỏi, nhưng lần này sứ Minh yên trí sẽ làm ngượng mặt được quan Trạng nước ta.

Biết được bụng dạ của viên sứ, Vinh mỉm cười cầm cân và cho quân tượng dắt voi xuống mảng. Sứ Minh còn đương ngờ ngác thì thấy Vinh đã đo xong chiều cao của phần mảng bị chìm. Sau đó Vinh sai lính dắt voi lên và xếp đá xuống. Khi mảng đã chìm sâu đến mức chỗ voi ban nãy thì Vinh cho ngừng chuyễn đá và dùng cân, cân số đá trên mảng.

Chợt hiểu ra, sứ Minh cung kính nói với Lương Thế Vinh:

— Nước tôi chưa chắc có người hơn được tài quan Trạng. Xin bái phục! Xin bái phục!

Theo sách Ngựa Glóng

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

— *Tiu nguyễn*: buồn rầu và thất vọng.

— *Sứ thần*: Viên quan được vua cử ra nước ngoài giao thiệp.

— *Bái phục*: khâm phục một cách rất kính cẩn.

b) Ý nghĩa:

Đây là chuyện kể về một danh nhân của nước ta: Ông Lương Thế Vinh.

Câu chuyện có tác dụng giáo dục học sinh lòng tự hào và tinh thần học tập theo gương sáng của danh nhân thời xưa: lúc bé học giỏi, chơi giỏi; lớn lên đem lại niềm tự hào cho đất nước.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

Tranh vẽ: Lương Thế Vinh và các bạn nhỏ đang xúm quanh con voi bằng đất biết đi: vòi là con đĩa, tai voi là bướm bướm, bốn chân là bốn con cua.

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Lúc Lương Thế Vinh còn bé.

Giọng kể cần hoạt bát, phấn khởi, thể hiện niềm vui thích và tính nghịch ngợm rất thông minh của các em nhỏ khi chơi những trò chơi thú vị.

2. Đoạn 2: Khi Lương Thế Vinh ra giúp nước.

Giọng kể ở đoạn này cần rõ ràng, rành mạch, kết hợp với điệu bộ để giúp học sinh hiểu được cách làm cụ thể của Lương Thế Vinh khi cân con voi. Sau khi kể xong, nên cho một hai học sinh thử giải thích lại cách làm thông minh đó của Lương Thế Vinh.

C — Học sinh kể:

1. Kể lại đoạn Lương Thế Vinh chơi với các bạn khi còn bé: thi nặn voi, chơi cù.

2. Kể lại đoạn Lương Thế Vinh được vua cử ra tiếp sứ nhà Minh:

— Vì sao sứ Minh phải bái phục quan Trạng nước ta.

D — Tổng kết:

Lương Thế Vinh là một người tài giỏi có tiếng ở nước ta. Khi còn nhỏ, ông học cũng như chơi đều rất thông minh sáng tạo. Lớn lên phục vụ đất nước, ông đã làm cho sứ thần Trung Quốc quên thói kiêu ngạo, phải kính phục tài năng của ông. (Ngày nay, các em học sinh còn nhỏ cần chăm học và học giỏi để sau này ra phục vụ đất nước đem lại niềm tự hào cho đất nước ta, nhân dân ta như ông Lương Thế Vinh).

27. BA CÔ TIÊN

1. Xưa kia có một cậu bé lên sáu tuổi rồi mà vẫn bé tí tí ti, bé chỉ bằng ngón chân cái mọi người thôi, cho nên ai cũng gọi là cậu bé Tí Hon.

Nhà bé Tí Hon nghèo lắm, bố mẹ đi làm suốt ngày mà vẫn không đủ cơm ăn no, áo mặc ấm. Tí Hon rất

thương bố mẹ, chỉ muốn đi làm đỡ bố mẹ thôi. Một hôm Tí Hon đòi đi chăn trâu.

Nói mãi, bố mẹ mới thử cho đi một lần xem sao. Tí Hon chăn trâu cần thận lắm, không để trâu ăn lúa, ăn ngô ở đồng. Cả làng ai cũng khen.

2. Rồi cánh đồng làng hết cỏ. Tí Hon phải đưa trâu lên núi. Bỗng nhiên Tí Hon thấy một bông hoa hồng to bằng cái nón nở trên một cành cây. Dội cho trâu đến gần cây ấy, Tí Hon từ sừng trâu khẽ chui sang cây và leo vào giữa bông hoa. Tí Hon thấy — ô thích quá — ba cô tiên cùng bé tẹo như Tí Hon: một cô áo xanh, một cô áo đỏ, một cô áo vàng. Các cô thấy Tí Hon thì vui mừng chào hỏi rồi đi lấy bánh kẹo cho Tí Hon ăn. Tí Hon không ăn, cầm bánh kẹo bỏ vào túi. Ba cô tiên hỏi:

— Sao Tí Hon không ăn?

— Tôi đem về cho bố mẹ tôi ăn, bố mẹ tôi nghèo lắm, tôi thương bố mẹ tôi lắm!

Ba cô tiên cùng nói:

— Bạn ăn đi, ăn xong chúng tôi sẽ giúp đỡ bạn.

Lát sau, ba cô tiên cùng Tí Hon bước ra khỏi nhà hoa hồng, dắt nhau leo lên ngồi cả trên sừng trâu, đi về làng.

— Về đến nơi, thấy cái nhà của Tí Hon xiêu vẹo sắp đổ, bố mẹ Tí Hon ruộng vườn không có, áo quần rách bươm; ba cô tiên bảo Tí Hon đi tìm bố mẹ về.

Tí Hon đi khỏi, cô tiên áo xanh vẽ một cái nhà xinh đẹp, cô tiên áo đỏ vẽ một đám ruộng to, lúa chín vàng, cô tiên áo vàng vẽ nhiều quần áo tốt. Vừa vẽ xong, thì tất cả hóa thành nhà thực, ruộng lúa thực, áo quần thực.

3. Tí Hon và bố mẹ về đến nơi. Bố mẹ lạ quá hỏi:
—Ồ, nhà ai đẹp thế? Ruộng ai tốt thế? Áo quần ai nhiều thế?

Ba cô tiên ở trong nhà bước ra chào, rồi nói:

— Chúng cháu làm giúp hai bác và Tí Hon đấy. Từ nay hai bác không nghèo nữa: có ruộng cày, có nhà ở, có quần áo rồi!

Cô Tiên áo vàng lại cho Tí Hon một chiếc áo, vừa mặc vào là lớn bổng lên. Bố mẹ Tí Hon mừng quá, quay lại định cảm ơn thì ba cô tiên đã biến thành ba con bồ câu trắng bay vù lên mây. Từ bấy đến nay không ai trông thấy ba cô tiên đâu nữa. Còn Tí Hon thì làm việc chăm chỉ, khéo léo chẳng kém gì ba cô tiên Hoa hồng ngày trước.

Nhưng Tí Hon bây giờ đã lớn lắm rồi.

Nhược Thủy kể

HƯỚNG DẪN

I – Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

— *Rách bươm*: rách tan rách nát ra, không còn chỗ nào lành lặn nữa.

— *Lớn bổng lên*: lớn lên nhanh chóng khác thường trong chốc lát.

b) Ý nghĩa:

Tí Hon bé tí tẹo nhưng chăm làm, thương yêu bố mẹ nên được các cô tiên yêu mến giúp đỡ. Do đó, gia đình nhà Tí Hon có ruộng tốt, nhà đẹp, quần áo lành lặn, sống rất vui vẻ hạnh phúc. Tí Hon thì trở thành người lớn, làm lụng giỏi giang khéo léo để giúp đỡ bố mẹ.

II – Hướng dẫn lên lớp.

A – Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Tí Hon bé bỏng nhưng luôn luôn giúp đỡ bố mẹ.

Đoạn này cần kể vừa rành mạch vừa nhẹ nhàng tha thiết, tỏ ý thông cảm với cảnh nghèo khổ và tình thương yêu bố mẹ của Tí Hon.

2. Đoạn 2: Nhờ chăm làm và thương bố mẹ nên Tí Hon được các cô tiên giúp đỡ.

Kể đoạn này cần thể hiện một cách linh hoạt thái độ ân cần niềm nở và sự tận tình giúp đỡ của ba cô tiên đối với Tí Hon.

3. Đoạn 3: Gia đình Tí Hon trở nên ấm no, hạnh phúc.

Giọng kể cần phấn khởi, vui tươi như hòa chung với niềm vui của Tí Hon và gia đình Tí Hon.

B – Học sinh kể:

Đoạn 1:

— Vì sao mọi người gọi cậu bé trong chuyện là Tí Hon?

— Tí Hon đã thương yêu bố mẹ như thế nào?

Đoạn 2:

— Đưa trâu lên ăn cỏ trên núi. Tí Hon đã gặp ai?

— Các cô tiên đã giúp đỡ Tí Hon những gì?

Đoạn 3: Em hãy kể lại đoạn bố mẹ Tí Hon về nhà được gặp ba cô tiên.

C – Tổng kết:

Tí Hon bé tí tẹo nhưng rất thương yêu bố mẹ nên chăm chỉ lao động giúp đỡ bố mẹ. Do đó, Tí Hon được ba cô tiên giúp đỡ và gia đình Tí Hon từ chỗ nghèo khổ đã trở nên ấm no sung sướng.

28. THỎ RỪNG VÀ CÁ SẤU

1. Một hôm, Thỏ rừng muốn vượt qua một con sông rộng mênh mông, nhưng một mình không làm gì được. Thỏ rừng nghĩ bụng:

— Ta phải dùng mẹo buộc Cá sấu phải chở ta sang sông mới được; nếu không gã xấu bụng này chẳng tha ai bao giờ đâu!

Thỏ bèn đến sát bờ sông, trông thấy ngay cái đầu Cá sấu góm ghiếc đang ngoi ngoi trên mặt nước. Thỏ nói:

— Ô, ông anh đấy à! Bờ sông bên này chẳng còn tí cỏ non nào để chén cả. Ông anh hãy chở giúp tớ sang sông nhé. Tớ biết ở bên kia có một vùng bãi rộng có cỏ ngọt như đường và cả đến bùn nước quanh đó cũng ngọt lịm đi cơ, ông anh ạ! Được đến đấy vùng vẫy, ông anh sẽ thích mê đi đấy!

Nghe Thỏ nói vậy, Cá sấu hí hửng đáp:

— Ôi, nếu anh bạn vui lòng dẫn tớ đến chỗ ấy có nước ngọt như đường và cả bùn lầy cũng ngọt lịm đi như thế thì tớ khoái lắm. Và tớ cũng chẳng bao giờ quên tấm lòng tốt của anh bạn đâu!

Thỏ mừng thầm liền nói ngay:

— Ô, nếu vậy còn gì bằng, ta đi đi thôi!

2. Cá sấu sốt sắng cho Thỏ rừng trèo lên lưng để chở anh chàng sang bờ sông bên kia.

Thỏ rừng thấy da lưng Cá sấu sần sùi bần thỉu, trông góm quá, bèn kiếm một tàu lá chuối phủ lên trên rồi mới ngồi. Cá sấu lấy làm lạ liền hỏi:

— Sao anh bạn lại dấy cái lá gì lên lưng tớ thế?

Thỏ rừng đáp:

— À, tại đôi móng của tớ không được sạch lắm, sợ làm bần cả lưng ông anh đấy!

Cá sấu bèn chở luôn Thỏ rừng qua sông rồi định bỏ lê theo sau. Thỏ rừng chợt nhún vai nói:

— Ông anh háu ăn và ngốc nghếch quá đấy! Trên trái đất này, kiếm đâu ra cho ông anh được nơi nào lại có sẵn nước ngọt như đường và cả đến bùn lầy cũng ngọt lịm đi nữa cơ chứ! Hãy đợi đấy đã, ông anh ạ! Tớ phải đi kiếm tí cỏ non đã, đói bụng rồi!

Nói xong, Thỏ nhảy tót ngay vào cánh rừng gần đấy.

3. Từ bữa đó, sợ Cá sấu trả thù, Thỏ rừng chẳng lúc nào dám bén mảng đến bên bờ sông nữa. Nhưng sang đầu vụ rau, lắm lúc anh chàng lại thêm ăn những ngọn rau muống non tươi mới nhú lên trên mặt nước ven bờ. Lúc ấy, chợt bụng lại bảo dạ:

— Gã Cá sấu hần là còn căm tức mình lắm đây, phải cẩn thận mới được!

Thế là Thỏ cứ ở lì trong cánh rừng quen thuộc, cực chẳng đã đành phải gặm toàn cỏ già. Ít lâu sau, Thỏ lại nghĩ bụng:

— Có thể là gã ta đã quên chuyện cũ rồi chẳng!

Thỏ bèn men men đến bên bờ sông, rồi mắt trước mắt sau dớp luôn dăm ba ngọn muống non tươi. Cá sấu trông thấy Thỏ rừng giả tảng như không biết gì và nằm yên không nhúc nhích. Thỏ thấy có vẻ yên ổn, cho rằng Cá sấu đã quên chuyện cũ, bèn mải mê chén một bữa rau non thỏa thích.

4. Cá sấu lặng lẽ bò tới sau lưng Thỏ êm như ru, rồi bất chợt dớp luôn Thỏ vào trong chiếc miệng rộng bằng cái rá của hần. Ngoạm được Thỏ nằm gọn trong miệng rồi, hần mới rú lên một hồi qua kẽ răng lồm chồm «Hu! Hu! Hu! ...» để làm cho Thỏ phải khiếp sợ oai hần trước khi chết.

Thỏ rừng nghe tiếng rú bỗng hết vía, nhưng cũng cố bình tĩnh lại để nghĩ kế thoát thân. Thỏ nghĩ bụng:

— Phải làm thế nào cho hấn quát lên mới được!
Nghĩ vậy, Thỏ bèn kêu tướng lên:

— Ông anh ơi, ông anh cứ rú lên «Hu! Hu! Hu!...»
như thế tớ chẳng sợ gì đâu! Nhưng, ông anh mà quát
lên «Ha! Ha! Ha!...» thì tớ sợ hết vía đấy!

Cá sấu nghe thấy vậy, tức mình há toác miệng ra
quát luôn một hồi:

— Ha! Ha! Ha!...

Thế là Thỏ rùng nháy phóc ra khỏi miệng Cá sấu,
cười khẩy:

— Ông anh xấu bụng và ngốc nghếch quá đấy! Lần
sau khi đã dớp trộm người ta vào miệng rồi thì đừng có
quát nạt «Ha! Ha! Ha!...» lên như thế nữa nhé! Chẳng
ăn thua gì đâu!

Và Thỏ lại nháy tót luôn vào rừng.

Đỗ Quang Lưu kể

(Phỏng theo truyện cổ Khơ-me)

HƯỚNG DẪN

I – Tìm hiểu chuyện.

— Thỏ rừng tiêu biểu cho loại người lanh lợi và tinh
khôn, Cá sấu tiêu biểu cho loại người độc ác và ngu xuẩn.

— Câu chuyện ngụ ngôn này nhằm đề cao trí thông
minh và tinh thần cảnh giác mưu trí đấu tranh với
những kẻ độc ác, thâm hiểm.

II – Hướng dẫn lên lớp.

A – Chuẩn bị:

Một số tranh minh họa từng phần câu chuyện (Ví dụ:
Cá sấu đang chờ Thỏ rừng qua sông; Cá sấu đang há
toác miệng ra để quát, Thỏ rừng thoát khỏi miệng Cá sấu).

B – Giáo viên kể:

Đây là một chuyện tương đối dài chia làm hai phần
rõ rệt:

— Phần 1: Thỏ dùng mưu trí để Cá sấu chở mình
sang sông.

— Phần 2: Thỏ mưu trí nên không bị Cá sấu ăn thịt.
(Giáo viên có thể dạy trong hai tiết, mỗi tiết một
phần câu chuyện).

1. Phần 1: Giọng kể trong phần này cần thể hiện thật
sinh động tính cách của từng nhân vật:

— Thỏ rừng tinh khôn, biết rõ bản chất Cá sấu nên
làm cho Cá sấu mắc mưu mình.

— Cá sấu thì ngốc nghếch và háu ăn nên hấp tấp và
bị mắc mưu Thỏ rừng.

2. Phần 2: Giọng kể ở phần này cần thể hiện rõ thêm
những đặc điểm tính cách khác nữa của hai nhân vật:

— Cá sấu: hung ác, thâm hiểm nhưng ngốc nghếch
vẫn hoàn toàn ngớ ngẩn.

— Thỏ rừng: phần nào còn nhẹ dạ, mất cảnh giác
đối với Cá sấu độc ác, thâm hiểm, nhưng vẫn điềm
tĩnh, mưu trí khi lâm vào tình thế nguy hiểm nên đã
thoát nạn dễ dàng.

Khi kể xong giáo viên nên cho học sinh giải thích
thêm: vì sao Cá sấu quát lên «Ha! Ha! Ha!...» thì
Thỏ rừng có thể thoát thân được.

C – Học sinh kể:

Phần 1: — Kể lại đoạn Thỏ rừng đã dùng mưu để
Cá sấu bằng lòng chở mình sang sông.

— Kể lại đoạn Cá sấu mắc mưu Thỏ rừng.

Phần 2: — Ít lâu sau, Thỏ rừng đã ra bờ sông kiếm
rau ăn như thế nào?

— Kể lại đoạn Cá sấu bắt được Thỏ rừng nhưng lại mắc mưu thỏ rừng lần thứ hai.

D — Tổng kết:

Thỏ rừng tuy nhỏ bé nhưng lanh lợi và thông minh nên đã thắng được Cá sấu to xác, độc ác, nhưng tham lam, ngu xuẩn.

29. CHUYỆN BÁC ĐÁNH CÁ VÀ CÁ HUNG THẦN

1. Ngày xưa, có một bác đánh cá đã cao tuổi. Một hôm bác ra biển thả lưới, kiên nhẫn đợi cho lưới sa xuống tận đáy biển mới kéo lên. Nhưng lần nào bác cũng chỉ cất lên toàn những thứ đáng vứt đi. Ngán ngẫm, bác thả lưới lần cuối cùng trong ngày. Mẻ này, bác vớt được một chiếc bình to bằng đồng, miệng gắn chì bịt kín. Bác mừng lắm, tự nhủ: «Cái bình này mang ra chợ bán được khối tiền đây!».

Bác lay thử bình, thấy nặng quá. Bác nghĩ: «Ta phải mở ra xem cái gì trong đó đã!». Bác lấy con dao loay hoay nạy được nắp bình, nghiêng bình lắc mấy cái, đổ ra đất. Từ trong bình tuôn ra một làn khói cao ngất tầng mây và tỏa khắp mặt đất. Bác đánh cá hết sức ngạc nhiên. Khói tỏa ra miệng bình tụ lại, rung rinh biến thành con quỷ, trông thật xấu xí và dữ tợn.

2. Hiện nguyên hình rồi, con quỷ thét bảo bác đánh cá:

— Này tên kia, ta báo cho ngươi biết là ngươi sắp chết!

Bác đánh cá mắng ngay:

— Sao mày lại muốn cho ta chết? Ta đã cứu mày ra khỏi bình kia mà?

— Này tên đánh cá kia, hãy nghe chuyện ta đây. Ta vốn là một vị hung thần, vì phạm tội, bị trời phạt hóa kiếp thành quỷ, nhốt vào cái bình này rồi vớt xuống biển. Mấy trăm năm dưới biển sâu, ta chờ mong ai cứu ta, ta sẽ làm phép cho kẻ ấy được giàu sang, sung sướng. Chờ mãi, không có ai cứu, ta tức giận, bèn nguyện: «Từ nay về sau, kẻ nào cứu ta, kẻ ấy sẽ bị ta giết». Vừa dứt lời nguyện thì ngươi cứu ta. Vậy ngươi phải chết!

3. Nghe quỷ nói, bác đánh cá nghĩ thầm: «Ta là người, nó là quỷ. Ta có trí khôn. Vậy ta phải lấy trí mới trị nó được».

Bác bèn bảo quỷ:

— Ngươi nhất định bắt ta chết sao?

— Đúng! Ngươi phải chết!

— Vậy trước khi chết, ta yêu cầu ngươi cho ta biết rõ một điều.

Cứ hỏi đi.

— To lớn như ngươi, làm sao lọt vào trong cái bình này được?

— Ngươi không tin ta à?

— Ta không thể nào tin được, trừ phi ta thấy tận mắt ngươi chui vào trong bình.

Quỷ bèn rũ mình, biến thành đám khói, bay đến tận trời xanh, khói tụ lại rồi dần dần chui hết vào trong bình. Bác đánh cá vội lấy ngay cái nắp bằng chì đây luôn miệng bình lại. Quỷ vội tìm cách chui ra khỏi bình nhưng không được. Nó hết lời van xin bác đánh cá. Nhưng vô ích. Bác đánh cá lại vớt cái bình xuống biển sâu. Thế là con quỷ trở lại dưới đó vĩnh viễn.

Lược phỏng theo Truyện dân gian Ả Rập

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

- *Hung thần*: Ông thần hung dữ làm hại người.
- *Ngán ngẫm*: chán nản hết sức, không còn hứng thú gì nữa.
- *Nguyên hình*: hình thù vốn có thực.

b) Ý nghĩa:

Đây là một chuyện cổ dân gian Ả rập. Câu chuyện kể về một gã hung thần gian ác được bác đánh cá giải thoát, lại vô ơn định giết người đã cứu mình, nên đã bị trừng trị đích đáng.

Câu chuyện có tác dụng giáo dục học sinh lòng biết ơn đối với người đã cứu giúp mình và tinh thần cảnh giác, mưu trí đối phó với kẻ gian ác.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

Tranh vẽ con quỷ vừa hiện nguyên hình ở trong cái lọ ra, mặt mũi xấu xí dữ tợn. Bên cạnh là bác đánh cá nhìn quỷ vừa ngạc nhiên vừa tức giận.

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Mẻ lưới cuối cùng.

— Giọng kể chậm rãi thể hiện linh hoạt các trạng thái tâm lí khác nhau của bác đánh cá: lòng kiên nhẫn, nỗi mừng rỡ và sự ngạc nhiên.

2. Đoạn 2: Quỷ ác vô ơn.

Cần thể hiện rõ giọng lưỡi bạc ác bất nhân của con quỷ.

Chú ý nhấn mạnh lời lẽ vong ân bội nghĩa của hắn: người sắp chết — kẻ nào cứu ta, kẻ ấy sẽ bị ta giết — vậy người phải chết...

3. Đoạn 3: Đáng đời loài quỷ bất nghĩa.

Giọng kể cần làm nổi rõ tâm lí, thái độ của bác đánh cá trước con quỷ hung ác bất nghĩa: bình tĩnh, chủ động, mưu trí và rất tự tin.

C — Học sinh kể:

1. Kể lại đoạn bác đánh cá thả mẻ lưới cuối cùng ngoài biển.

2. Kể lại đoạn con quỷ tỏ thái độ vô ơn bạc nghĩa đối với người đã cứu nó.

3. Bác đánh cá đã đối phó ra sao để trừng trị con quỷ bất nghĩa đó?

D — Tổng kết:

Con quỷ ác đã không biết ơn, lại còn định giết cả người đã cứu mình, nên đã bị trừng trị đích đáng. Đó là tấm gương cho những kẻ bất nhân bất nghĩa phản bội lại người đã làm ơn cho mình.

30. HAI VIÊN NGỌC QUỲ

1. Một buổi sáng, bé Dương nói với mẹ:

— Ước gì con có một viên ngọc, mẹ nhỉ?

Mẹ hỏi Dương:

— Con ước có ngọc để làm gì?

Dương đáp:

— Để con nhìn vào đấy. Nhìn vào đấy thích lắm. Có lần bà đã bảo trong đó có bà tiên, có lâu đài, có cả nhà máy nữa cơ!

2. Mẹ cười nói:

- Con có những hai viên ngọc kia mà!
- Đâu hả mẹ?

Mẹ chỉ ra phía trước:

— Rồi mẹ sẽ chỉ hai viên ngọc cho con. Bây giờ con hãy trả lời mẹ: con có nhìn thấy gì ngoài sông kia không?

Bé Dương nheo mắt nhìn rồi bảo:

— Con thấy có dòng nước xanh, trên dòng sông có những cánh buồm...

Mẹ gật đầu đáp:

— Mẹ cũng thấy trong hai viên ngọc của con có những cánh buồm nho nhỏ, xinh xinh, dòng sông trong biếc và cả những tia nắng vàng rực rỡ... Bây giờ con thấy gì ở phía bờ sông?

Bé Dương gần như reo lên:

— Có những chú bò đang gặm cỏ, mẹ ạ!

Mẹ cười:

— Trong hai viên ngọc của con cũng có những chú bò đang nhón nhơ gặm cỏ đấy!

Chợt có tiếng gà gáy. Mẹ chỉ vào sách « Học vần » hỏi Dương:

— Chữ gì đây con?

Dương đáp:

— Chữ O ạ!

Mẹ nói:

— Chữ O này lại lướt qua hai viên ngọc kì lạ để chui vào đầu con rồi!

— Đâu? Con chẳng có viên ngọc nào cả!

Mẹ bảo:

— Con thử nhắm hai mắt lại xem nào?

Dương làm theo lời mẹ, nhắm nghiền cả hai mắt lại

Mẹ hỏi:

— Con có thấy gì không?

Dương lắc đầu:

— Con chẳng thấy gì cả!

Mẹ bảo:

— Đó là vì hai viên ngọc đã bị che kín mắt rồi!

3. Dương chợt hiểu ra, reo lên:

— Con biết rồi, đó là đôi mắt phải không mẹ?

Mẹ đáp:

— Đúng thế! Hai con mắt chính là hai viên ngọc kì diệu đấy, con ạ! Lúc nào con cũng phải giữ gìn cho nó luôn luôn thật trong sáng. Nếu để hai viên ngọc bị bẩn... thì nó sẽ mờ đi và con nhìn mọi vật sẽ xấu đi, không rõ nữa. Hai con mắt con còn quý hơn cả những viên ngọc kì lạ con hằng mơ ước đấy...

N. C. sưu tầm.

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện:

a) Giải nghĩa từ khó:

— *Ngọc*: thứ đá quý rất đẹp dùng để làm đồ trang sức.

— *Kì diệu*: Như có tài phép lạ thường, con người không thể có được.

b) Ý nghĩa :

Câu chuyện nói về giá trị của đôi mắt và ngụ ý giáo dục ý thức giữ gìn và bảo vệ đôi mắt, cửa sổ của trí tuệ con người.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Giáo viên kể :

— Đoạn 1: Bé Dương ước ao có viên ngọc quý.

— Đoạn 2: Mẹ dẫn dắt bé Dương tìm ra hai viên ngọc quý.

— Đoạn 3: Lời khuyên của mẹ đối với bé Dương.

Đây là câu chuyện kể chủ yếu bằng lời văn đối thoại, nên khi kể, giáo viên cần chú ý thể hiện đúng tính cách của từng nhân vật. Bé Dương ngây thơ, hồn nhiên, tò mò muốn tìm hiểu những điều mới lạ. Bà mẹ yêu quý con, có thái độ dịu dàng, kiên nhẫn dẫn dắt con để giúp con tìm hai viên ngọc quý chính là đôi mắt, và xây dựng cho con ý thức giữ gìn, bảo vệ đôi mắt.

B — Học sinh kể :

1. Một buổi sáng bé Dương đã nói với mẹ điều gì?

2. Hãy kể lại đoạn mẹ cho biết bé Dương có những hai viên ngọc.

3. Cuối cùng mẹ đã khuyên bé Dương như thế nào?

C — Tổng kết :

Nhờ có đôi mắt ta nhìn được tất cả mọi cảnh vật xinh đẹp, mọi công trình do con người xây dựng nên; nhờ có đôi mắt ta đọc sách và mở mang trí óc ra được. Vậy đôi mắt chính là hai viên ngọc quý mà ta cần phải hết sức giữ gìn cho nó luôn luôn trong sáng.

31. CÁI THOI VÀNG

1. Ngày trước có hai chị em mồ côi cha mẹ, người chị thì lười còn người em lại rất siêng năng. Cô chị cậy mình lớn, việc gì cũng sai em làm. Cô em làm đủ mọi việc lại còn chăm lo dệt vải. Một hôm cô em đi gánh nước, chẳng may làm rơi cái gầu xuống giếng sâu. Cô chị đánh em và đuổi đi. Em đi vào rừng, thấy một cái hang đẹp, liền vào xem. Cô thấy trong hang có một tòa lâu đài. Thoạt đầu, cô gặp một cái lò than đỏ rực, trên nướng đầy bánh. Mấy chiếc bánh thấy cô, liền kêu lên: «Chị ơi! Chị kéo chúng tôi ra khỏi lò đi, không chúng tôi bị cháy mất!». Cô đến bên lò, tuy lò rất nóng nhưng cô cũng lấy được hết bánh ra, xếp vào một cái mâm. Bụng đã đói, nhưng nghĩ bánh không phải của mình, cô không ăn cái nào lại tiếp tục đi. Đến một mảnh vườn, cô thấy rất nhiều cây lê, cây nào cũng nặng trĩu quả.

Mấy quả lê kêu lên: «Chị ơi! Hái chúng tôi xuống đi, chúng tôi chín đã lâu rồi!». Cô hái lê xuống và xếp đầy một cái giỏ để ở gốc cây. Tuy bụng đói cô cũng không ăn quả nào, vì không phải của mình.

Từ trong lâu đài, có một bà cụ già đi ra. Cô sợ quá định chạy, nhưng bà già gọi lại và nói: «Cháu thật thà lắm! Cháu đừng sợ, cháu ở lại đây với bà. Nếu cháu chịu khó làm việc, bà sẽ cho cháu một phần thưởng xứng đáng». Nói xong, bà cụ đem bánh và lê chia cho cô ăn. Cô chăm chỉ làm mọi việc trong lâu đài. Nhưng vài ngày sau, cô thấy buồn vì nhớ nhà. Cô bèn tìm bà cụ, thưa:

— Được ở với bà, cháu rất sung sướng. Nhưng cháu nhớ nhà quá. Bà cho cháu về thăm có được không ạ?

Bà già bảo: «Cháu nhớ nhà, như vậy là cháu rất tốt. Cháu đã giúp bà nhiều việc. Đây là phần thưởng

bà đánh cho cháu. Cái thoi vàng này dệt vải sẽ nhanh gấp mười lần thoi gỗ, cháu hãy cầm lấy». Rồi bà già dẫn cô ra khỏi hang và chỉ đường cho cô về.

2. Về đến nhà, cô đem thoi vàng ra dệt. Thoi dệt nhanh thoăn thoắt và làm ra được tất cả các thứ gấm vóc quý. Cô chị cũng muốn có nhiều gấm vóc như em bèn hỏi chuyện, cô em kể hết đầu đuôi. Cô chị bèn đi vào rừng và tìm đến hang đá. Cô cũng vào hang và thấy tòa lâu đài.

Đầu tiên, cô cũng gặp cái lò than đỏ rực, trên nung đầy bánh thơm phức. Mấy chiếc bánh cũng kêu lên: «Chị ơi, chị kéo chúng tôi ra khỏi lò đi, nếu không chúng tôi bị cháy cả bây giờ!». Cô chị lại gần lò. Nhưng nóng quá, cô chỉ lấy ra một cái và ăn ngấu nghiến. Đến mảnh vườn, cô chị thấy nhiều lê. Mấy quả lê cũng kêu lên: «Chị ơi! Hái chúng tôi xuống đi, chúng tôi chín đã lâu rồi!». Nhưng cô chị chỉ hái một quả để ăn.

Trong lâu đài, một bà già đi ra. Bà già nói: «Cháu có muốn ở với bà không? Nếu cháu chăm chỉ làm việc, bà sẽ cho cháu một phần thưởng xứng đáng». Cô chị bằng lòng. Nhưng vốn tính siêng ăn, nhác làm nên suốt ngày cô chị chăm ăn bánh, ăn lê mà chẳng muốn làm việc gì.

Được vài ngày cô chị đòi về và hi vọng được bà già tặng món quà.

Bà già hỏi lại cô: «Bây giờ cháu muốn xin gì trước khi về, bà sẽ cho».

Thấy bà hỏi, cô ngẫm nghĩ hồi lâu. Cô định xin chiếc thoi vàng nhưng lại ngại dệt, nên cô nghĩ: «Ta xin cái gì để ăn được hằng ngày thì thích hơn». Nghĩ vậy, cô bèn xin lò bánh. Bà già đồng ý và dặn: «Lò này chỉ làm ra bánh cho những người chăm chỉ. Cháu tắt lửa đi rồi mang lò về».

Cô hơn hờ mang lò bánh về. Về đến nhà, cô nhóm lửa lên nhưng không thấy bánh hiện ra. Còn cô em chỉ mãi miết ngồi dệt vải. Khi nào đói bụng, đến bên lò bánh thì bao giờ cũng có một chiếc bánh thơm phức đang chờ cô. Thấy vậy, cô chị bắt đầu học dệt vải. Ngày nào cô chăm dệt vải thì ngày đó cô cũng được một chiếc bánh thơm phức.

Trịnh Mạnh kể

(Dựa theo Truyện cổ Trung Quốc)

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

Siêng năng: Chăm chỉ đều đặn.

Lâu đài: Tòa nhà to lớn, đẹp đẽ, dùng cho vua chúa ở ngày xưa.

b) Ý nghĩa:

Đây là một truyện cổ tích có nội dung giáo dục trẻ em tình yêu lao động, cho các em thấy: có làm thì mới có ăn, người chăm chỉ thật thà là người đáng yêu, kẻ siêng ăn biếng làm là kẻ đáng ghét.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

— Câu chuyện này tương đối dài, giáo viên cần đọc kĩ và tập kể trước nhiều lần.

— Nên có bộ tranh minh họa cho chuyện kể thêm sức hấp dẫn đối với các em nhỏ: cô em xếp bánh ra khỏi lò, hái lê đầy giỏ, chăm chú ngồi dệt vải — cô chị ăn bánh, ăn lê, mang lò bánh về nhà...

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Cô em được bà tiên thưởng cho chiếc thoi vàng.

Giọng kể cần rõ ràng mạch lạc, chú ý làm nổi rõ tính cách của cô em: hiền lành, chăm chỉ, thật thà, được bà tiên yêu mến và khen ngợi (lấy được hết bánh ra, không ăn cái nào, hái lê xuống xếp đầy một cái giỏ, không ăn quả nào, chăm chỉ làm mọi việc, buồn vì nhớ nhà...).

2. Đoạn 2:

Cô chị có làm mới có bánh ăn.

Giọng kể ở đoạn này cũng cần thể hiện rõ tính cách trái ngược của cô chị: độc ác, lười biếng, háu ăn (chỉ lấy ra một cái, ăn ngấu nghiến, chỉ hái một quả để ăn, suốt ngày... chăm ăn bánh, ăn lê... chẳng muốn làm việc gì, nhưng lại ngại dệt, xin lò bánh, hơn hở mang lò bánh về...).

C – Học sinh kể:

Đoạn 1: Hai chị em mồ côi sống với nhau như thế nào?

– Vì sao cô em đã đi vào rừng?

– Cô đã thấy những gì và đã gặp ai?

– Cô đã sống với bà tiên như thế nào và được bà thưởng cho cái gì?

Đoạn 2: – Dựa vào những câu gợi ý ở đoạn 1, em hãy kể lại đoạn cô chị đi vào rừng để được gặp bà tiên.

– Vì sao cô chị cuối cùng cũng chăm làm như cô em?

D – Tổng kết:

Hai chị em mồ côi sống với nhau. Cô chị tham ăn lại lười biếng, còn cô em chăm chỉ, thật thà, được bà tiên thưởng cho chiếc thoi vàng.

Kết quả cô chị cũng chăm làm như cô em để có bánh ăn. Đúng là:

«Có làm thì mới có ăn,

Không dung ai dễ mang phần đến cho».

32. CHUYỆN ANH LÃI ĐÒ Ở KINH ĐÔ

1. Ngày xưa, có vua một nước lớn ở phương Bắc cử một viên quan trong triều đi sứ ở một nước nhỏ phương Nam để bắt nước này phải quy phục mình.

Bữa đó, khi sang tới đất kinh đô, đến trước cổng Ngọ môn khép kín, viên sứ không chịu vào lối cổng bên, lại ngạo mạn bảo với đám quân lính bảo vệ cung vua:

– Lũ người lập tức phải mở ngay cổng chính Ngọ môn ra để rước ta vào! Ta sang đây gặp vua các người theo lệnh của Đức đại hoàng đế bên Thiên triều đây, các người có biết không?

Một bác lính canh râu rậm bèn trả lời:

– Thưa quan sứ, cổng chính Ngọ môn này chỉ dành riêng cho Đức hoàng thượng của chúng tôi ra vào! Còn tất cả mọi người trong thiên hạ từ quan to đến quan nhỏ trong triều, cho đến họ hàng thân thích nhà vua cũng đều vào theo lối cổng bên này và ra theo lối cổng bên kia, ai dám đặt chân vào cổng chính Ngọ môn lập tức sẽ bị chém đầu!

Viên sứ dùng dùng nổi giận thét lên:

– A ha! Vua tôi lũ bay quả là hỗn xược! Ta đường đường là sứ thần của Thiên quốc đã từng xưng hùng xưng bá ở phương Bắc xưa nay, lẽ nào ta lại không bằng một anh vua nhép ở cái xứ phương Nam nhỏ bằng cái lỗ mũi này hay sao!

Bác lính canh râu rậm liền đáp lại:

– Dám thưa quan sứ, nước lớn có vua nước lớn, nước nhỏ cũng có vua nước nhỏ. Đã là vua một nước thì ở đâu cũng gọi là vua cả! Mà đã là sứ thần bất cứ nước nào thì dù chui vào cái lỗ mũi cũng chỉ là sứ thần, sao lại đem sánh với vua được! Bởi vậy, thưa quan

sứ, nước chúng tôi tuy nhỏ nhưng đời nào cũng giữ vững kỉ cương và chỉ có một Đức vua cai quản cả thiên hạ. Cho nên ngoài Đức hoàng thượng chúng tôi ra, không thể có người thứ hai ra vào cổng chính Ngọ môn này được!

Biết giờ thói hống hách nước lớn không được, viên sứ bèn quay ra ngồi li ở quán tạm trú phía ngoài Ngọ môn.

2. Đang ngồi bó gối ôm mối tức tối trong lòng, viên sứ chợt thấy anh chàng lái đồ đánh chiếc quần cộc, ban sáng mới chở đồ cho hắn qua sông để sang kinh đô, bỗng ở đâu lù lù lại xuất hiện. Hắn chợt dạ nghĩ bụng: ừ, thằng cha này lúc sáng dám ngang nhiên đối đáp ăn miếng trả miếng với mình, làm cho mình bị ngượng mặt với gã đây mà! Bây giờ gã lại đến định giờ trò gì đây!

Còn đang băn khoăn lo lắng, viên sứ bỗng thấy anh lái đồ cười khẩy và nói với hắn: «Này! Quan sứ ngồi bó gối làm gì đây? Đi dạo chơi kinh đô một lát cho đỡ buồn đi!... À, đồ quan sứ đuổi kịp tôi đây!». Nói chưa dứt lời, anh chàng vớ luôn chiếc cán chổi lông gà thẳng cánh vụt cho quan sứ một vụt đau điếng rồi co cẳng bỏ chạy. Điên tiết, viên sứ tức tốc đuổi theo, quyết chẻ xác gã ra phen này cho hả giận. Anh chàng lái đồ cứ thoăn thoắt chạy ngang chạy dọc lúc gần lúc xa làm cho quan sứ càng lồng lộn chạy rần thêm quyết bắt cho kì được. Thế rồi, đột nhiên anh lái đồ chợt dừng lại vỗ tay đôm đốp và reo âm lên: «A ha! Sứ thần phương Bắc đã vào trong cung để bái yết Đức hoàng thượng rồi! Anh em ơi!». Viên sứ giật mình đứng sững lại. Thì ra trong lúc đang sôi máu đuổi bắt anh lái đồ, quan sứ đã học tốc rượt theo chân anh ta chạy tọt qua lối cổng bên để vào trong cung mất rồi! Chẳng lẽ bây giờ lại đành chui ra lối

cổng ấy lần nữa để khăng khăng đòi vào cổng chính Ngọ môn cho rõ oai phong của sứ thần một nước lớn hay sao!...

Anh chàng lái đồ đánh chiếc quần cộc có vẻ quê mùa kia với bác lính canh râu rậm té ra cũng chỉ là một: đó là ông Trạng Quỳnh, một người nổi tiếng học giỏi và thông minh, lanh lợi cuối đời Lê, được nhà vua sai ra đón viên sứ phong kiến Trung Quốc kiêu ngạo, hống hách kia khi hắn đặt chân tới đất kinh đô Thăng Long này.

Đỗ Quang Lưu

(Dựa theo truyện dân gian
Việt Nam)

HƯỚNG DẪN

I - Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó.

- *Kỉ cương*: phép tắc của một nước.
- *Kinh đô*: thành phố trung tâm nơi vua chúa ở trong thời phong kiến.
- *Ngọ môn*: cửa chính của hoàng thành trong có cung vua.
- *Thiên triều*: *Thiên quốc*: triều đình của nhà Trời, nước của nhà Trời (cách tự xưng của phong kiến Trung Quốc ngày xưa đối với các nước nhỏ).

b) Ý nghĩa:

Câu chuyện dân gian trên đây đã đề cao truyền thống bất khuất và tài trí thông minh của nhân dân ta trong việc đấu tranh chống uy quyền nước lớn của phong kiến Trung Quốc.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

Tranh vẽ viên sứ thần Trung Quốc đứng trước Ngọ môn đang đòi lính canh mở cổng chính ở giữa cho hắn vào cung vua.

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Sứ phương Bắc hống hách.

Giọng kể cần thể hiện rõ rệt thái độ và giọng nói hách dịch, kiêu ngạo của sứ Trung Quốc và thái độ bình tĩnh, chủ động, vững vàng của bác lính già canh cổng Ngọ môn.

2. Đoạn 2: Sứ phương Bắc mắc mưu anh lái đò.

Giọng kể cần linh hoạt khi thuật lại việc anh lái đò bôn cọt chọc túc viên sứ; giọng pha đôi chút mỉa mai, châm biếm khi kể đến đoạn viên sứ biết đã mắc mưu anh lái đò.

Đặc biệt cần chú ý thể hiện đúng tiếng vỗ tay «đôm đốp» và tiếng reo to đầy thích thú của anh lái đò:

— A ha! Sứ thần phương Bắc đã vào trong cung để bái yết Đức hoàng thượng rồi! Anh em ơi!

C — Học sinh kể:

Đoạn 1: — Viên sứ phương Bắc sang tới kinh đô nước nhỏ ở phương Nam đã tỏ thái độ hống hách như thế nào?

— Hắn đã bị bác lính già canh cổng Ngọ môn đối đáp ra sao?

Đoạn 2: — Kể lại đoạn viên sứ phương Bắc đã mắc mưu anh lái đò.

— Anh lái đò ấy là ai? Viên sứ đó ở nước nào tới?

D — Tổng kết:

Phong kiến Trung Quốc ngày xưa thường sang đe dọa nước ta và bắt nhân dân ta phải phục tùng uy

quyền nước lớn của chúng. Nhưng với truyền thống bất khuất và tài trí thông minh của mình, nhân dân ta đã kiên quyết đấu tranh và luôn luôn làm thất bại mọi thủ đoạn hống hách nước lớn của chúng.

33. CÔNG CHÚA TÓC VÀNG

1. Ngày xưa có một chàng trai thông minh, dũng cảm và tốt bụng tên là Aroka.

Một hôm Aroka câu được một con cá hình thù kì dị. Anh không biết làm gì, liền thả cá xuống nước. Lạ thay, cá cất tiếng nói với anh:

— Cảm ơn anh đã thả tôi ra. Xin biểu anh viên ngọc này nó sẽ giúp anh hiểu được tiếng nói của tất cả các loài vật trên đời.

Aroka vui sướng mang viên ngọc về nhà. Đang bữa cơm, anh thấy hai con chim mỏ ngậm một sợi tóc vàng óng ánh đậu trên cửa sổ. Chúng bàn tán sôi nổi về chuyện nàng công chúa xinh đẹp đang bị giam hãm trong tòa lâu đài bằng pha lê ở cạnh rừng bên. Nghe thế, Aroka liền lên đường cứu người con gái xấu số. Anh vừa tới khu rừng thì trông thấy hai con chim đang bay lượn nháo nhác vì chim con bị gió hất rơi khỏi tổ. Aroka nhặt chú chim non đặt vào chỗ cũ và tiếp tục đi. Được một quãng, anh lại cứu bầy kiến đang bị lửa vây, một con ong vàng vướng vào mạng nhện và chú cá chép bị mắc cạn. Tất cả các con vật được cứu đều cảm ơn Aroka và nhận đưa đường cho anh đến chỗ nàng công chúa tóc vàng bị giam.

2. Khi anh đến lâu đài thì yêu tinh đã hiện ra đón đường. Nó cười khà khà và nói với Aroka:

— **Chàng** trai trẻ định đến cướp nàng công chúa xinh đẹp của ta ư? Hãy làm cho được ba điều sau, anh sẽ toại nguyện, bằng không thì đừng nghĩ đến việc trở về!

Thoạt đầu yêu tinh bắt anh nhặt tất cả những viên ngọc trai trong chuỗi hạt của nó vừa bị rơi vãi trên đám cỏ rậm. Aroka lo lắng tìm kiếm. Anh chột nhìn xuống đất và thấy một bầy kiến không biết từ đâu đến, đã nhặt gọn giúp anh đầy đủ, không sót một viên nào.

Đến việc thứ hai, yêu tinh bảo anh xuống đáy hồ mò cho nó chiếc nhẫn quý rơi. Việc này Aroka được cá chép giúp.

Việc cuối cùng, yêu tinh bắt anh vào lâu đài nhận mặt công chúa đang đứng lẫn trong năm mươi cô gái khác giống hệt nhau, trên mặt mỗi cô đều có một tấm lụa phủ kín. Aroka đang băn khoăn thì chú ong vàng xuất hiện. Chú bay lượn trước mặt một cô gái và hát:

Công chúa tóc vàng đây;

Anh hãy đến ngay

Đem nàng đi khỏi nơi này!

Aroka vội chạy lên đón công chúa và đặt nàng lên mình ngựa, phóng một mạch về cung vua.

Từ đó, Aroka trở thành con rể của nhà vua và anh được sống hạnh phúc với nàng công chúa tóc vàng kiều diễm đó.

Theo truyện dân gian Tiệp Khắc
(Báo *Thiếu niên tiền phong*)

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

Công chúa: con gái vua.

Toại nguyện: được như mong muốn.

Kiều diễm: (người phụ nữ) dịu dàng, đẹp để khác thường.

b) Ý nghĩa:

Đây là một truyện cổ tích Tiệp Khắc ca ngợi một chàng trai thông minh, dũng cảm và tốt bụng, luôn luôn giúp đỡ mọi người từ việc nhỏ đến việc lớn.

Câu chuyện có ý nghĩa giáo dục học sinh luôn luôn tìm mọi cách làm việc tốt để giúp ích mọi người.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

Nên có tranh minh họa các nhân vật từ Aroka đến các loài vật, con yêu tinh và nàng công chúa...

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Aroka là người tốt bụng, luôn luôn cứu giúp mọi người.

Giọng kể cần dịu dàng, rành mạch thể hiện được lòng thương người của Aroka tốt bụng.

2. Đoạn 2: Aroka đến lâu đài cứu công chúa thoát khỏi con yêu tinh độc ác.

Giọng kể ở đoạn này cần linh hoạt, sôi nổi hơn, thể hiện cuộc đấu tranh gay gò giữa Aroka được các bạn chịu ơn mình giúp đỡ với con yêu tinh ranh ma độc ác.

C — Học sinh kể:

Đoạn 1: — Câu được con cá lạ Aroka đã làm gì?

— Nhờ đó, Aroka đã biết được điều gì?

— Trên đường đi cứu công chúa, Aroka đã cứu được những con vật nào?

Đoạn 2:

— Gặp con yêu tinh, Aroka phải đối phó với nó như thế nào?

— Kết quả ra sao?

D — Tổng kết:

Aroka là một người tốt, anh luôn luôn giúp đỡ mọi người: Từ việc thả con cá kì dị đến việc cứu cô công chúa khỏi con yêu tinh độc ác, anh đều không quản ngại.

Chúng ta cần học tập gương tốt của Aroka cố gắng làm những việc tốt để giúp ích mọi người.

34. ANH HÙNG ĐÁNH XE TĂNG

1. Anh Củ Chính Lan đang sống yên vui với cha mẹ thì giặc Pháp kéo đến. Quê hương anh bị giặc cho máy bay đến ném bom và tàu thủy từ ngoài biển bắn pháo vào làm nhà cháy, người chết, nhân dân rất khổ cực. Anh Lan vô cùng căm ghét quân xâm lược nên xin vào bộ đội giết giặc.

Một lần, đơn vị anh Lan được lệnh đi đón đánh xe tăng địch ở đường số 6. Anh và các bạn đồng đội đã đánh tan được cả đoàn xe địch, chỉ còn sót một chiếc đang hoảng hốt vừa rút chạy vừa bắn đại bác sang phía quân ta. Anh em hỏi nhau:

— Làm thế nào bây giờ?

Anh Lan chỉ vào chiếc xe mà nói:

— Phải đánh bằng được chiếc xe này!

Nói xong, anh cùng đồng đội băng băng chạy theo xe tăng. Đạn địch bắn ra tới tấp như muốn chặn đường

tiến của các anh. Khi đến gần, nhanh như sóc, anh Lan nhảy lên bám lấy đuôi xe, tìm cách bò lên. Xe chạy nhanh, mấy lần trượt ngã xuống, nhưng anh Lan vẫn quyết leo bằng được lên thành xe. Hai lần ném lựu đạn vào thùng xe, nhưng lại bị hất trả lại.

2. Lúc này máy bay và đại bác địch bắn quân ta ngày một dữ dội. Các bạn đồng đội của anh đều bị thương cả. Càng căm thù giặc, anh càng quyết tâm đánh bằng được chiếc xe.

Hết lựu đạn, anh lấy lựu đạn của đồng đội bị thương, chạy tắt qua rừng, đón đầu chiếc xe tăng. Lần này là lần thứ năm anh lại nhảy lên xe. Tay trái anh cố mở nắp xe tăng, tay phải cầm lăm lăm lựu đạn và lấy răng cắn chốt. Nhưng anh không ném ngay vì sợ giặc lại ném trả lại như những lần trước. Anh giờ quả lựu đạn trong tay, lựu đạn xì khói. Anh tổng luôn vào xe rồi nhảy xuống.

Lựu đạn nổ: « Oang »... Ba tên giặc trong xe chết ngay, chiếc xe bốc cháy ngùn ngụt. Mừng quá anh la lớn:

— ... Cháy rồi! Xe tăng cháy rồi!

Sau trận đó anh được thưởng Huân chương và được phong là Anh hùng quân đội.

Phỏng theo truyện
« Củ Chính Lan đánh xe tăng »

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

— Băng băng: ý nói chạy rất nhanh, không ngừng lại chút nào.

— Bốc cháy ngùn ngụt: cháy to, ngọn lửa bốc cao.

b) Ý nghĩa:

Năm 1951 giặc Pháp tràn ra đường số 6. Để chặn bước tiến của giặc, bộ đội ta đánh đoàn xe tăng của địch. Anh Cù Chính Lan đã cùng đồng đội kiên trì, dũng cảm và quyết tâm tiêu diệt bằng được chiếc xe cuối cùng còn sót lại của giặc, thể hiện sâu sắc tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân đội ta.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

Tranh vẽ: Anh Cù Chính Lan tay phải cầm lựu đạn đang xì khói, tay trái mở nắp xe tăng địch.

B — Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Anh Lan đuổi đánh chiếc xe tăng của địch.

— Ý thứ nhất: giới thiệu quê hương và gia đình anh Lan.

Giọng kể cần rõ ràng nhưng trầm lắng, thể hiện sự thông cảm với lòng căm thù giặc của anh Cù Chính Lan.

— Ý thứ hai: Anh Lan cùng đồng đội đi chặn đánh đoàn xe địch. Khi kể cần thể hiện thái độ khẩn trương của đồng đội, thái độ tích cực, chủ động đánh địch của anh Lan. Nhấn mạnh câu nói:

— Phải đánh bằng được chiếc xe này!

2. Đoạn 2: Anh Lan quyết tâm tiêu diệt bằng được chiếc xe tăng của địch.

Khi kể đoạn này cần thể hiện rõ nét tinh thần quyết chiến quyết thắng của anh Lan. Vì vậy giáo viên nên kết hợp nhấn giọng với làm điệu bộ: « Chạy tắt qua rừng, đón đầu chiếc xe tăng, lại nhảy lên xe, tay trái... cố mở nắp xe tăng, tay phải cầm lăm lăm lựu đạn, lấy răng cắn chốt... giờ quả lựu đạn... lựu đạn xì khói... tổng luôn vào xe và nhảy xuống... lựu đạn nổ « Oàng! »... » Trong khi kể, mắt vừa theo dõi học sinh, vừa liếc nhìn

tay phải... tưởng tượng như giờ quả lựu đạn ở trước mắt...

Cuối cùng là giọng phấn khởi:

— ... Cháy rồi! Xe tăng cháy rồi!.. »

C — Học sinh kể:

Đoạn 1:

— Vì sao anh Cù Chính Lan xin đi bộ đội giết giặc?

— Trong trận đánh đoàn xe, anh Lan đã cùng với đồng đội đuổi đánh chiếc xe tăng còn sót lại của địch như thế nào?

Đoạn 2: — Tình thế trận đánh lúc này trở nên gay go ác liệt như thế nào?

— Làm cách nào anh Lan đã phá bằng được chiếc xe tăng của địch?

D — Tổng kết:

Với lòng yêu nước và căm thù giặc sâu sắc, anh Cù Chính Lan đã quyết tâm tiêu diệt địch. Dù chỉ còn một chiếc xe tăng giặc, bốn lần đánh chưa được, nhưng anh không nản chí. Lần thứ năm vượt mọi khó khăn nguy hiểm, anh đã tìm ra cách để tiêu diệt nó. Kết quả xe tăng địch đã bốc cháy. Anh Lan xứng đáng là anh hùng của quân đội ta.

35. NIỀM VUI BẤT NGỜ

1. Vào một buổi sáng nắng đẹp, cô giáo Mỹ dẫn các cháu mẫu giáo đi chơi vườn Bách thảo.

Đi đến vườn Bách thảo phải đi qua Phủ Chủ tịch là nơi Bác Hồ sống và làm việc ở đây. Qua nhà Bác, các cháu mẫu giáo thích lắm. Em nào cũng sung sướng reo lên:

— Nhà Bác Hồ!

— Nhà Bác Hồ đẹp quá!

— Cô ơi! Cho chúng cháu vào thăm Bác Hồ đi!

Nơi đây vốn yên tĩnh, nay bỗng trở nên ồn ào vì mấy chục cháu nhỏ. Đồng chí công an vội nói với cô giáo:

— Cô cho các cháu sang bên kia đường xem cho có trật tự!

Cô giáo vội thôi còi tập hợp các cháu lại, Nhưng cháu nào cũng vui sướng, nhảy lên như bầy chim non riu rít xin cô đứng lại xem nhà Bác:

— Cô cho chúng cháu xem một tí nữa thôi!

— Cháu xem một tí nữa thôi, cô ạ!

— Bác Hồ ngồi đâu hở cô?

— Sao chúng cháu không được vào thăm Bác Hồ?

2. Tiếng các cháu hỏi mỗi lúc một nhiều, khiến cô giáo lúng túng. Bỗng cánh cổng xanh Phủ Chủ tịch từ từ mở. Một đồng chí cán bộ vui vẻ nói với các đồng chí công an và cô giáo cho các cháu vào. Cô giáo sung sướng hội họp dẫn các cháu đi theo hàng đôi vào Phủ Chủ tịch.

— A Bác! Bác Hồ! Bác Hồ!

Một cháu nhỏ reo lên. Tất cả các cháu như bầy chim non bay nhanh về phía Bác. Từ những miệng hồng nhỏ nhắn xinh xinh, cất lên những lời chào đáng yêu:

— Chúng cháu chào Bác ạ! Chúng cháu chào Bác ạ!

Bác Hồ giản dị, hiền từ trong bộ áo bà ba tơ tằm, đi đôi dép cao su, tươi cười đón các cháu. Bác hỏi:

— Các cháu có ngoan không?

— Thưa Bác, có ạ! — Tất cả các cháu trả lời.

— Bây giờ các cháu thích gì nào?

— Thưa Bác, chúng cháu thích vào thăm nhà Bác! Chúng cháu thích thăm vườn của Bác!

Bác dắt tay hai cháu nhỏ nhất, còn các cháu khác xúm xít theo Bác ra vườn. Bác vừa đi vừa chỉ cho các cháu xem những cây Bác đã trồng, chỉ cho các cháu xem hai cây vú sữa miền Nam, và thăm ao cá Bác nuôi. Các cháu riu rít đi quanh Bác Hồ, lắng nghe

từng lời Bác nói. Bác dặn các cháu phải ngoan ngoãn, sạch sẽ, vâng lời cô giáo. Các cháu lắng nghe Bác nói, các cháu muốn nghe mãi, muốn ở bên Bác mãi mãi. Nhưng đã đến giờ Bác tiếp khách. Cô giáo phải cho các cháu ra về. Bác vẫy tay chào nhìn theo các cháu. Các cháu vừa đi vừa luyến tiếc. Cháu nào cũng ngoảnh lại để cố ngắm Bác thêm chút nữa.

Lược trích «Bác Hồ kính yêu»

Nhà xuất bản Kim Đồng

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu chuyện.

a) Giải nghĩa từ khó:

— *Phủ Chủ tịch*: nơi Chủ tịch nước làm việc. Trước đây là nơi Bác Hồ sống và làm việc ở đó.

— *Xúm xít*: họp lại thành đám đông vây xung quanh.

— *Luyến tiếc*: không muốn rời ra vì yêu quý, nhớ nhung.

b) Ý nghĩa:

Đây là một câu chuyện «Người thực, việc thực», do chính người trong chuyện kể và nhà văn ghi lại. Nội dung câu chuyện thể hiện niềm vui sướng của cô giáo và các cháu học sinh mẫu giáo tình cờ được Bác Hồ cho vào thăm nơi Bác làm việc, thăm nhà Bác ở và vườn cây, ao cá của Bác thường chăm sóc.

Câu chuyện phản ánh sâu sắc lòng yêu thương của Bác Hồ đối với thiếu nhi và tình cảm của các cháu thiếu nhi đối với Bác.

II — Hướng dẫn lên lớp.

A — Chuẩn bị:

— Tranh vẽ: Bác Hồ đang dẫn các cháu mẫu giáo đi thăm vườn cây Bác trồng — Phía xa là nhà sàn và ao cá của Bác.

– Tranh hoặc ảnh chụp: Bác Hồ đang vui chơi với các cháu Thiếu nhi nhân ngày 1-6 tại Phủ Chủ tịch.

B – Giáo viên kể:

1. Đoạn 1: Các cháu mẫu giáo ao ước được vào thăm nhà Bác Hồ. Đoạn này cần kể với giọng linh hoạt thể hiện tình cảm của các cháu và cô giáo đối với Bác Hồ, nhất là khi thuật lại giọng nói riu rít, khàn khản của các cháu:

- Cô ơi, cho chúng cháu vào thăm Bác Hồ đi!
- Cô cho chúng cháu xem một tí nữa thôi!
- Cháu xem một tí nữa thôi, cô ạ!...

2. Đoạn 2: Bác Hồ đón các cháu vào chơi trong Phủ Chủ tịch.

Ở đoạn này, giọng kể cần dịu dàng, rành rọt, thể hiện tình thương yêu sâu sắc của Bác đối với thiếu nhi. Phần cuối cần thể hiện niềm luyến tiếc của các cháu khi phải rời Bác để ra về.

C – Học sinh kể:

Đoạn 1:

- Cô giáo Mỹ đã dẫn các cháu mẫu giáo đi đâu?
- Đi qua nhà Bác Hồ các cháu đã làm gì?

Đoạn 2: – Bác Hồ đã đón các cháu vào chơi trong nhà Bác như thế nào?

– Bác đã vui chơi với các cháu như thế nào và khuyên nhủ các cháu những gì?

D – Tổng kết:

Bác Hồ rất thương yêu các cháu thiếu nhi. Các cháu thiếu nhi cũng rất kính yêu Bác và mong được gần Bác. Vì vậy được vào thăm Bác ngay tại nhà Bác ở, được xem vườn cây, ao cá chính Bác chăm sóc, vun trồng là một niềm vui sướng lớn nhất đối với các cháu.

MỤC LỤC

Trang

Phần một: HƯỚNG DẪN CHUNG
Phần hai: HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

1. Trăm trứng nở trăm con.	22
2. Dê con vâng lời mẹ.	25
3. Từ hai bàn tay.	28
4. Núi cườ,	31
5. Đi tìm bạn.	33
6. Chuyện Ông Gióng.	36
7. Sân chạy thi với Thỏ.	40
8. Chuyện bông hoa cúc trắng.	43
9. Người nông dân và con quỷ.	47
10. Món quà quý nhất.	50
11. Quạ và Công.	53
12. Chuyện ông Yết Kiêu.	56
13. Tự nhận lỗi.	58
14. Em bé thông minh.	61
15. Văn hay nhưng chữ phải đẹp.	63
16. Trâu đoàn kết giết hồ.	66
17. Tiếng trống Mê Linh.	69
18. Đã vụng về còn thích khoe khoang!	72
19. Quả táo.	75
20. Thần Sắt.	79
21. Ông Trạng thả diều.	82
22. Ai ngoan sẽ được thưởng.	85

23. Hai anh em.	88
24. Quả tim của Khỉ. ✕	92
25. Miệng nói ra hoa ra ngọc.	96
26. Chuyện Ông Lương Thế Vinh.	99
27. Ba cô tiên.	102
28. Thỏ rừng và Cá sấu. †	106
29. Chuyện bác đánh cá và gã hung thần. ✕	110
30. Hai viên ngọc quý ✕	113
31. Cái thoi vàng.	117
32. Chuyện anh lái đồ ở kinh đô. ✕	121
33. Công chúa tóc vàng. ✕	125
34. Anh hùng đánh xe tăng. †	128
35. Niềm vui bất ngờ. ✕	131

thuongmaitruongxua.vn

KÈ CHUYỆN

LỚP 1

In 40 000 bản, khổ 13 × 19 tại nhà máy in Diên Hồng
15, phố Hai Bà Trưng — Hà nội. Số in 732/T4. Số X.B. : 146.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8-1981.